

TẠNG LUẬT

TIỂU PHẨM

TẬP HAI

TẠNG LUẬT

TIÊU PHÂM

TẬP HAI

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đấng Chánh Biến Tri!

V. CHƯƠNG CÁC TIÊU SỰ

1. CÁC TIÊU SỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?” Các tỳ khưu đã nghe được những

người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các vị tỳ khưu hỏi rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cạo cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong lúc tắm lại cạo cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào thân cây vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu trong lúc tắm không nên cạo cơ thể vào thân cây; vị nào cạo thì phạm tội *dukkata*.”

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cạo cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào cột trụ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cạo cơ thể, luôn cả bấp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào cột trụ, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào cột trụ; vị nào cọ xát thì phạm tội *dukkata*.”

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực, và lưng vào tường nhà, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vậy?” –nt– Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào tường nhà; vị nào cọ xát thì phạm tội *dukkata*.”

4. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục sư tắm (cọ xát) ở tắm ván xẻ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao –nt– và lưng ở tắm ván xẻ, giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên tắm (cọ xát) ở tắm ván xẻ; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

5. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” –nt– Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. –nt–

- “Này các tỳ khưu, không nên tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với chuỗi hột chà lưng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” –nt– Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. –nt–

- “Này các tỳ khưu, không nên tắm với chuỗi hột chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

7. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” –nt– Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. –nt–

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau; vị nào bảo làm thì phạm tội *dukkata*.”

8. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng (làm bằng răng cá kiếm). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” –nt– Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. –nt–

- “Này các tỳ khưu, không nên tắm với cây chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

9. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh ghê. Đối với vị ấy không có cây chà lưng không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cây chà lưng chưa được chế biến đối với vị bị bệnh.”

10. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ già cả yếu đuối trong lúc tắm không thể kỳ cọ cơ thể của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc dùng dây vải.”

11. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ ngần ngại làm công việc kỳ cọ phần lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng tay như thường lệ.”

12-19. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai –nt– đeo hoa tai dạng chuỗi –nt– đeo râu chuỗi ở cổ –nt– đeo râu chuỗi ở hông –nt– đeo vòng –nt– đeo vòng ở ngực –nt– đeo đồ trang sức ở tay –nt– đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai –nt– đeo hoa tai dạng chuỗi –nt– đeo râu chuỗi ở cổ –nt– đeo râu chuỗi ở hông –nt– đeo vòng –nt– đeo vòng ở ngực –nt– đeo đồ trang sức ở tay –nt– đeo nhẫn ở ngón, có đúng

không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” - nt- Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo dây chuỗi ở cổ, không nên đeo dây chuỗi ở hông, không nên đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo đồ trang sức ở tay, không nên đeo nhẫn; vị nào đeo thì phạm tội *dukkata*.”

20. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - nt-

- “Này các tỳ khưu, không nên để tóc dài; vị nào để (tóc dài) thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (để tóc) hai tháng hoặc (để dài) hai lông tay.”

21-25. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược - nt- chải tóc bằng vật giống hình mang răn - nt- chải tóc bằng tay xòe ra - nt- chải tóc với sáp ong - nt- chải tóc với đầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - nt-

- “Này các tỳ khưu, không nên chải tóc bằng lược, không nên chải tóc bằng vật giống hình mang răn, không nên chải tóc bằng tay xòe ra, không nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với đầu nước; vị nào chải tóc thì phạm tội *dukkata*.”

26. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, và ở trong chậu nước nữa. Dân

chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước; vị nào nhìn thì phạm tội *dukkata*.”

27. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị vết thương ở mắt. Vị ấy đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các đại đức, vết thương của tôi ra làm sao?” Các tỳ khưu đã nói như sau: - “Này đại đức, vết thương của ngài là như thế đó.” Vị ấy không tin. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, do nhân duyên bệnh ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước.”

28. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thoa đầu khuôn mặt, xoa bóp khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở khuôn mặt, vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – nt –

- “Này các tỳ khưu, không nên thoa đầu khuôn mặt, không nên xoa bóp khuôn mặt, không nên thoa phấn khuôn mặt, không nên tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, không nên vẽ màu ở thân thể, không nên vẽ màu ở khuôn mặt, không nên vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkata*.”

29. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh ở mắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, do nhân duyên bệnh ta cho phép thoa đầu khuôn mặt.”

30. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội Giraggasamajja. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi xem lễ hội Giraggasamajja. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi xem vũ, ca, luôn cả tấu nhạc giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – nt –

- “Này các tỳ khưu, không nên đi xem vũ, ca, hoặc tấu nhạc; vị nào đi thì phạm tội *dukkata*.”

31. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các Sa-môn Thích tử này ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài giống y như chúng ta ca hát vậy.” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói – nt – có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt – Sau khi thuyết Pháp thoại, ngài đã bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, đây là năm điều bất lợi khi ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài: Bản thân vị ấy bị say đắm trong âm điệu, luôn cả những kẻ khác cũng bị say đắm trong âm điệu, hàng tại gia phàn nàn, trong khi ra sức thể hiện âm điệu thiên định bị phân tán, người đời sau bị rơi vào xu hướng theo quan điểm sai trái. Này

các tỳ khưu, đây là năm điều bất lợi khi ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Nay các tỳ khưu, không nên ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài; vị nào ngâm nga thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngần ngại trong khi thuyết giảng với giọng có âm điệu. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc thuyết giảng với giọng có âm điệu.”

32. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - nt -

- “Này các tỳ khưu, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

33. Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cây xoài đang ra trái. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho phép rằng: - “Hãy để các ngài đại đức thọ dụng xoài một cách thoải mái.” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã bảo hái luôn cả xoài non rồi thọ thực. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha muốn dùng xoài. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho mọi người rằng: - “Này các khanh, hãy đi đến vườn và mang xoài lại.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Những người ấy theo lệnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến vườn và nói với các người giữ vườn điều này: - “Này các người, đức vua muốn dùng xoài. Các người hãy dâng xoài.” - “Các ngài ơ, không còn xoài nữa. Các tỳ khưu đã bảo hái luôn cả xoài non và thọ dụng.”

Sau đó, những người ấy đã trình sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. - “Này các khanh, xoài đã được các ngài đại đức thọ dụng ngon lành; tuy nhiên, sự chùng mực đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà!” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng xoài của đức vua không biết chùng mực vậy?” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt —

- “Này các tỳ khưu, không nên thọ dụng xoài; vị nào thọ dụng thì phạm tội *dukkata*.”

34. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Các miếng xoài đã được bỏ vào trong món súp. Các tỳ khưu ngần ngại không thọ lãnh.

- “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các tỳ khưu, ta cho phép (thọ dụng) xoài miếng.”

Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Họ đã không học hỏi để làm xoài thành miếng. Ở phòng ăn, họ đã tiến hành với các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các tỳ khưu ngần ngại không thọ lãnh.

- “Này các tỳ khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách: đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột, và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. Này các tỳ khưu, ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách này.”

35. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị rắn cắn và chết đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, chắc chắn là vị tỳ khưu ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Này các tỳ khưu, bởi vì nếu vị tỳ khưu ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Bốn loài rắn chúa là các loài nào? Loài rắn chúa Virūpakkha, loài rắn chúa Erāpatha, loài rắn chúa Chabyāputta, loài rắn chúa Kaṇhāgotamaka. Này các tỳ khưu, chắc chắn là tỳ khưu ấy đã không rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này rồi. Này các tỳ khưu, bởi vì nếu vị tỳ khưu ấy rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ấy đâu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Này các tỳ khưu, ta cho phép rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này để thực hiện sự hộ trì bản thân nhằm gìn giữ bản thân, nhằm bảo vệ bản thân. Và này các tỳ khưu, nên thực hành như vậy:

‘Tôi có tâm từ đối với các Virūpakkha, tôi có tâm từ đối với các Erāpatha, tôi có tâm từ đối với các Chabyāputta, và tôi có tâm từ đối với các Kaṇhāgotamaka.

Tôi có tâm từ đối với các loài không chân, tôi có tâm từ đối với các loài hai chân, tôi có tâm từ đối với các loài bốn chân, tôi có tâm từ đối với các loài nhiều chân.

Loài không chân đừng hãm hại tôi, loài hai chân đừng hãm hại tôi, loài bốn chân đừng hãm hại tôi, loài nhiều chân đừng hãm hại tôi.

Hỡi tất cả chúng sanh, tất cả các sinh vật, tất cả các sanh linh và toàn thể, xin tất cả hãy nhìn thấy các điều lành, điều xấu xa chớ có xảy đến bất cứ ai.

Đức Phật là vô lượng,

Giáo Pháp là vô lượng, Hội Chúng là vô lượng.

Các loài bò sát (như là) các loài rắn, bọ cạp, rết, nhện, thằn lằn, chuột là có hạn lượng. Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ, tôi đã thực hiện sự hộ trì, xin các sanh linh hãy tránh xa.

Tôi đây kính lễ đức Thế Tôn,

kính lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác.”

36. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị dẫn vật bởi sự không được thỏa thích nên đã cắt đi dương vật của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trong khi vật khác cần được đoạn trừ, kẻ rồ dại ấy lại đoạn trừ vật khác. Này các tỳ khưu, không nên cắt đi dương vật của bản thân; vị nào cắt thì phạm tội *thullaccaya*.”

37. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ trầm hương của lối gỗ trầm hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: “Hay là ta cho đeo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là vật sử dụng của ta, còn cái bình bát ta sẽ cho đi làm quà biếu.” Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đeo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương ấy rồi kéo lên bằng sợi dây và treo ở ngọn cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và nói như vậy: - “Vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống.”

Khi ấy, Pūraṇa Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú

thành Rājagaha điều này: - “Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.” - “Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quả biếu chính là cái bình bát xuống đi.”

Sau đó, Makkhaligosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, Nigaṇṭha Nātaputta¹ đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: - “Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.” - “Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quả biếu chính là cái bình bát xuống đi.”

Vào lúc bấy giờ, đại đức Mahāmoggallāna và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này: - “Đại đức Mahāmoggallāna quả là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này. Cái bình bát ấy là của đại đức.” - “Đại đức Piṇḍolabhāradvāja cũng là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này đại đức Piṇḍolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này đi. Cái bình bát ấy là của đại đức.” Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát ấy, và đi (trên không) quanh thành Rājagaha ba vòng.

Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chấp lên,

¹ Pūraṇa Kassapa và năm vị này đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

thành kính làm lễ rằng: - “Thưa ngài, xin ngài đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.” Sau đó, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của đại đức Piṇḍolabhāradvāja, chất đầy vật thực cứng loại đắt giá rồi dâng lại cho đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về tu viện. Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Piṇḍolabhāradvāja.” Và các người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm ĩ, đã nối đuôi nhau đi phía sau đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào âm thanh ầm ĩ, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, âm thanh ồn ào âm thanh ầm ĩ ấy là gì vậy?”

- “Bạch ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch ngài, dân chúng đã nghe rằng: ‘Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Piṇḍolabhāradvāja.’ Và bạch ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm ĩ, đã nối đuôi nhau tuần tự đi phía sau đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch ngài, bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ kia là chuyện ấy.”

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi đại đức Piṇḍolabhāradvāja rằng: - “Này Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà người lấy xuống, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Bhāradvāja, vì sao người lại phô bày pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đến hàng tại gia vì nguyên nhân của cái bình bát gỗ tầm thường? Này Bhāradvāja, cũng giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì nguyên nhân của đồng bạc tầm thường; này Bhāradvāja, tương tự như thế vì nguyên nhân cái bình bát gỗ tầm thường, pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đã bị người phô bày đến hàng tại gia. Này Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.”

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên phô bày pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đến hàng tại gia; vị nào phô bày thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, hãy đập vỡ bình bát gỗ ấy, nghiền thành bột mịn, rồi hãy dâng đến các tỳ khưu làm hương liệu của thuốc cao. Này các tỳ khưu, không nên sử dụng bình bát bằng gỗ; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*.”

38. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng những bình bát đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – nt –

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng bình bát làm bằng vàng, không nên sử dụng bình bát làm bằng bạc, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc ma-ni, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc bích, không nên sử dụng bình bát làm bằng pha-lê, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng đỏ, không nên sử dụng bình bát làm bằng thủy tinh, không nên sử dụng bình bát làm bằng thiếc, không nên sử dụng bình bát làm bằng chì, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng thau; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất.”

39. Vào lúc bấy giờ, phần đáy bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vòng để bình bát.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng để bình bát đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt —

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các vòng để bình bát đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép hai loại vòng để bình bát: loại làm bằng thiếc và loại làm bằng chì.”

Những vòng để dày cộm không giữ yên (bình bát). Các vị đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đeo gọt bớt.”

Chúng bị lỏng chỏng. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cắt răng cá kiếm (cắm vào để giữ bình bát).”

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng để bình bát màu sắc sỡ: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Các vị đi đó đây phô trương những thứ ấy ngay cả ở nơi đường phố. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt —

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các vòng để bình bát màu sắc sỡ: loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép loại vòng để bình thường.”¹

41. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đem cất bình bát còn dầm nước. Bình bát bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đem cất bình bát còn dầm nước; vị nào đem cất thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng.”

42. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đem phơi nắng bình bát còn nước. Bình bát có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đem phơi nắng bình bát còn nước; vị nào đem phơi nắng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép đem cất bình bát sau khi làm ráo nước và đem phơi nắng.”

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích loại vòng để bình thường (*pakatimaṇḍalaṃ*) chính là loại vòng để có răng cá kiếm đã được cắt (*VinA. vi, 1203*).

43. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu để luôn bình bát ở chỗ nóng. Màu sắc của bình bát bị hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên để luôn bình bát ở chỗ nóng; vị nào để luôn thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nắng ở chỗ nóng trong chốc lát.”

44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt xuống ở ngoài trời không có vật kèm giữ. Do cơn gió xoáy, các bình bát đã quay vòng và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giá giữ bình bát.”

45. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở mép của giường đức. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở mép của giường đức; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

46. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở mép của bực nền xung quanh. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở mép của bực nền xung quanh; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

47. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu lật úp bình bát ở trên mặt đất. Vành miệng (bình bát) bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) miếng lót bằng cỏ.”

Miếng lót bằng cỏ bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) mảnh vải.”

Mảnh vải bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) bực kê bình bát.”

Bình bát rơi từ bực kê bình bát và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giỏ mây chứa bình bát.”

Ở trong giỏ mây chứa bình bát, bình bát bị trầy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đựng bình bát.”

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.”

48. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu treo bình bát ở chốt đinh gắn vào tường và ở móc ngà voi. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên treo bình bát; vị nào treo thì phạm tội *dukkata*.”

49. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở giường. Trong khi ngồi xuống do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đề lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở giường; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

50. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở ghế. Trong khi ngồi xuống do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đề lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở ghế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

51. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở bập vế. Do sự lẫn lộn về ghi nhớ các vị đứng lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở bập vế; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

52. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đặt bình bát xuống ở trên cái dũ. Do cơn gió xoáy, cái dũ bị bật lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đặt bình bát xuống ở trên cái dũ; vị nào đặt xuống thì phạm tội *dukkata*.”

53. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu mở cửa với bình bát ở tay. Cánh cửa bật trở lại khiến bình bát bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên mở cửa với bình bát ở tay; vị nào mở cửa thì phạm tội *dukkata*.”

54. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi khát thực (chứa) ở bầu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đi khát thực (chứa) ở bầu đựng nước; vị nào đi (khất thực như thế) thì phạm tội *dukkata*.”

55. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi khát thực (chứa) ở chậu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các tu sĩ ngoại đạo vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt—

- “Này các tỳ khưu, không nên đi khát thực (chứa) ở chậu đựng nước; vị nào đi (khất thực như thế) thì phạm tội *dukkata*.”

56. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ chỉ sử dụng các vật bị quăng bỏ. Vị ấy sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết. Có phụ nữ nọ nhìn thấy, hoảng sợ, đã mất tự chủ (thét lên): - “Làm tôi hết hồn, gã này đúng là quỷ sứ!” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết, giống như kẻ thờ phụng quỷ thần vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt—

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng bình bát (làm bằng) đầu lâu của người chết; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, không nên sinh tồn chỉ nhờ vào các vật bị quăng bỏ; vị nào sinh tồn (như thế) thì phạm tội *dukkata*.”

57. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc, và nước cặn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các vị Samôn Thích tử này thọ thực trong chính cái vật đựng (rác) của bọn họ!” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt—

- “Này các tỳ khưu, không nên dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc, hay nước cặn; vị nào mang đi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vật đựng (rác).”

58. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xé (vải) bằng tay rồi may y. Y không thẩm mỹ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dao nhỏ có vỏ bọc.”

59. Vào lúc bấy giờ, dao nhỏ có cán được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dao nhỏ có cán.”

60. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các cán dao đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt—

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các cán dao đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.”

61. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu may y bằng lông gà và lạt tre. Y được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) kim khâu.”

Các kim khâu bị rỉ sét.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ống đựng kim khâu.”

Cho dù ở trong ống đựng, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép phủ đầy với bột gây men.”

Cho dù ở trong bột gây men, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép phủ đầy với bột lúa mạch.”

Cho dù ở trong bột lúa mạch, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) bột đá.”

Cho dù với bột đá, các kim khâu cũng bị rỉ sét.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trộn với mật và sáp ong.”

Bột đá bị rời rạc.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (trộn) bột đá với nhựa cây.”

62. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu cầm cọc ở các nơi, buộc (vải) lại với nhau rồi may y. Y có các góc không vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.
—nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tấm y mẫu, dây buộc ở tấm y mẫu, sau khi buộc y vào chỗ này chỗ kia rồi may.”

Các vị trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tấm y mẫu bị rời ra.

- “Này các tỳ khưu, không nên trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng; vị nào trải ra thì phạm tội *dukkata*.”

Các vị trải ra tấm y mẫu ở trên mặt đất. Tấm y mẫu bị dơ.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thảm cỏ.”

Đường viền của tấm y mẫu bị sờn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép thiết lập đường biên tức là vòng đai xung quanh.”

Tấm y mẫu không đạt kích thước.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc y vào khung y mẫu, vào thanh gỗ đẹp, vào cọc gỗ, vào dây buộc, vào chỉ buộc rồi may.”

Các khoảng cách của các đường chỉ không đều nhau.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đo đạc.”

Các đường chỉ bị cong queo.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đường chỉ may tạm.”

63. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu bước lên tắm y mẫu với các bàn chân chưa rửa. Tắm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bước lên tắm y mẫu với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

64. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu bước lên tắm y mẫu với các bàn chân dẫm nước. Tắm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bước lên tắm y mẫu với các bàn chân dẫm nước; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

65. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu mang giày dép bước lên tắm y mẫu. Tắm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên mang giày dép bước lên tắm y mẫu; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

66. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu cầm (kim) bằng ngón tay trong khi may y. Các ngón tay bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vật bao ngón tay.”

67. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.”

68. Vào lúc bấy giờ, những kim khâu, những con dao nhỏ, luôn cả những vật bao ngón tay bị thất lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa.”

Chúng bị lẫn lộn trong thùng chứa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi để đựng vật bao ngón tay.”

Dây mang vai không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.”

69. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi may y ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà may y, mái che tạm để may y.”

Nhà may y có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang).

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong nhà may y.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang

hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

70. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu sau khi may y xong đã bỏ bê tấm y mẫu ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Tấm y mẫu bị gặm nhấm bởi các con chuột và các con mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép gấp tấm y mẫu lại.”

Tấm y mẫu bị rời ra. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đặt cây gồ hoặc tre ở bên trong rồi cuốn lại.”

Tấm y mẫu bị bung ra. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép dây buộc.”

71. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đã đưa tấm y mẫu lên cất ở trên vách tường hoặc ở trên cột nhà rồi ra đi. Tấm y mẫu rơi xuống và bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép treo lên ở chốt đinh gắn vào tường hoặc ở móc ngà voi.”

72. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Vesālī. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đã dùng bát chứa đựng kim khâu, dao nhỏ, và thuốc men rồi ra đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đựng thuốc men.”

Dây mang vai không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.”

73. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã buộc đôi dép bằng dây thắt lưng rồi đi vào làng để khát thực. Có nam cư sĩ nọ trong khi đánh lễ vị tỳ khưu ấy đã bị đôi dép chạm vào đầu. Vị tỳ khưu ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) túi đựng dép.”

Dây mang vai không có. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây mang vai là chỉ kết lại.”

74. Vào lúc bấy giờ, ở khoảng giữa cuộc hành trình nước chưa được làm thành đúng phép. Đồ lược nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đồ lược nước.”

Mảnh vải lược không có hiệu quả.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đồ lược nước gắn ở gáo múc.”

Mảnh vải lược không có hiệu quả. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đồ lọc nước thông thường.”

75. Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ khưu đang đi đường xa trong xứ Kosaka. Một tỳ khưu hành xử điều sai trái. Vị tỳ khưu thứ hai đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.” Vị ấy đã kết oán với vị kia. Sau đó, vị tỳ khưu kia bị khó chịu vì khát nước đã nói với vị tỳ khưu kết oán điều này: - “Này đại đức, hãy đưa cho tôi đồ lược nước, tôi sẽ uống nước.” Vị tỳ khưu kết oán đã không đưa cho. Vị tỳ khưu kia bị khó chịu vì khát nước đã chết đi. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. -

“Này đại đức, có phải đại đức đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phân nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khưu lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi vị tỳ khưu ấy rằng: - “Này tỳ khưu, nghe nói người đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: - “Này kẻ rồ dại kia, thật không đúng dẫn cho người, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại kia, vì sao người lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước vậy? Này kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.”

Sau khi khiến trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu đi đường xa khi được hỏi mượn đồ lược nước không thể không đưa cho; vị nào không đưa cho thì phạm tội *dukkata*. Và này các tỳ khưu, vị không có đồ lược nước không nên đi đường xa; vị nào đi thì phạm tội *dukkata*. Nếu không có đồ lược nước hoặc đồ lọc nước thông thường, có thể chú nguyện chéo y hai lớp: “Tôi sẽ uống sau khi lược nước bằng vật này.”

76. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó trong xứ Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu thực hiện công trình (xây dựng) mới. Đồ lượm nước không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đồ lượm nước gấn ở các cây gậy. Đồ lượm nước gấn ở các cây gậy không làm trong (nước) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vại lọc nước.”

77. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu bị khuấy rối bởi các con muỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) lều chống muỗi.”

78. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Vesālī, sự luân phiên bữa ăn gồm các thức ăn hảo hạng được xác định. Các tỳ khưu thọ dụng các thức ăn hảo hạng nên cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Khi ấy, (thầy thuốc) Jīvaka Komārabhacca đã đi đến Vesālī do công việc cần làm nào đó. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thấy các tỳ khưu có cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, hiện nay các tỳ khưu có cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Bạch ngài, lành thay xin đức Thế Tôn cho phép các tỳ khưu (sử dụng) đường kinh hành và phòng tắm hơi; như thế, các tỳ khưu sẽ bớt bệnh.”

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn

chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đường kinh hành và phòng tắm hơi.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi kinh hành ở đường kinh hành không bằng phẳng. Các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm cho bằng phẳng.”

Đường kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

79. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi đi kinh hành ở đường kinh hành bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) viền rào ở đường kinh hành.”

80. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi đi kinh hành ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà đi kinh hành.”

Rác cỏ rơi vào trong nhà đi kinh hành. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

81. Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Phòng tắm hơi không có cửa. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.”

82. Chân tường của phòng tắm hơi bị hư hỏng. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây mô tròn.”

Phòng tắm hơi không có ống thông khói. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) ống thông khói.”

83. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lối đi lại không có. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm chỗ đốt lửa một bên góc ở phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa (phòng tắm hơi) có khuôn viên rộng.”

Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa đốt nóng mặt (các tỳ khưu). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đất sét (đắp) ở mặt.”

Các vị nhồi ướt đất sét ở tay. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) máng đựng đất sét.”

Đất sét có mùi hôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ủ (đất sét).”

Vào lúc bấy giờ, ở trong phòng tắm hơi ngọn lửa đốt nóng thân thể (các tỳ khưu). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép mang nước lại.” Các vị mang nước lại bằng nắp bình bát và bằng bình bát. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vại chứa nước (và) gáo múc nước.”

84. Mái lợp cỏ làm phòng tắm hơi trở nên dơ bẩn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới.”

Phòng tắm hơi bị lây lội. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền gạch, nền đá, nền gỗ.” (Phòng tắm hơi) vẫn còn bị lây lội. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép rửa sạch.”

Nước còn đọng lại. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngồi xuống trên nền đất của phòng tắm hơi, các phần thân thể bị ngứa ngáy. -

“Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế ngồi ở phòng tắm hơi.”

85. Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi không được rào lại. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.”

Không có nhà kho chứa đồ. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà kho chứa đồ.”

Nhà kho chứa đồ có nền thấp nên bị ngập nước. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Nhà kho chứa đồ không có cửa. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.”

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.”

Căn phòng bị lây lội. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép rải cát.”

Các vị không thành công. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trải đá phiến.”

Nước còn đọng lại. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.”

86. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu (đang) ở trần đánh lễ vị ở trần, (đang) ở trần bảo vị (đang) ở trần đánh lễ, (đang) ở trần phục vụ vị ở trần, (đang) ở trần bảo (người khác) phục vụ vị ở trần, (đang) ở trần dâng đồ cho vị ở trần, thọ nhận (lúc đang) ở trần, nhai (lúc đang) ở trần, ăn (lúc đang) ở trần, ngủ (lúc đang) ở trần, uống (lúc đang) ở trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vị (đang) ở trần không nên đánh lễ vị ở trần, vị nào đánh lễ thì phạm tội *dukkata*. Vị (đang) ở trần không nên bảo vị (đang) ở trần đánh lễ, –nt– Vị (đang) ở trần không nên đánh lễ, –nt– Vị (đang) ở trần không nên bảo (vị khác) đánh lễ, –nt– Vị (đang) ở trần không nên phục vụ vị ở trần, –nt– Vị (đang) ở trần không nên được bảo phục vụ vị ở trần, –nt– Vị (đang) ở trần không nên dâng đồ cho vị ở trần, –nt– Không nên thọ nhận (lúc đang) ở trần, –nt– Không nên nhai (lúc đang) ở trần, –nt– Không nên ăn (lúc đang) ở trần, –nt– Không nên ngủ (lúc đang) ở trần, –nt– Không nên uống (lúc đang) ở trần, vị nào uống (lúc đang ở trần) thì phạm tội *dukkata*.”

87. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu để y xuống trên nền đất của phòng tắm hơi. Y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) sào treo y, dây treo y ở phòng tắm hơi.”

Lúc trời mưa, mưa rơi ở y. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) gian nhà lớn ở phòng tắm hơi.”

Gian nhà lớn ở phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: –nt– Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. –nt– Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong gian nhà lớn của phòng tắm hơi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rêu trét vừa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đang ở trần ngần ngại làm công việc kỳ cợ lưng ở trong phòng tắm hơi, ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại tắm choàng: tắm choàng ở phòng tắm hơi, tắm choàng ở trong nước, và tắm choàng bằng vải.”

88. Vào lúc bấy giờ, trong phòng tắm hơi không có nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giếng nước.”

Thành giếng bị sụp đổ. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Giếng nước có nền thấp nên bị ngập nước. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. –nt– Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. –nt– Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

89. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu kéo nước lên bằng dây rừng, bằng dây thắt lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dây thùng để kéo nước.”

Hai tay bị đau. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cần giọt, cần trục quay, bánh xe ròng rọc.”

Các thùng (kéo nước) bị bể nhiều. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại gàu (kéo nước): gàu bằng thiếc, gàu bằng gỗ, loại có (gắn) các sợi da thuộc.”

90. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi kéo nước ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) gian nhà ở giếng.”

Rác cỏ rơi vào trong gian nhà ở giếng. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

Vào lúc bấy giờ, giếng không được che đậy nên bị các rác cỏ luôn cả các vật dơ rơi vào. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nắp đậy.”

Vào lúc bấy giờ, vật chứa nước không có. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) máng đựng nước, chậu đựng nước.”

91. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu tắm ở nơi này nơi kia trong khuôn viên tu viện. Tu viện trở nên lầy lội. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) hồ nước (để tắm).”

Hồ tắm không được kín đáo. Các tỳ khưu hổ thẹn khi tắm. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.”

Hồ tắm bị lầy lội. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: nền gạch, nền đá, nền gỗ.”

Nước còn đọng lại. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.”

92. Vào lúc bấy giờ, các phần cơ thể của các tỳ khưu bị lạnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm ráo (nước) cho dù chỉ bằng miếng vải thấm nước.”

Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định cho xây dựng hồ trữ nước nhằm sự lợi ích của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) hồ trữ nước.”

Bờ thành của hồ trữ nước bị sụp đổ. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Nước trong hồ trữ nước bị ôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ống dẫn nước, ống tháo nước.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có ý định cho thực hiện phòng tắm hơi có mái vòm nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) phòng tắm hơi có mái vòm.”

93. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lìa xa tọa cụ trong bốn tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên lìa xa tọa cụ trong bốn tháng; vị nào lìa xa thì phạm tội *dukkata*.”

94. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nằm trên những chỗ nằm có rải hoa. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên nằm trên những chỗ nằm có rải hoa; vị nào nằm thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, dân chúng đi đến tu viện mang theo đầu thơm và vòng hoa. Các tỳ khưu trong khi ngần ngại không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sau khi nhận đầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa, sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc ở trong trú xá.”

95. Vào lúc bấy giờ, có tắm thăm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tắm len.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý như vậy: “Thăm len nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung?” - “Này các tỳ khưu, tắm len

không nên được chú nguyện để dùng riêng, không nên được chú nguyện để dùng chung.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thọ thực (dựa vào) gối kê được rắc đầu thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thọ thực (dựa vào) gối kê được rắc đầu thơm; vị nào thọ thực (như thế) thì phạm tội *dukkata*.”

96. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh. Vị ấy trong khi ăn không thể cầm giữ bình bát bằng tay được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giá đỡ bình bát.”

97. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên ăn chung trong một đĩa, không nên uống chung trong một cốc, không nên nằm chung trên một giường, không nên nằm chung một tấm trải, không nên nằm chung một tấm đắp, không nên nằm chung một tấm trải và tấm đắp; vị nào nằm chung thì phạm tội *dukkata*.”

98. Vào lúc bấy giờ, Vaḍḍha Licchavi là thân hữu của các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ấy, Vaḍḍha Licchavi đã đi đến gặp các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Tôi xin chào các ngài đại đức.” Khi được nói như vậy, các tỳ khưu

nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ nhì, Vaḍḍha Licchavi đã nói với các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Tôi xin chào các ngài đại đức.” Đến lần thứ nhì, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ ba, Vaḍḍha Licchavi đã nói với các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Tôi xin chào các ngài đại đức.” Đến lần thứ ba, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. - “Có phải tôi làm phật lòng các ngài đại đức? Tại sao các ngài đại đức không nói chuyện với tôi?” - “Này đạo hữu Vaḍḍha, bởi vì người vẫn dừng dừng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.”

- “Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì?”

- “Này đạo hữu Vaḍḍha, nếu người chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trực xuất đại đức Dabba Mallaputta.”

- “Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?”

- “Này đạo hữu Vaḍḍha, hãy đến. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vậy: ‘Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.’”

- “Thưa các ngài đại đức, xin vâng.” Rồi Vaḍḍha Licchavi nghe theo các tỳ khưu nhóm Mettiya và

Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Vaddha Licchavi đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.”

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng: - “Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaddha này đã nói không?”

- “Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà.”

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn – nt – Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này: - “Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaddha này đã nói không?”

- “Bạch ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà.”

- “Này Dabba, các vị (dòng dõi) Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: ‘Có làm;’ nếu không làm, hãy nói: ‘Không làm.’”

- “Bạch ngài, từ khi con được sanh ra con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi (tức là) hãy thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Này các tỳ khưu, bình bát nên được úp ngược đối với nam cư sĩ có tám yếu tố: Vì ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi lộc, ra sức làm cho các tỳ khưu không được sự lợi ích, ra sức làm cho các tỳ khưu không có chỗ ngủ, vì mắng nhiếc gièm pha các tỳ khưu, chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu, vì phi báng đức Phật, vì phi báng Giáo Pháp, vì phi báng Hội Chúng. Này các tỳ khưu, ta cho phép úp ngược bình bát đối với nam cư sĩ có tám yếu tố này.

Và này các tỳ khưu, nên úp ngược (bình bát) như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaḍḍha Licchavi bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, (tức là) nên thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaḍḍha Licchavi bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Hội chúng úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, (tức là) thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc úp ngược bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, (tức là) thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaḍḍha Licchavi, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng (đã được thực thi). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

99. Sau đó vào buổi sáng, đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của Vaḍḍha Licchavi, sau khi đến đã nói với Vaḍḍha Licchavi điều này: - “Này đạo hữu Vaḍḍha, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với người, người có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng.” Khi ấy, Vaḍḍha Licchavi (biết rằng): ‘Nghe nói bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với ta, nghe nói ta có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng’ nên bị ngắt xui ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, bạn bè thân hữu, thân quyến ruột thịt của Vaḍḍha Licchavi đã nói với Vaḍḍha Licchavi rằng: - “Này đạo hữu Vaḍḍha, thôi đi. Chớ có than van, chớ có rên rỉ. Chúng ta sẽ làm cho đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khuru tin tưởng.”

Sau đó, Vaḍḍha Licchavi với y phục ướt đầm, với đầu tóc ướt đầm, cùng vợ con, bạn bè thân hữu, và thân quyến ruột thịt đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dề đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói điều này: - “Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch ngài, đối với con đây xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.”

- “Này đạo hữu Vaḍḍha, đúng như thế. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy người khiến người như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên người đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không

có nguyên cớ. Nay đạo hữu Vaḍḍha, chính từ việc đó người đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho người. Nay đạo hữu Vaḍḍha, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: ‘Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai.’”

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy mở bình bát đối với Vaḍḍha Licchavi, hãy thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Này các tỳ khưu, bình bát nên được mở ra đối với nam cư sĩ có tám yếu tố: Vị không ra sức làm cho các tỳ khưu không được lợi lộc, không ra sức làm cho các tỳ khưu không được sự lợi ích, không ra sức làm cho các tỳ khưu không có chỗ ngụ, vị không mắng nhiếc không gièm pha các tỳ khưu, không chia rẽ các tỳ khưu với các tỳ khưu, không phỉ báng đức Phật, không phỉ báng Giáo Pháp, không phỉ báng Hội Chúng. Này các tỳ khưu, ta cho phép mở bình bát đối với nam cư sĩ có tám yếu tố này.

Và này các tỳ khưu, nên mở ra như vậy: Này các tỳ khưu, Vaḍḍha Licchavi ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với con, con có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng. Bạch các ngài, con đây làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ con thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavi, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên mở bình bát đối với Vaddha Licchavi, (tức là) nên thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavi, (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Hội chúng mở bình bát đối với Vaddha Licchavi (tức là) thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc mở bình bát đối với Vaddha Licchavi (tức là) việc cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bình bát đã được hội chúng mở ra đối với Vaddha Licchavi (tức là) việc cùng thọ hưởng với hội chúng (đã được thực hiện). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Tụng phẩm thứ nhì.

TỤNG PHẨM THỨ BA

100. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi đến xứ Bhaggā. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến xứ Bhaggā. Tại nơi đó ở xứ Bhaggā, đức Thế Tôn ngự tại Sumsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, nơi vườn nai.

Vào lúc bấy giờ, lâu đài tên Kokanada của vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng không bao lâu, chưa có Sa-môn hoặc Bà-la-môn hay bất cứ người nào vào cư ngụ.

Khi ấy, vương tử Bodhi đã bảo chàng thanh niên con trai bà Sañjikā rằng: - “Này con trai của bà Sañjikā mến, hãy đến. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy dâng đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn nhân danh ta hỏi thăm (ngài) về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (như vậy): ‘Bạch ngài, vương tử Bodhi xin dâng đầu đánh lễ ở chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm (ngài) về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái.’ Và người hãy nói như vậy: ‘Bạch đức Thế Tôn, xin ngài cùng với hội chúng tỳ khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.’”

- “Thưa ngài, xin vâng.” Rồi chàng thanh niên con trai bà Sañjikā nghe lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện đối với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, chàng thanh niên con trai bà Sañjikā đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Vương tử Bodhi xin dâng đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm (ngài) về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vậy: ‘Xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỳ khưu

nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.”
Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

Khi ấy, chàng thanh niên con trai bà Saṅjikā sau khi biết được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp vương tử Bodhi, sau khi đến đã nói với vương tử Bodhi điều này: - “Thưa ngài, chúng tôi đã bạch đức Thế Tôn Gotama ấy với lời nói của ngài là: ‘Vương tử Bodhi xin đề đầu đánh lễ ngài Gotama và hỏi thăm (ngài) về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vậy: Xin ngài Gotama cùng với hội chúng tỳ kheu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của vương tử Bodhi.’ Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.”

101. Sau đó, khi trải qua đêm ấy vương tử Bodhi đã cho chuẩn bị vật thực hảo hạng loại cứng loại mềm rồi ra lệnh trải các tấm vải trắng ở lầu đài Kokanada cho đến tận bậc cấp ở ngoài cùng, xong đã bảo chàng thanh niên con trai bà Saṅjikā rằng: - “Này con trai của bà Saṅjikā mến, hãy đến. Người hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: ‘Bạch ngài, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong.’” - “Thưa ngài, xin vâng.” Rồi chàng thanh niên con trai bà Saṅjikā nghe lời vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: - “Bạch ngài Gotama, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong.”

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của vương tử Bodhi cùng với hội chúng tỳ kheu. Vào lúc bấy giờ, vương tử Bodhi đứng ở bên ngoài cổng ra vào đang chờ đợi đức Thế Tôn. Rồi vương tử Bodhi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang từ đằng xa đi lại, sau khi nhìn thấy vương tử Bodhi đã từ chỗ ấy đi

ra đón tiếp, sau khi đánh lễ đức Thế Tôn, thỉnh ngài đi phía trước rồi đã đi đến lầu đài Kokanada.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã đứng lại cạnh bậc cấp ở ngoài cùng. Rồi vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.” Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, – nt – Đến lần thứ ba, vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nhìn sang đại đức Ānanda. Rồi đại đức Ānanda đã nói với vương tử Bodhi điều này: - “Thưa vương tử, xin hãy gấp các tấm vải lại. Đức Thế Tôn sẽ không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Đấng Như Lai có lòng thương tưởng đến chúng sanh sau này.”¹

Sau đó, vương tử Bodhi đã bảo gấp lại các tấm vải và cho sắp đặt chỗ ngồi ở phía trên của lầu đài Kokanada. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bước lên lầu đài Kokanada và ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội

¹ Việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải đã được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: “Vương tử Bodhi đã trải ra tấm thảm bằng vải với ước nguyện rằng: ‘Nếu ta sẽ có được đứa con trai thì đức Thế Tôn sẽ bước lên tấm thảm trải bằng vải của ta.’ Và vì vị ấy không thể có con trai nên đức Thế Tôn đã không bước lên. Nếu đức Thế Tôn bước lên, sau này vị vương tử không có con trai có thể sanh tà kiến rằng: ‘Vị này không phải là Toàn Giác,’ đó là nguyên nhân trong việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Ngay cả các vị tỳ khưu trong khi không biết rồi bước lên có thể bị hàng tại gia chê bai, do đó đức Thế Tôn đã quy định điều học về việc này để tránh cho các vị tỳ khưu bị chê bai. Đây là nguyên nhân của việc quy định điều học” (VinA. vi, 1209)..

chúng tỳ khưu. Sau đó, vương tử Bodhi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật dẫn đầu bằng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên.

Khi vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vương tử Bodhi bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đức Thế Tôn đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên bước lên các tấm thảm trải bằng vải; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

102. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà bị sẩy thai nọ đã thỉnh các tỳ khưu đến rồi trải ra tấm vải và đã nói điều này: - “Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải.” Các tỳ khưu trong khi ngần ngại không bước lên.

- “Thưa các ngài, xin hãy bước lên tấm vải để đem lại sự may mắn.” Các tỳ khưu trong khi ngần ngại đã không bước lên.

Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn lại không bước lên tấm thảm trải bằng vải?” Các tỳ khưu đã nghe người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – nt – - “Này các tỳ khưu, các gia chủ tin vào sự may mắn. Này các tỳ khưu, ta cho phép bước lên tấm thảm trải bằng vải trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngần ngại không bước lên tấm vải chùi chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— - “Này các tỳ khưu, ta cho phép bước lên tấm vải chùi chân.”

103. Vào lúc bấy giờ, sau khi ngự tại xứ Bhaggā theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, Visākhā mẹ của Migāra mang theo cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), và cái chổi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.” Đức Thế Tôn đã thọ nhận các chum và cái chổi. Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật chà chân (bằng đất nung).

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Visākhā mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cái chum và cái chổi. Này các tỳ khưu, không nên sử dụng vật chà chân (bằng đất nung); vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ba vật chà chân: cát, sỏi, và đá bọt biển.”

104. Khi ấy, Visākhā mẹ của Migāra mang theo cái quạt (hình vuông) và cái quạt lá cọ (hình tròn) đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái quạt (hình vuông) và cái quạt lá cọ (hình tròn) của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài.”

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái quạt (hình vuông) và cái quạt lá cọ (hình tròn). Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā mẹ của Migāra bằng bài Pháp thoại. Sau đó, Visākhā mẹ của Migāra –nt– hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cái quạt (hình vuông) và cái quạt lá cọ (hình tròn).”

105. Vào lúc bấy giờ, quạt đuôi muỗi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) quạt đuôi muỗi.”

Quạt đuôi bò rừng được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ba loại quạt: làm bằng vỏ cây, làm bằng loại rễ cây *usīra*, làm bằng lông đuôi chim công.”

106. Vào lúc bấy giờ, ô dù được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ô dù.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đến công viên cùng với nhiều tín đồ của đạo hỏa thể. Các tín đồ của đạo hỏa thể đã nhìn thấy từ đằng xa các tỳ khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: - “Này ông, các bậc khả kính kia của ông mang ô dù đi đến kia, giống như đám quan đại thần vậy.”

- “Này quý vị, các vị ấy không phải là các tỳ khưu, là các du sĩ ngoại đạo.”

- ‘Là các tỳ khưu, không phải là các tỳ khưu,’ họ đã thực hiện việc cá độ. Sau đó, nam cư sĩ ấy khi đi lại gần biết được rõ ràng nên mới phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại mang ô dù đi đó đây?”

Các tỳ khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phản nân, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng ô dù; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*.”

107. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh. Đối với vị ấy không có ô dù không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ô dù đối với tỳ khưu bị bệnh.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu (nghĩ rằng): “Ô dù đã được đức Thế Tôn cho phép đối với tỳ khưu bị bệnh,

không cho đối với vị không bị bệnh” rồi ngần ngại che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu không bị bệnh che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện.”

108. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ buộc bình bát bằng sợi dây thừng treo ở cây gậy rồi đi ngang qua cổng của ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng (bàn bạc rằng): “Này các vị, gã trộm kia đang đi, gươm của gã lấp lánh kia” rồi đã đuổi theo, giữ lại, đến khi biết rõ, đã thả ra. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu.

- “Này đại đức, có phải đại đức mang theo gậy và dây thừng?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khưu lại mang theo gậy và dây thừng?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này tỳ khưu, nghe nói người mang theo gậy và dây thừng, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu

rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên mang theo gậy và dây thừng; vị nào mang theo thì phạm tội *dukkata*.”

109. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khưu bị bệnh. Và này các tỳ khưu, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khưu bị bệnh ấy cần đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy đến tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về (việc sử dụng) gây đã được hội chúng ban cho tỳ khưu tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

110. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng đến tỳ khưu bị bệnh. Và này các tỳ khưu, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý

về (việc sử dụng) dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về (việc sử dụng) dây thừng đã được hội chúng ban cho tỳ khưu tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

111. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng đến tỳ khưu bị bệnh. Và này các tỳ khưu, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi bị bệnh không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khưu tên (như vậy) bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng. Hội chúng ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng đến tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về (việc sử dụng) gậy và dây thừng đã được hội chúng ban cho tỳ khưu tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

112. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có tật nhai lại thức ăn. Vị ấy nhai đi nhai lại (thức ăn) rồi nuốt xuống. Các tỳ khưu phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vị tỳ khưu này ăn vật thực lúc sai thời.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ấy trước đây không lâu thuộc nòi giống trâu bò đã bị chết đi. Này các tỳ khưu, ta cho phép việc nhai lại đối với vị có tật nhai lại. Và này các tỳ khưu, sau khi ợ lên ở cửa miệng (vật đã ăn vào) không nên nuốt xuống; vị nào nuốt xuống thì nên được hành xử theo Pháp.”¹

113. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Nhiều hột cơm đã bị rơi vãi trong phòng ăn. Dân chúng phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử trong khi được dâng

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 37 (ND).

cơm lại không thọ lãnh một cách thận trọng, vì mỗi một hột cơm được tạo nên bởi trăm công sức?” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phản nản, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vật nào bị rơi xuống trong khi được dâng cúng, ta cho phép tự thân nhặt lên và thọ dụng vật ấy. Này các tỳ khưu, vật ấy đã được xả thí bởi các thí chủ.”

114. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đi khát thực với các móng được để dài. Có người đàn bà nọ đã nhìn thấy rồi nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Ngài ơi, hãy đến. Hãy thực hiện việc lữa đôi đi.”

- “Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.”

- “Ngài ơi, nếu ngài không thực hiện, giờ đây tôi sẽ cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi sẽ làm âm ỉ: ‘Tỳ khưu này xúc phạm tôi.’”

- “Này chị gái, cô nên biết điều.”

Khi ấy, người đàn bà ấy đã cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi đã làm âm ỉ: “Tỳ khưu này xúc phạm tôi.”

Dân chúng đã chạy lại và bắt giữ vị tỳ khưu ấy. Rồi những người ấy đã nhìn thấy da và máu ở móng tay của người đàn bà ấy, sau khi nhìn thấy (biết được rằng): ‘Hành động này là của chính người đàn bà này, vị tỳ khưu không phải là người làm’ rồi đã thả vị tỳ khưu ấy ra.

Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu.

- “Này đại đức, có phải đại đức đã để dài các móng?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu lại để dài các móng?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các móng không nên để dài; vị nào để dài thì phạm tội *dukkata*.”

115. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xé móng bằng móng tay, cắn móng bằng miệng, mài móng ở tường. Các ngón bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc cắt móng.”

Các vị cắt móng làm chảy máu. Các ngón bị đau.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cắt móng đến sát phần thịt.”

116. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo trau chuốt hai mươi (móng tay và chân). Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo trau chuốt hai mươi (móng tay và chân); vị nào bảo trau chuốt thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép lấy đất ra (từ các móng).”

117. Vào lúc bấy giờ, tóc của các tỳ khưu bị dài. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu có khả năng để xuống tóc cho nhau không?”

- “Bạch Thế Tôn, có khả năng.”

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) dao cạo, đá mài dao cạo, bao đựng dao cạo, miếng vải len, tất cả vật dụng liên quan đến dao cạo.”

118. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tía râu, để râu dài ra, tạo dáng chòm râu dưới cằm, tạo dáng chòm râu hình vuông, tạo dáng lông ngực, tạo dáng lông bụng, làm đứng giống ngà voi, nhổ (cạo) lông ở chỗ kín. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên tía râu, không nên để râu dài ra, không nên tạo dáng chòm râu dưới cằm, không nên tạo dáng chòm râu hình vuông, không nên tạo dáng lông ngực, không nên tạo dáng lông bụng, không nên làm đứng giống ngà voi, không nên nhổ (cạo) lông ở chỗ kín; vị nào nhổ (cạo) thì phạm tội *dukkata*.”

119. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị vết thương ở chỗ kín. Thuốc không thể bám vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép nhổ (cạo) lông ở chỗ kín do duyên cố bệnh.”

120. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo cắt tóc bằng kéo; vị nào bảo cắt thì phạm tội *dukkata*.”

121. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị vết thương ở trên đầu, không thể xuống tóc bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bảo cắt tóc bằng kéo do duyên có bệnh.”

122. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu để lông mũi dài. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ thờ phụng quý thần vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên để lông mũi dài; vị nào để thì phạm tội *dukkata*.”

123. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cái nhíp (nhổ lông).”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo nhổ tóc bạc. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo nhổ tóc bạc; vị nào bảo nhổ thì phạm tội *dukkata*.”

124. Vào lúc bấy giờ, các lỗi tai của vị tỳ khưu nọ bị các ráy tai che蔽. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đồ lấy ráy tai.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.”

125. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên tích trữ đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ; vị nào tích trữ thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngần ngại (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, và vật dùng làm cán (tay cầm). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, vật dùng làm cán (tay cầm).”

126. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp. Các lớp vải của y hai lớp bị tới tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp; vị nào ngồi thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh. Không có vải băng bó, vị ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vải băng bó.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Vải băng bó nên được làm ra như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt, và tất cả vật dụng liên quan đến việc dệt.”

127. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ không buộc dây thắt lưng đã đi vào làng để khất thực. Ở trên đường đi, y nội của vị ấy đã bị tuột xuống. Dân chúng đã kêu ồ lên. Vị tỳ khưu đã bị xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu

viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, vị không buộc dây thắt lưng không nên đi vào làng; vị nào đi vào thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép dây thắt lưng.”

128. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hai loại dây thắt lưng: loại bằng vải, và cái ruột tượng.”

Các mép của dây thắt lưng bị sờn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích.”

Đầu chóp của dây thắt lưng bị sờn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép khâu tròn (hai đầu chóp), thắt nút (hai đầu chóp).”

Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sờn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) khóa thắt lưng.”

129. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -

“Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi.”

130. Vào lúc bấy giờ, đại đức Ānanda đã đắp các y hai lớp mỏng nhẹ rồi đi vào làng để khát thực. Do cơn gió xoáy, các y hai lớp đã bị tốc lên. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi về lại tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hột nút, cái nơ buộc.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hột nút đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các hột nút đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi.”

131. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y. Y bị sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hột nút hình đẹp, cái nơ buộc hình đẹp.”

Các vị cài hột nút hình đẹp, cài cái nơ buộc hình đẹp ở góc chéo (của y). Phần cuối (của y) bị mở ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cài hột nút hình đẹp ở góc chéo (của y), cài cái nơ buộc hình đẹp sau khi lùi vào bảylóng tay hoặc tám lóng tay.”

132. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc vải lót trong của người tại gia: loại quần như vòivoi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên mặc vải lót trong của người tại gia: loại quần như vòivoi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

133. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc váy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như phu mang vác của đức vua vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên mặc váy; vị nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia

hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia; vị nào trùm thì phạm tội *dukkata*.”

134. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như phu mang vác của đức vua vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đeo túi quàng ở hai vai; vị nào đeo thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, túi xách.”

135. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu không nhai gỗ chà răng. Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: Không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, các vị giác không tinh tế, mệt và đờm che lấp thức ăn, vị ấy không hứng thú với thức ăn. Này các tỳ khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng.

Này các tỳ khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng: Có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, các vị giác được tinh tế, mệt và đờm không che lấp thức ăn, vị ấy hứng thú với thức ăn. Này các tỳ khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng.”

136. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nhai gỗ chà răng loại dài. Các vị còn đánh (gỗ) các sa di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên nhai gỗ chà răng loại dài; vị nào nhai thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám ngón tay và không nên đánh (gỗ) sa di bằng cây gỗ ấy; vị nào đánh thì phạm tội *dukkata*.”

137. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên nhai gỗ chà răng quá ngắn; vị nào nhai thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép gỗ chà răng ngắn tối thiểu bốn ngón tay.”

138. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đốt đám lửa lớn. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như thợ đốt lò vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên đốt đám lửa lớn; vị nào đốt thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tu viện có cỏ rậm rạp. Trong khi đám lửa lớn bị phát cháy, các tu viện bị phát cháy. Các tỳ khưu ngần ngại (không) tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, khi đám lửa lớn phát cháy ta cho phép tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ.”

139. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư trèo lên cây, chuyền từ cây này sang cây khác. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các con khi vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên trèo lên cây; vị nào trèo lên thì phạm tội *dukkaṭa*.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ trong khi đi đến thành Sāvatthi ở xứ sở Kosala, giữa đường đã có con voi đứng chặn. Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã chạy lại gần gốc cây, trong lúc ngần ngại đã không trèo lên cây. Con voi ấy đã đi sang hướng khác. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trèo lên cây với tầm cao của con người khi có việc cần làm, và đến tầm cao cần thiết trong những lúc hiểm nguy.”

140. Vào lúc bấy giờ, hai tỳ khưu tên Yamelu và Tekula là hai anh em xuất thân dòng dõi Bà-la-môn có lời nói nhã nhặn với âm điệu ngọt ngào. Họ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, hiện nay các tỳ khưu có tên gọi khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau đã xuất gia. Các vị ấy làm hỏng lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính họ. Bạch ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này những kẻ rồ dại kia, vì sao các ngươi lại nói như vậy: ‘Bạch ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật?’ Này những kẻ rồ dại

kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niềm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội *dukkata*. Nay các tỳ khưu, ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân.”¹

141. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán điềm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các tỳ khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không?”

- “Bạch ngài, không có điều ấy.”

¹ *saka nirutti*: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Ở đây ‘*saka nirutti*’ nghĩa là sự giảng giải được nói ra bởi đấng Chánh Đẳng Giác tức là sự phát biểu bằng ngôn ngữ của xứ Magadha” (*Sđđ.* 1214). Các nhà học giả trong thời hiện tại đã nêu ra tranh luận về vấn đề này biện luận rằng từ *sakāya* còn có liên quan đến từ *saka* (bản thân) ám chỉ ngôn ngữ địa phương của mỗi cá nhân, thay vì *Sakya* (dòng dõi Thích Ca) ý nói đến ngôn ngữ cổ thời bấy giờ theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Chúng tôi ghi lời Việt theo ý kiến của các học giả thời sau này (ND).

- “Hoặc vị chuyên chú trong Pháp và Luật này có thể học tập việc giải đoán điềm lành dữ không?”

- “Bạch ngài, không có điều ấy.”

- “Này các tỳ khưu, không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào học tập thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. –nt– Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên dạy việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào dạy thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên học tập kiến thức nhảm nhí; vị nào học tập thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên dạy kiến thức nhảm nhí; vị nào dạy thì phạm tội *dukkata*.”

142. Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn, được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, trong lúc đang giảng Pháp đã hắt hơi. Các tỳ khưu đã gây nên âm thanh ồn tiếng động lớn rằng: ‘Bạch ngài, mong rằng đức Thế Tôn

hãy sống, mong rằng đấng Thiện Thệ hãy sống.’ Do âm thanh ấy sự giảng Pháp đã bị gián đoạn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, khi hắt hơi mà được nói rằng: ‘Mong rằng người hãy sống,’ do duyên ấy có thể tiếp tục sống hay có thể chết đi?”

- “Bạch ngài, không có điều ấy.”

- “Này các tỳ khưu, khi (ai đó) hắt hơi không nên nói rằng: ‘Mong rằng người hãy sống.’ Vị nào nói thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, khi các tỳ khưu hắt hơi, dân chúng nói rằng: - “Thưa các ngài, mong rằng các ngài hãy sống.” Các tỳ khưu trong khi ngần ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử khi được nói rằng: ‘Thưa ngài, mong rằng ngài hãy sống’ lại không đáp lời?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, những người tại gia mong điều tốt lành. Này các tỳ khưu, khi được nói rằng: ‘Thưa ngài, mong rằng ngài hãy sống,’ ta cho phép đáp lại người tại gia rằng: ‘Mong rằng người sống lâu.’”

143. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được hội chúng đông đảo vây quanh đang ngồi giảng Pháp. Có vị tỳ khưu nọ vừa mới nhai tỏi. Vị ấy(nghĩ rằng): ‘Chớ để các tỳ khưu bị phiền toái,’ nên đã ngồi xuống ở một góc. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đã ngồi xuống ở một góc, sau khi nhìn thấy ngài đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao tỳ khưu ấy đã ngồi xuống ở một góc vậy?”

- “Bạch ngài, vị tỳ khưu ấy vừa mới nhai tỏi. Vị ấy (nghĩ rằng): ‘Chớ để các tỳ khưu bị phiền toái’ nên đã ngồi xuống ở một góc.”

- “Này các tỳ khưu, sau khi nhai một vật gì mà phải bị loại ra khỏi cuộc giảng Pháp như thế này thì có nên nhai vật ấy không?”

- “Bạch ngài, điều ấy không nên.”

- “Này các tỳ khưu, không nên nhai tỏi; vị nào nhai thì phạm tội *dukkaṭa*.”

Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāriputta bị bệnh đau bụng gió. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với đại đức Sāriputta điều này:

- “Này đại đức Sāriputta, trước đây khi bị bệnh đau bụng gió, đại đức được thoải mái nhờ vật gì?”

- “Này đại đức, đối với tôi nhờ tỏi.”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép nhai tỏi do duyên có bệnh.”

144. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép tiểu tiện ở một góc.”

Tu viện trở nên có mùi hôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) lu nước tiểu.”

Các vị đi tiểu tiện, ngồi xuống một cách khó khăn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) bực tiểu tiện.”

Bực tiểu tiện ở nơi trống trải. Các tỳ khưu hồ thẹn khi tiểu tiện.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.”

Lu nước tiểu không được đẩy lại nên có mùi hôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nắp đẩy.”

145. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đại tiện ở một góc.”

Tu viện trở nên có mùi hôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) hố tiêu.”

Thành hố tiêu bị sụp xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (xây dựng) ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Hố tiêu có nền thấp nên bị ngập nước.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Ngồi ở rìa mép, các vị bị té trong khi đại tiện.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trải lót, làm cái lỗ ở giữa để đại tiện.”

Các vị đi đại tiện, ngồi xuống một cách khó khăn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) bọc đại tiện.”

Các vị tiểu tiện ra ở bên ngoài.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) rãnh dẫn nước tiểu.”

Gỗ chùi không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) gỗ chùi.”

Thùng chứa đồ chùi không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thùng chứa đồ chùi.”

Hố phân không được đậy lại nên có mùi hôi. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nắp đậy.”

Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu trong khi đại tiện ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà tiêu.”

Nhà tiêu không có cửa.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thùng để luồn qua.”

Rác cỏ rơi vào trong nhà tiêu.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vừa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

146. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ già yếu đại tiện xong trong khi đứng dậy bị té. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay vịn.”

Vào lúc bấy giờ, nhà tiêu không được rào lại.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.”

Không có nhà kho chứa đồ.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà kho chứa đồ.”

Nhà kho chứa đồ có nền thấp –nt– - “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.” Nền móng bị đổ xuống. –nt– Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. –nt– - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: –nt– - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Nhà kho chứa đồ không có cửa.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.”

Rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.”

Căn phòng bị lây lội.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rải cát.”

Các vị không thành công.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trải đá phiến.”

Nước còn đọng lại.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) rãnh thoát nước.”

Lu nước rửa không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) lu nước rửa.”

Gáo múc nước để rửa không có.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) gáo múc nước để rửa.”

Các vị rửa, ngồi xuống một cách khó khăn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) bục ngồi rửa.”

Bục ngồi rửa ở nơi trống trải. Các tỳ khưu hổ thẹn khi rửa.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh (bằng) ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ.”

Lu nước rửa không được đầy lại nên bị các rác cỏ luôn cả các vật dơ rơi vào.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) nắp đầy.”

147. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư cư xử hành vi sai trái có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình.

Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ... ca hát, ... tấu đàn, ... vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ... ca hát, ... tấu đàn, ... vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả

làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đổ chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cưỡi voi, họ tập cưỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trái y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: ‘Này cô em, hãy nhảy ở đây này,’ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt — - “Này các tỳ khưu, không nên cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách; vị nào cư xử thì nên được hành xử theo Pháp.”

148. Vào lúc bấy giờ, khi đại đức Uruvelakassapa xuất gia, nhiều đồ vật bằng kim loại, đồ vật bằng gỗ, đồ vật bằng gốm sứ được phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý rằng: “Đồ vật bằng kim loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gỗ nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gốm sứ nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí, tất cả đồ vật bằng gỗ ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ, giày dép bằng gỗ, tất cả đồ vật bằng gốm sứ ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn.”

Chương Các Tiểu Sự là thứ năm.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ở thân cây, ở cột trụ, và ở tường nhà, ở tấm ván xẻ, với cây kỳ cọ, và chuỗi hạt, cọ xát (thân thể lẫn nhau), cây chà lưng, bệnh ghẻ, và vị già cả, (dùng) bàn tay như thường lệ.

2. Không nên mang ngay cả hoa tai, hoa dạng chuỗi, dây chuỗi ở cổ, ở hông, vòng, vòng ở ngực, đồ trang sức ở tay, và nhẫn.

3. (Về tóc) dài, lược chải, vật hình mang rắn, bàn tay (xòe ra), (thoa) sáp ong, dầu nước, gương soi, và chậu nước, dầu (thoa), việc xoa bóp, và thoa phấn.

4. Các vị tô điểm, việc vẽ màu ở thân hình, và tô màu ở mặt, rồi cả hai việc, bệnh ở mắt, và ở trên đỉnh núi, sự (ngâm nga) kéo dài, âm điệu, (áo khoác) ở bên ngoài.

5. Xoài miếng, với các trái còn nguyên, con rắn, vị đã cắt đứt, và khúc gỗ trầm hương, các bình bát đủ loại, phần đáy bình bát, bằng vàng, bị dày cộm, bị lỏng chổng.

6. Có màu sắc sỡ, bị hư hỏng, có mùi hôi, ở chỗ nắng, chúng đã bị vỡ, ở băng ghế, giường đức, (tấm lót) cỏ, miếng vải, bụi nền xung quanh, và ở giỏ mây, túi đựng, dây mang vai, tương tự như thế về dây đeo bằng chỉ kết lại.

7. Ở chốt đỉnh, và ở giường, ở ghế, ở bắp vế, ở cái dù, việc mở cửa, bầu đựng nước, cái hũ, cái sọ từ thân người, các đồ thừa thãi, vật chứa.

8. Vị đã xé (bằng tay), dao có cán, bằng vàng, lông (gà), lát tre, và ống đựng kim khâu, bột gây men, bột lúa mạch, bột đá, mật và sáp ong, nhựa cây.

9. Không vương vức, đã buộc vào, chỗ không bằng phẳng, ở trên mặt đất, bị sờn, và không đạt kích thước, việc đo đạc, và đường chỉ may tạm, chân chưa rửa, đầm nước, mang giày dép.

10. Các ngón tay, đồ bao ngón tay, thùng chứa đồ, các dây mang vai, ở ngoài trời, nền thấp, và luôn cả nền móng, các vị bị khó khăn.

11. Vị bị té, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen, và việc chuẩn bị màu đỏ.

12. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào treo y, và dây treo y, vị Lãnh Đạo đã cho phép.

13. Sau khi bỏ bê, các vị ra đi, bị gặm nhấm, bị rời ra, bị bung ra, ngay cả ở trên tường, mang theo bằng bình bát, rời ra đi.

14. Túi đựng, và dây mang bằng chỉ kết lại, sau khi buộc đôi dép (ở hông), và cái túi đựng dép, dây vải mang vai là chỉ kết lại.

15. Nước uống chưa được làm thành đúng phép, ở trên đường, đồ lọc nước, miếng vải lọc, đồ lọc nước thông thường, hai vị tỳ khưu, vị Hiên Sĩ đã đi đến Vesālī.

16. Ở tại nơi ấy, Ngài đã cho phép đồ lọc có hai lớp, bể lọc nước, đồ lọc nước, bởi các con muỗi, với thức ăn hảo hạng, nhiều chứng bệnh, và thầy thuốc Jīvaka.

17. Đường kinh hành, nhà tắm hơi, ở nơi không bằng phẳng, các nền bị thấp, ba loại nền móng, các vị gặp khó khăn, bậc thang và tay cầm, lan can.

18. Ở ngoài trời, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen, và việc chuẩn bị màu đỏ.

19. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào treo y, và dây treo y, và các vị làm nền cao.

20. Ba loại bậc thang, và tay cầm, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, và chốt gài.

21. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, và sợi dây. Mô tròn, và ống thông khói, ở giữa, và đất sét đắp ở mặt.

22. Máng đựng đất sét, có mùi hôi, bị phồng, vại chứa nước, gáo múc nước, làm ra mồ hôi, (nền) bị lây lợi, đã rửa sạch, rãnh thoát nước.

23. Ghế ngồi, ở nhà kho, công việc làm, cát, và đá phiến, rãnh thoát nước, các vị ở trần, ở nền đất, trời đang mưa, ba loại tắm choàng tại nơi ấy.

24. Giếng nước, và bị sụp đổ, bằng dây rừng, sợi dây thắt lưng, cần giọt, cần trục quay, ròng rọc, nhiều gàu múc bị bể.

25. (Gàu) bằng thiếc, bằng gỗ, bằng da thuộc, gian nhà, rác cỏ, và nắp đậy, máng chứa nước, hồ tắm, hàng rào, bị lây lợi, và bằng rãnh thoát nước.

26. Việc bị lạnh, hồ trữ nước, và nước bị ôi, mái vòng cung, bốn tháng, và các vị nằm, tắm thăm len, không nên chú nguyện để dùng riêng.

27. Được rắc đầu thơm, giá đỡ bình bát, các vị ăn chung trong một (tô), đã nằm chung, chuyện Vaḍḍha, chuyện Bodhi, Ngài đã không bước lên, cái chum, vật chà chân (bằng đất nung), cái chổi.

28. Cát, sỏi, và đá bột biển là vật chà chân, cái quạt (hình vuông), cái quạt lá cọ, quạt đuôi muỗi, và luôn cả quạt đuôi bò.

29. Ô dù, và không có, ở trong tu viện, ba sự đồng ý về sợi dây, tạt nhai lại, cơm rơi, các móng dài, các vị cắt, các ngón tay bị đau.

30. Có bị chảy máu, và cắt sát (phần thịt), hai mươi (ngón), việc để tóc dài, dao cạo, đá mài, bao đựng, miếng vải len, vật dụng để cạo.

31. Các vị tia râu, các vị để râu, râu dưới cằm, râu hình vuông, lông ngực, lông bụng, giống ngà voi, các vị nhỏ (cạo) lông.

32. Các chứng bệnh, cái kéo, vết thương, (lông mũi) dài, và bằng mảnh sành, tóc bạc, bị bít kín (lỗ tai), đủ các loại, vật bằng đồng thau và thuốc cao.

33. Ngồi ôm đầu gối, và vải băng bó, sợi dệt, kim dệt, dây thắt lưng, loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích.

34. Loại bằng vải, và loại hai đầu được thắt lại, các mép (bị sờn), loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích, đầu chóp, khâu tròn, và còn thắt nút nữa, đầu chóp đã khâu lại bị sờn.

35. Vê khóa thắt lưng, hột nút, và cái nơ buộc, và loại có loại hình đẹp ở góc chéo (của y) và nên lùi vào,

vải lót trong của người tại gia: loại quần như vôi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc.

36. Loại vải có tua, loại vải thật dài, cái váy, trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia, không nên đeo túi quàng ở hai vai, gổ chà răng, việc đánh (gỗ bằng gổ chà răng).

37. Bị vướng ở cổ họng, và đám lửa lớn, ngọn lửa nghịch chiều, (trèo) cây, bởi con voi, vị Yamelu, việc giải đoán điềm lành dữ, các vị đã học, các vị đã dạy lại.

38. Kiến thức nhằm nhí, việc dạy, Ngài đã hắt hơi, điều tốt lành, và (nhai) tỏi, bệnh gió, trở nên dơ bẩn, và có mùi hôi, khó khăn, bực (tiểu tiện).

39. Các vị hồ thẹn, không được đầy, có mùi hôi, và các vị đại tiện đó đây, có mùi hôi, hổ tiêu, bị sụp xuống, nền cao, và các loại nền móng.

40. Bậc thang, tay cầm để vịn, ở rìa mép, bị khó khăn, và bực đại tiện, (tiểu) ra ngoài, khe rãnh, và gổ chùi, thùng chứa, và không được đầy lại.

41. Nhà tiêu, và cánh cửa, và luôn cả trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay, tay nắm, và chốt gài.

42. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, và luôn cả lỗ để xỏ dây, dây thừng, việc trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, và màu đen.

43. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, và dây treo y, vị già yếu, hàng rào.

44. Và về căn phòng ở ngay tại nơi ấy nữa, việc rải cát, các đá phiến, bị đọng nước, rãnh thoát nước, luôn cả lu nước, và gáo múc.

45. Bị khó khăn, hồ thẹn, các nắp đậy, các vị đã cư xử hành vi sai trái, Ngài đã cho phép đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí.

46. Ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ, và giày dép (bằng gỗ), bậc Đại Hiền Sĩ đã cho phép tất cả các đồ vật làm bằng gỗ.

47. Ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn, đức Như Lai, đấng Bi Mẫn cũng đã cho phép tất cả đồ vật bằng gốm sứ.

48. Đối với sự việc nào, sự chỉ dẫn là tương tự với sự việc trước và đã đã được tóm tắt ở trong phần tóm lược, sự việc ấy nên biết đến theo phương thức hướng dẫn.

49. Như vậy một trăm mười sự việc ở trong phần Các Tiêu Sự thuộc tạng Luật là sự trợ giúp cho các vị hiền thiện trong việc duy trì Chánh Pháp.

50. Vị rành rẽ về Luật đã được học tập khéo léo, có tâm tốt lành, vô cùng hiền thiện, làm công việc giảng giải, thông minh, nghe nhiều, là vị xứng đáng việc cúng dường.”

Dứt Phần Tóm Lược.

--ooOoo--

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA¹

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại thành Rājagaha, Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ chưa được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khưu. Và các tỳ khưu ấy cư ngụ ở nơi này nơi khác, ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, ở đồng rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi.

2. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú thành Rājagaha đã nhìn thấy các vị tỳ khưu ấy vào lúc sáng sớm đang đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đồng rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi (tay chân), với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. Sau khi nhìn thấy, tâm của vị ấy đã

¹ Sàng tọa (*senāsana*): Theo *Sumaṅgalavilāsinī* - Chú Giải Kinh Trường Bộ, *senāsana* được phân làm bốn loại: loại thứ nhất *vihāra-senāsana* gồm có năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (*vihāraṃ*), nhà một mái (*aḍḍhayogaṃ*), tòa nhà dài (*pāsādaṃ*), khu nhà lớn (*hammiyaṃ*), hang động (*guhaṃ*); loại thứ nhì *mañcapīṭha-senāsana* là giường, ghế, nệm, gối; loại thứ ba *santhata-senāsana* là các loại thảm; loại thứ tư *okāsa-senāsana* được giải thích là nơi mà vị tỳ khưu sẽ trở lại (DA. i, 208-210). Chúng tôi sẽ ghi nghĩa tiếng Việt là ‘chỗ trú ngụ’ cho loại thứ nhất, *vihārasenāsana*, và sẽ giữ nguyên từ ‘sàng tọa’ cho loại thứ hai, *mañcapīṭhasenāsana*.

ngưỡng mộ. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp các vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Thưa các ngài, nếu tôi có thể cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không?”

3. - “Này gia chủ, các trú xá chưa được đức Thế tôn cho phép.” - “Thưa các ngài, chính vì điều ấy các ngài có thể hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay.”

- “Này gia chủ, đúng vậy.” Rồi các vị tỳ khưu ấy nghe theo nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha có ý muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch ngài, vậy nên được thực hành như thế nào?” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi báo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: - “Này gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép, giờ đây gia chủ hãy biết về thời điểm của việc ấy.” Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày.

4. Sau đó, khi đã hoàn tất sáu mươi trú xá ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế

Tôn cùng với hội chúng tỳ khưu nhận lời bữa trai phạn của tôi vào ngày mai.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, dành lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy nhà đại phú thành Rājagaha đã bảo chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, và đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt cùng với hội chúng tỳ khưu. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, sáu mươi trú xá này đã được tôi cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch ngài, tôi nên thực hành như thế nào về những trú xá này?”

- “Này gia chủ, chính vì điều ấy người hãy cho thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.”¹

- “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi nhà đại phú thành Rājagaha nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập sáu mươi

¹ *āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

trú xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ này:

“Trú xá ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh, và hơn thế nữa các loài thú dữ, các loài rắn, và các muỗi mòng, và luôn cả luôn các cơn mưa lạnh.

Từ nơi ấy, cơn gió nóng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nường nấu, với mục đích về sự an lạc, để thiền định, và để hành mình sát.

Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ...

... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều (học rộng) ngụ tại nơi ấy. (Nên cúng dường) cơm, nước, vải vóc, và chỗ nằm ngồi đến các vị ấy.

Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết Pháp đến người (thí chủ) ấy, là Pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được Pháp ấy, người (thí chủ) ấy trong đời này chứng ngộ Niết Bàn không còn lậu hoặc.”

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

6. Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép” rồi cho xây dựng các trú xá

một cách tươm tất. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp, và các con rết bò vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) cánh cửa.”

Sau khi đục lỗ ở tường, họ đã buộc cánh cửa bằng dây leo và dây thừng. Các con chuột và các con mối đã gặm nhấm (dây buộc). Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) trụ cửa, rãnh xoay, và chốt xoay.”

Các cánh cửa không được sát vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) dây thừng để luồn qua.”

Các cánh cửa không được đóng kín. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu không thể khóa cửa được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) lỗ khóa. Có ba loại khóa: khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.”

(Khi) các vị tháo chốt và đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) then cài, đinh khóa chốt.”

7. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có mái lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép che kín mái rồi trét vữa bên trên và bên dưới.”

8. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có cửa sổ nên không tốt cho mắt và có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại cửa sổ: cửa sổ chấn song ngang, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ chấn song dọc.”

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) màn che cửa sổ.”

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che.
—nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (làm) cánh cửa sổ, tấm chấn cửa sổ.”

9. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nằm ở nền đất. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) thảm trải bằng cỏ.”

Thảm trải bằng cỏ bị các con chuột và mối ăn. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giường đúc.”

Nằm trên giường đúc, cơ thể bị ê ẩm. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giường vạt tre.”

10. Vào lúc bấy giờ, giường lắp ráp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giường lắp ráp.”

Ghế lắp ráp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế lắp ráp.”

Vào lúc bấy giờ, giường xếp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) giường xếp.”

Ghế xếp được phát sanh. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế xếp.”

Vào lúc bấy giờ, giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) giường có chân đẽo cong.”

Ghế có chân đẽo cong được phát sanh. — nt —

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân đẽo cong.”

Vào lúc bấy giờ, giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) giường có chân tháo rời được.”

Ghế có chân tháo rời được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) ghế có chân tháo rời được.”

11. Vào lúc bấy giờ, ghế gỗ vuông được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) ghế gỗ vuông.”

Ghế gỗ vuông loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ kheu, ta cho phép (sử dụng) luôn cả ghế vuông loại cao.”

Ghế dựa dài được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế dựa dài.”

Ghế dựa dài loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) luôn cả ghế dựa dài loại cao.”

Ghế làm bằng các thanh ráp lại được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế làm bằng các thanh ráp lại.”

Ghế lót vải được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế lót vải.”

Ghế có chỗ gác chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế có chỗ gác chân.”

Ghế có nhiều chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế có nhiều chân.”

Tấm ván được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tấm ván.”

Ghế mây được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế mây.”

Ghế lót rơm được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ghế lót rơm.”

12. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư nằm ở giường cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên nằm giường cao; vị nào nằm thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ trong khi nằm ở giường thấp đã bị rấn cấn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) khung giường.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng khung giường loại cao. Các vị đu đưa với các khung giường loại cao. — nt —

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng khung giường loại cao; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép khung giường cao tối đa tám ngón tay.”

13. Vào lúc bấy giờ, chỉ sợi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đan chỉ ở giường.”

Các góc tổn nhiều chỉ. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xuyên lỗ ở các thanh và đan thành ô vuông.”

Mảnh vải được phát sanh. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng làm thảm lót nền.”

Bông gòn được phát sanh. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép tháo ra dùng làm gối. Có ba loại bông gòn: bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng các gối dài nửa thân người. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng các gối dài nửa thân người; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện gối có kích thước của cái đầu.”

14. Vào lúc bấy giờ, có lễ hội trên đỉnh núi ở thành Rājagaha. Dân chúng chuẩn bị các loại nệm để phục vụ các quan đại thần là ‘nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.’ Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các tỳ khưu đã nhìn thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, sợi vải, sợi từ vỏ cây, cỏ, và lá bị quăng bỏ,

sau khi nhìn thấy các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép năm loại nệm: nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.”

Vào lúc bấy giờ, vải phụ tùng của giường ghế được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) để bọc nệm.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trải nệm của giường ở ghế, trải nệm của ghế ở giường. Các nệm bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép giường được bọc nệm, ghế được bọc nệm.”

Các vị trải lên nhưng không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm tấm lót (bên dưới), trải đều ra, rồi bọc nệm.”

Họ tháo bao nệm rồi lấy (bao nệm) đem đi. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bôi màu (bao nệm).”

Họ vẫn lấy đem đi. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc thực hiện các đường vẽ (ở bao nệm).”

Họ vẫn lấy đem đi. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép các đường vẽ bằng bàn tay (ở bao nệm).”

15. Vào lúc bấy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nên được làm màu đen, tường được trét màu đỏ. Số đông dân chúng đi đến để ngắm các chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sơn) màu trắng, màu đen, trét màu đỏ ở trú xá.”

Vào lúc bấy giờ, màu trắng không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép để nằm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.”

Màu trắng không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép để đất sét dẻo vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên.”

Màu trắng không dính chặt vào. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng nhựa cây, bột nghiền.”

Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép để nằm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.”

Màu đỏ không dính chặt vào. — nt —

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng đất sét trộn với cám đỏ, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.”

Màu đỏ không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng bột trái mù tạt, đầu sấp ong.”

(Chất ấy) bị đóng thành từng cục. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chùi đi bằng miếng giẻ.”

16. Vào lúc bấy giờ, màu đen không bám được ở nền đất bị lồi lõm. —nt— - “Này các tỳ khưu, ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.”

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thêm vào phân trùn và đất sét, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên.”

Màu đen không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng nhựa cây, chất làm đông.”

17. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -

“Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam; vị nào bảo thực hiện thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.”

18. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có nền thấp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

19. Vào lúc bấy giờ, các trú xá trở nên đông đảo người. Các tỳ khưu ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) màn che.”

Họ vén màn che lên nhìn vào. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) bức tường thấp.”

Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường thấp. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) ba loại phòng: phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xếp.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu làm phòng ở chính giữa trong trú xá nhỏ. Khu vực xung quanh không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ở chính giữa trong trú xá lớn.”

20. Vào lúc bấy giờ, chân tường của trú xá bị hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cây gỗ áp vào.”

Tường của trú xá bị thấm nước mưa. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tấm chắn bảo vệ, vữa hồ.”¹

Vào lúc bấy giờ, rắn từ mái cỏ rơi xuống trên vai của vị tỳ khưu nọ. Bị hoảng sợ, vị ấy đã kêu thét lên. Các tỳ khưu đã chạy lại và nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, vì sao đại đức đã kêu thét lên vậy?” Khi ấy, vị tỳ

¹ Vữa hồ (*uddasudham*): Ngài Buddhaghosa giải thích là vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò (*VinA. vi*, 1219).

khuru ấy đã kể lại cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) vòm che ở mái.”

21. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru treo các túi ở chân giường và ở cả chân ghế nữa. Chúng đã bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) chốt đinh ở tường, móc ngà voi.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru để y ở trên giường và ở cả trên ghế nữa. Y bị tả toí (thành từng mảnh). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) sào treo y, dây treo y ở trú xá.”

Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn (ánh nắng) được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che.”

Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các tỳ khuru ái ngại khi nằm xuống. — nt —

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép (thực hiện) màn che di chuyển bằng bánh xe, màn che loại kéo lên.”

22. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (xây dựng) phòng hội họp.”

Phòng hội họp có nền thấp nên bị ngập nước. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Rác cỏ rơi vào trong phòng hội họp. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) sào treo y, dây treo y ở ngoài trời.”

Nước uống bị nắng sưởi ấm. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) nhà nước uống, mái che chỗ nước uống.”

Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uống. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

Tô uống nước không có. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) vỏ sò để uống nước, cốc để uống nước.”

23. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không được rào lại.
—nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, và hàng rào bằng gỗ.”

Cổng ra vào không có. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cổng ra vào.”

Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Cổng ra vào không có cửa. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.”

Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.”

24. Vào lúc bấy giờ, căn phòng bị lây lội. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rải cát.”

Các vị làm không có kết quả.

-Này các tỳ khưu, ta cho phép trải đá phiến.”

Nước còn đọng lại. — nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu thực hiện chỗ đốt lửa ở nơi này nơi nọ trong căn phòng. Căn phòng bị rác bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (xây dựng) nhà để đốt lửa ở một góc.”

Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. — nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nền cao.”

Nền móng bị đổ xuống. — nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: nền móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ.”

Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. — nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ba loại bậc thang: bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ.”

Các vị bị té trong khi bước lên (bậc thang). — nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) tay cầm để vịn.”

Nhà để đốt lửa không có cửa. — nt—

-Này các tỳ khưu, ta cho phép (thực hiện) cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua.”

Rác cỏ rơi vào trong nhà để đốt lửa. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào treo y, dây treo y.”

25. Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại rào ngăn: rào ngăn bằng tre, rào ngăn bằng cây gai, và hào rãnh.”

Cổng ra vào không có. Tương tự y như thế, các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa găn nhánh cây có gai, vòm cổng, và móc khóa.”

Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.”

Tu viện bị lây lội. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép rải cát.”

Các vị làm không có kết quả. – nt –

-Này các tỳ khưu, ta cho phép trải đá phiến.”

Nước còn đọng lại. – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép (đào) rãnh thoát nước.”

26. Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định cho xây dựng tòa nhà dài có tô vữa hồ đất sét nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các tỳ khưu khởi ý điều này: “Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép năm loại mái che: mái che lợp ngói, mái che lợp đá phiến, mái che bằng vữa hồ, mái che lợp cỏ, mái che lợp lá.”

Tụng phẩm thứ nhất.

27. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có người vợ là em gái của nhà đại phú ở thành Rājagaha. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến thành Rājagaha vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: - “Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.”

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã khởi ý điều này: “Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: ‘Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.’ Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?”

Sau đó, khi đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã chào hỏi gia chủ Anāthapiṇḍika rồi ngồi xuống một bên. Khi nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: - “Này gia chủ, trước đây mỗi khi ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: ‘Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.’ Này

gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?”

- “Này gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường. Hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh mời vào ngày mai.”

28. - “Này gia chủ, có phải người nói: ‘Đức Phật?’”

- “Ồ gia chủ, tôi nói là: ‘Đức Phật.’”

- “Này gia chủ, có phải người nói: ‘Đức Phật?’”

- “Ồ gia chủ, tôi nói là: ‘Đức Phật.’”

- “Này gia chủ, có phải người nói: ‘Đức Phật?’”

- “Ồ gia chủ, tôi nói là: ‘Đức Phật.’”

- “Này gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: ‘Đức Phật.’ Này gia chủ, vào giờ này tôi có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy không vậy?”

- “Này gia chủ, giờ này không phải là lúc để đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy. Để đến sáng sớm ngày mai, dượng sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy vậy.”

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): ‘Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy vậy,’ rồi đã nằm xuống với niệm tưởng về đức Phật, và đã thức giấc trong đêm ba lần, nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến cổng thành dẫn đến khu rừng Sita. Các phi nhân đã mở cổng thành. Khi ấy, trong lúc gia chủ Anāthapiṇḍika đang đi ra khỏi thành thì ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui.

Khi ấy, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

- “*Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ (trang điểm) với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lần như thế không giá trị bằng một bước chân đi tới.*”

“Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui.”

Khi ấy, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika đã được lắng xuống.

Đến lần thứ nhì, –nt– Đến lần thứ ba, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Đến lần thứ ba, dạ xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng:

- “Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ (trang điểm) với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lần như thế không giá trị bằng một bước chân đi tới.”

“Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui.”

Đến lần thứ ba, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika đã được lắng xuống. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến khu rừng Sīta. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Anāthapiṇḍika từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

29. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này: - “Này Sudatta, hãy đến.” Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn gọi ta bằng tên’ nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chắc hẳn rằng đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được thoải mái?”

- “Đúng thế, vị Bà-la-môn đã chứng ngộ Niết Bàn luôn luôn nghỉ ngơi được thoải mái, là người không bị vấy nhơ trong các dục, có trạng thái mát mẻ, không còn mầm tái sanh.

Sau khi đoạn lìa các sự vướng mắc, vị ấy có thể điều phục nổi khổ trong tâm, được an tịnh, nghỉ ngơi được thoải mái, sau khi tâm đã đạt được Niết Bàn.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapiṇḍika. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của gia chủ Anāthapiṇḍika đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phò bày Pháp thuyết giảng đã được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapiṇḍika: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

30. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến

trộn đời. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Nhà đại phú thành Rājagaha đã nghe rằng: “Nghe nói gia chủ Anātha-piṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.” Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này: - “Này gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng lại là khách vắng lai. Này gia chủ, hãy để tôi cho dượng tài chánh; nhờ đó dượng có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.” - “Này gia chủ, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.”

31. Vị thị trưởng thành Rājagaha đã nghe rằng: “Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.” Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này: - “Này gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vắng lai. Này gia chủ, hãy để ta cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.” - “Thưa ngài, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.”

Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: “Nghe nói gia chủ Anāthapiṇḍika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.” Khi ấy, đức vua

Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này: - “Này gia chủ, nghe nói khanh đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và khanh lại là khách vắng lai. Này gia chủ, hãy để trẫm cho khanh tài chánh; nhờ đó khanh có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.” - “Tâu bệ hạ, thôi đi. Thân có tài chánh, với số đó thân sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu.”

32. Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm tại tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hải lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatti cùng với hội chúng tỳ khưu.”

- “Này gia chủ, các đức Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng.”

- “Bạch Thế Tôn, con đã biết được. Bạch Thiện Thệ, con đã được biết.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapiṇḍika bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

33. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapiṇḍika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở thành Rājagaha đã ra đi trở về thành Sāvatthi. Sau đó, trên đường đi gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo với dân chúng rằng: - “Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiết lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ đi đến bằng con đường này.” Khi ấy, đám người ấy được cổ vũ bởi gia chủ Anāthapiṇḍika đã xây dựng các tu viện, đã cho thiết lập các trú xá, và đã chuẩn bị các vật cúng dường.

Sau đó, khi đã về đến thành Sāvatthi gia chủ Anāthapiṇḍika đã xem xét quanh thành Sāvatthi (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.”

Gia chủ Anāthapiṇḍika đã nhìn thấy khu vườn của vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vương tử Jeta, sau khi đến đã nói với vương tử Jeta điều này: - “Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện.”

- “Này gia chủ, khu vườn không thể cho, ngay cả với việc trả ra mười triệu.”

- “Thưa công tử, khu vườn đã được bán.”

- “Này gia chủ, khu vườn chưa được bán.”

(Họ đã cãi nhau): “Đã được bán, chưa được bán,” rồi đã hỏi các viên đại thần lo việc xử án. Các viên quan đại thần đã nói như vậy: - “Thưa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.”

34. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trả ra mười triệu tiền vàng ở Jetavana (khu rừng của Jeta). Tiền vàng chở lại một lần ấy còn thiếu cho khoảng trống nhỏ xung quanh chỗ cổng ra vào. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã bảo dân chúng rằng: - “Này các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Tôi sẽ trả lên khoảng trống này.”

Khi ấy, vương tử Jeta đã khởi ý điều này: “Việc này sẽ không là tầm thường bởi vì vị gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến chừng này,” nên đã nói với gia chủ Anāthapiṇḍika điều này: - “Này gia chủ, được rồi, ông không cần phải trả lên khoảng trống này nữa. Hãy cho ta khoảng trống này. Việc bố thí ấy sẽ là của ta.”

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika (nghĩ rằng): ‘Vương tử Jeta này nổi tiếng, là người nổi danh. Niềm tin trong Pháp và Luật này của những người nổi tiếng như thế quả có lợi ích lớn lao!’ nên đã nhường khoảng trống đó cho vương tử Jeta. Sau đó, vương tử Jeta đã cho dựng lên cổng ra vào ở khoảng trống đó.

Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho xây dựng ở Jetavana các trú xá, đã cho xây dựng các căn phòng, đã cho xây dựng các nhà kho, đã cho xây dựng các phòng hội họp, đã cho xây dựng các nhà để đốt lửa, đã cho xây dựng các nhà làm thành được phép, đã cho xây dựng các nhà tiêu, đã cho xây dựng các nhà tiểu, đã cho xây dựng các đường kinh hành, đã cho xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, đã cho xây dựng các giếng nước, đã cho xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, đã cho xây dựng các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các hồ trữ nước, đã cho xây dựng các mái che.

35. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thực hiện công trình mới một cách tươm tất. Ngay cả các tỳ khưu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.

Khi ấy, có người thợ may nghèo nọ đã khởi ý điều này: “Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách tươm tất như vậy thì việc này sẽ không là tầm thường; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vậy?”

Sau đó, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên bức tường. Các viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Đến lần thứ nhì, –nt– Đến lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các

viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống.

Khi ấy, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Người ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đến các Sa-môn Thích tử này nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ, và phụ trách công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới (của tôi).”

36. Các tỳ khưu đã nghe được người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép giao công trình mới. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu là vị phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực (suy nghĩ rằng): ‘Có cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh chóng?’ và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ vỡ và hư hỏng. Và này các tỳ khưu, nên giao như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đến vị tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đến vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ

tên (như vậy) đến vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Công trình mới là trú xá của gia chủ tên (như vậy) đã được giao đến vị tỳ khưu tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đệ tử của các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): “Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi theo phía sau¹ hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nằm đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ nằm đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đảnh hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đảnh hăng. - “Ai ở nơi này vậy?”

- “Bạch ngài, con là Sāriputta.”

- “Này Sāriputta, vì sao người lại ngồi ở đây?”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về việc đi chậm ở phía sau của ngài Sāriputta như sau: “Nghe nói vị trưởng lão trong khi quan tâm các vị bị bệnh, trong khi giúp đỡ các vị già cả yếu đuối nên đi đến sau tất cả. Đây là pháp thực hành của vị ấy” (VinA. vi, 1221).

kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu đệ tử của các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): ‘Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): ‘Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.’ Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, vị nào xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất?”

38. Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi vua chúa vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi Bà-la-môn vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi gia chủ vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào chuyên về Kinh vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào rành rẽ về Luật vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào là Pháp sư vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào đạt sơ thiền vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào đạt nhị thiền –nt– - “Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tam thiền –nt– - “Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tứ thiền vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhập Lưu vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất Lai –nt– - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất Lai –nt– - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc A-la-hán vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có ba Minh vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

Một số tỳ khưu đã nói như vậy: - “Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có sáu Thắng Trí vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất.”

39. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, trước đây ở sườn núi của Hy Mã Lạp Sơn có cây đa cổ thụ. Có ba bạn hữu là con chim đa đa, con khi, và con long tượng đã sống nương tựa vào cây ấy. Chúng sống không có sự kính trọng, không có sự phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các tỳ khưu, sau đó ba bạn hữu ấy đã khởi ý điều này: ‘Này, chúng ta nên biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta có thể trọng vọng, có thể cung kính, có thể sùng bái, có thể cúng dường vị ấy, và chúng ta có thể tồn tại trong sự giáo huấn của vị ấy.’

Này các tỳ khưu, khi ấy con chim đa đa và con khi đã hỏi con long tượng rằng: - ‘Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?’

- ‘Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ tôi thường để cây đa này ở giữa hai chân rồi bước qua, ngọn cây chạm vào bụng của tôi. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa.’

Này các tỳ khưu, sau đó con chim đa đa và con long tượng đã hỏi con khi rằng: - ‘Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?’

- ‘Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ tôi thường ngồi trên mặt đất nhai đọt non của cây đa này. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xưa.’

Này các tỳ khưu, sau đó con khi và con long tượng đã hỏi con chim đa đa rằng: - ‘Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xưa?’

- ‘Hai bạn à, ở khu vực kia đã có cây đa cổ thụ. Tại đó, tôi đã ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, từ đó cây đa này đã được sanh ra. Hai bạn à, như thế tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất.’

Này các tỳ khưu, sau đó con khi và con long tượng đã nói với con chim đa đa điều này: - ‘Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. Chúng tôi sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường bạn, và chúng tôi sẽ sinh tồn trong sự giáo huấn của bạn.’

Này các tỳ khưu, sau đó con chim đa đa đã cho con khi và con long tượng thọ trì năm giới, và bản thân nó cũng thọ trì và thực hành theo năm giới. Chúng đã sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại tử thân này chết đi, chúng đã sanh về chốn an vui là cõi trời. Này các tỳ khưu, con chim đa đa ấy đã nổi danh là bậc hành Phạm hạnh.

Những người nào tôn kính bậc cao niên những người rành rẽ về Pháp, được khen ngợi ngay trong kiếp này, và có cảnh giới an lạc trong kiếp sau.

Này các tỳ khưu, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các tỳ khưu, ở đây các người hãy làm rạng rỡ việc các người xuất gia làm Sa môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vậy, các người nên sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức

tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, hành động chấp tay, hành động thích hợp, chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất tính theo thâm niên. Nay các tỳ khưu, việc liên quan đến hội chúng được tính theo thâm niên không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata*.”

40. Nay các tỳ khưu, đây là mười hạng không nên được đánh lễ: Vị tu lên bậc trên sau không nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vị chưa tu lên bậc trên không nên được đánh lễ, vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói sai Pháp không nên được đánh lễ, phụ nữ không nên được đánh lễ, người vô căn không nên được đánh lễ, vị thực hành hình phạt *parivāsa* không nên được đánh lễ, vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không nên được đánh lễ, vị xứng đáng hình phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị thực hành hình phạt *mānatta* không nên được đánh lễ, vị xứng đáng sự giải tội không nên được đánh lễ. Nay các tỳ khưu, đây là mười hạng không nên được đánh lễ.

Này các tỳ khưu, đây là ba hạng nên được đánh lễ: Vị tu lên bậc trên trước nên được đánh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói đúng Pháp nên được đánh lễ, này các tỳ khưu, trong thế gian gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác nên được đánh lễ. Nay các tỳ khưu, đây là ba trường hợp nên được đánh lễ.”

41. Vào lúc bấy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị thảm trải, chuẩn bị chỗ trống dành riêng cho hội chúng. Các tỳ khưu đệ tử của các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): ‘Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng (cho hội chúng),’ rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống (nói rằng): “Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta.”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các thảm trải đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ trống đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đảnh hăng. Đại đức Sāriputta cũng đã đảnh hăng. - “Ai ở nơi này vậy?” - “Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta.” - “Này Sāriputta, vì sao người lại ngồi ở đây?”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu đệ tử của các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): ‘Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng (cho hội chúng),’ rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống (nói rằng): ‘Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta,

chỗ này sẽ dành cho chúng ta, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ngay cả việc được làm dành riêng (cho hội chúng) cũng được tính theo thâm niên không được xâm phạm; vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata*.”

42. Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là: ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các tỳ khưu trong khi ngăn ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ngoại trừ ba thứ là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm bông gòn, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.”

Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà loại giường và ghế đệm bông gòn. Các tỳ khưu trong khi ngăn ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên.”

43. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó trong thành Sāvatthi,

đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.” Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Anāthapiṇḍika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm rồi đã cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.”

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, rồi cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapiṇḍika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapiṇḍika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con tiến hành như thế nào về Jetavana?”

- “Này gia chủ, chính vì điều ấy người hãy cho thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.”

- “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này:

44. *“Từ nơi ấy, chúng (các trú xá) ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh, và các loài thú dữ, các loài rắn, và các muỗi mòng, và luôn cả luôn các cơn mưa lạnh.*

Từ nơi ấy, cơn gió nóng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nường nấu, với mục đích về sự an lạc, để thiền định, và để hành minh sát.

Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ...

... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều (học rộng) ngụ tại nơi ấy. (Nên cúng dường) cơm, nước, vải vóc, và chỗ nằm ngồi đến các vị ấy.

Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết Pháp đến người (thí chủ) ấy, là Pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được Pháp ấy, người (thí chủ) ấy trong đời này chứng ngộ Niết Bàn không còn lậu hoặc.”

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapiṇḍika bằng những lời kệ này đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

45. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của vị quan đại thần nọ là đệ tử đạo lỗia thế. Đại đức Upanananda con trai dòng Sakya đi đến trễ và đã làm cho vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy. Nhà ăn đã có sự xáo động. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử đi đến trễ lại còn làm cho các vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy khiến nhà ăn đã có sự xáo động? Ngay cả khi được ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?” Các tỳ khưu đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai.

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda đi đến trễ lại còn làm cho vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy khiến nhà ăn đã có sự xáo động?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này Upananda, nghe nói người đi đến trễ còn làm cho vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy khiến nhà ăn đã có sự xáo động, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người đi đến trễ lại còn cho vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy khiến nhà ăn đã có sự xáo động vậy? Này kẻ rồ dại, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo vị tỳ khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *dukkata*. Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu cầu (đứng dậy) rằng: ‘Hãy đi lấy nước đem lại.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được như vậy, (vị đang ăn) nên nuốt xuống các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị tỳ khưu thâm niên hơn. Này các tỳ khưu, nhưng ta không nói rằng: ‘Chỗ ngồi của vị tỳ khưu thâm niên hơn có thể bị xâm phạm bởi bất cứ phương thức nào;’ vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata*.”

46. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư bảo các tỳ khưu bị bệnh phải đứng dậy. Các vị bị bệnh nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh.” - “Chúng tôi sẽ làm cho các đại đức đứng dậy.” Rồi họ đã nắm lấy, lôi đứng dậy, và buông ra để cho các vị ấy đứng. Các vị bị bệnh bị ngã xiu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bảo các vị bị bệnh phải đứng dậy, vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư (bảo rằng): ‘Chúng tôi bị bệnh, không nên bảo chúng tôi đứng dậy’ rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép nhường chỗ nằm thích hợp cho vị bị bệnh.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dùng mảnh lối xâm chiếm chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên dùng mảnh lối xâm chiếm chỗ trú ngụ; vị nào xâm chiếm thì phạm tội *dukkata*.”

47. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư sửa chữa ngôi trú xá lớn nọ ở vùng lân cận (nghĩ rằng): “Chúng ta sẽ an cư mùa mưa ở chỗ này.” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư này sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.” Một số vị đã nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong, chúng ta sẽ bảo họ tránh ra.”

Sau đó, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nói với các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này: - “Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.”

- “Này các đại đức, không phải là điều cần phải được báo trước hay sao? Và chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác.”

- “Này các đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?”

- “Này các đại đức, đúng vậy. Trú xá thuộc về hội chúng.”

- “Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.”

- “Này các đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được, chúng tôi cũng sẽ ở được.”

- “Này các đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi.” Rồi (các tỳ khưu nhóm Lục Sư) nổi giận, bất bình nắm (các vị kia) ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong khi bị lôi kéo ra ngoài, các vị kia khóc lóc. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị khóc?”

- “Thưa các đại đức, những tỳ khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình lại lôi kéo các tỳ khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. –nt– - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi lôi kéo các tỳ khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, vị nổi giận, bất bình không nên lôi kéo các tỳ khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng; vị nào

lôi kéo ra thì nên hành xử đúng theo Pháp.¹ Nay các tỳ khưu, ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ.”

48. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân phối chỗ trú ngụ là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (chỗ trú ngụ) đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy:

Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 17 (ND).

đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Khi ấy, các tỳ khưu là các vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý điều này: “Chỗ trú ngụ nên được phân phối như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trước tiên đếm số lượng tỳ khưu; sau khi đếm số lượng tỳ khưu rồi đếm số lượng chỗ nằm; sau khi đếm số lượng chỗ nằm thì phân phối theo chỗ nằm.”

Trong khi phân phối theo chỗ nằm, các chỗ nằm đã được thừa ra.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép phân phối theo trú xá.”

Trong khi phân phối theo trú xá, các trú xá đã được thừa ra. —nt—

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép phân phối theo phòng ở.”

Trong khi phân phối theo phòng ở, các phòng ở đã được thừa ra.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép phân phối luôn cả phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vị tỳ khưu khác đi đến, nếu (các vị) không sẵn lòng thì không cần phải cho.”

49. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu phân phối chỗ trú ngụ cho vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên phân phối sàng tọa cho vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào phân phối thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu sau khi nhận chỗ trú ngụ rồi chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng của mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu thời điểm phân phối chỗ trú ngụ?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. Vào ngày kế ngày rằm của tháng *Āsāḷhā*¹ là thời điểm trước nên được phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* là thời điểm sau nên được phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên được phân phối. Này các tỳ khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ.”

Đứt tụng phẩm thứ nhì.

¹ Tương đương ngày 16 tháng sáu âm lịch, tức là ngày đầu tiên của thời kỳ an cư mùa mưa đợt đầu (ND).

50. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi được phân phối chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi đã đi đến trú ngụ ở ngôi làng khác. Ngay cả ở nơi ấy, vị ấy đã được phân phối chỗ trú ngụ. Khi ấy, các tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Này các đại đức, đại đức Upananda con trai dòng Sakya này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và bất hòa trong hội chúng. Nếu vị này sẽ an cư mùa mưa ở đây, chính tất cả chúng ta sẽ sống không được thoải mái; vậy chúng ta hãy hỏi vị ấy đi.”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đại đức Upananda con trai dòng Sakya điều này:

- “Này đại đức Upananda, không phải đại đức đã nhận chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi rồi hay sao?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.”

- “Này đại đức Upananda, tại sao đại đức là một lại chiếm giữ hai?”

- “Này các đại đức, giờ tôi bỏ cái chỗ này, giữ lại cái chỗ kia.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya là một lại chiếm giữ hai?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi đại đức Upananda rằng: - “Này Upananda, nghe nói người là một lại chiếm giữ hai, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người là một lại chiếm giữ hai? Này kẻ rồ dại, chỗ kia người giữ lại, chỗ này người bỏ; chỗ này người giữ lại, chỗ kia người bỏ. Này kẻ rồ dại, như thế ở cả hai nơi người đều bị loại ra ngoài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, một vị không nên chiếm giữ hai (chỗ trú ngụ), vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata*.”

51. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật cho các tỳ khưu theo nhiều phương thức, ngài ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật, ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen đại đức Upāli như thế này như thế khác. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy học tập về Luật với đại đức Upāli.” Và các vị ấy gồm nhiều tỳ khưu trưởng lão, mới tu, và trung niên học tập về Luật với đại đức Upāli. Vì tôn trọng các tỳ khưu trưởng lão, đại đức Upāli chỉ đứng để giảng giải. Vì tôn kính Giáo Pháp, các tỳ khưu trưởng lão cũng chỉ đứng để nghe giảng. Trong trường hợp ấy, các tỳ khưu trưởng lão luôn cả đại đức Upāli đều bị mệt mỏi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu mới tu ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc cao hơn trong khi giảng giải vì

tôn kính Giáo Pháp; vị tỳ khưu trưởng lão ngồi chỗ ngồi ngang bằng hoặc thấp hơn trong khi nghe giảng vì tôn kính Giáo Pháp.”

Vào lúc bấy giờ, trong sự hiện diện của đại đức Upālī nhiều vị tỳ khưu chỉ đứng trong khi chờ đợi bài giảng nên bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi (chung) với những vị có đồng đẳng cấp.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Giới hạn đến đâu gọi là có đồng đẳng cấp?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi với vị (chênh lệch) khoảng cách ba năm (trở lại).”

Vào lúc bấy giờ, nhiều tỳ khưu có đồng đẳng cấp đã ngồi xuống trên một cái giường và đã làm gãy cái giường, đã ngồi xuống trên một cái ghế và đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép giường đối với nhóm ba vị, ghế đối với nhóm ba vị.”

Ngay cả nhóm ba vị ngồi xuống trên cái giường cũng đã làm gãy cái giường, ngồi xuống trên cái ghế cũng đã làm gãy cái ghế.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép giường đối với nhóm hai vị, ghế đối với nhóm hai vị.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngần ngại không ngồi xuống trên ghế dài cùng với các vị không đồng đẳng cấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ngồi trên ghế dài cùng với những vị không đồng đẳng cấp ngoại trừ người vô căn, phụ nữ, người lưỡng căn.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Vậy ghế dài tối thiểu (ngắn nhất) là bao nhiêu?” – nt –

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ghế dài có chiều dài tối thiểu là đủ cho ba người.”

52. Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā mẹ của Migāra có ý muốn cho xây dựng tòa nhà dài có mái hiên hình đầu voi nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Ở công trình phụ của tòa nhà dài việc gì được đức Thế Tôn cho phép, việc gì không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép tất cả công trình phụ của tòa nhà dài.”

Vào lúc bấy giờ, bà nội của đức vua Pasenadi xứ Kosala từ trần. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không được phép đã phát sanh đến hội chúng như là: ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép sử dụng sau khi cắt ngắn các chân của ghế trường kỷ, (cho phép) sử dụng sau

khi đã hủy đi lông ở ghế nệm lông thú, (cho phép) tháo gỡ nệm bông gòn để làm gối, (cho phép) dùng làm thảm lót trên nền đất các vật còn lại.”

53. Vào lúc bấy giờ, ở ngôi làng nọ không xa thành Sāvattthi, các tỳ khưu thường trú bị bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các tỳ khưu vắng lai và xuất hành. Khi ấy, các tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Này các đại đức, hiện nay chúng ta bị bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các tỳ khưu vắng lai và xuất hành. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị rồi chúng ta sẽ sử dụng đồ đạc của vị ấy.” Họ đã cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các tỳ khưu vắng lai đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: - “Này các đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi.”

- “Này các đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị.” - “Này các đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khưu nào ít ham muốn, — nt — các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các tỳ khưu, việc ấy không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, đây là năm vật không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*. Năm vật ấy là gì?”

Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.

Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.

Dây thừng, tre, cỏ *muñja*, cỏ *babbaja*, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.

Này các tỳ khưu, năm vật này không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội *thullaccaya*.”

54. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvattthi theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến Kīṭāgiri cùng với đại chúng tỳ khưu gồm năm trăm vị tỳ khưu có cả Sāriputta và Moggallāna. Các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kīṭāgiri cùng với đại chúng tỳ khưu gồm năm trăm vị tỳ khưu có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sai quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sai quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ” rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng.

Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Kīṭāgiri. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo nhiều vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, các người hãy đi (trước). Khi đi đến gặp các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các người hãy nói như vậy: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ khưu gồm năm trăm vị tỳ khưu có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ khưu có cả Sāriputta và Moggallāna.’”

- “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi các vị tỳ khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, sau khi đến đã nói với các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka điều này: - “Này các đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng tỳ khưu gồm năm trăm vị tỳ khưu luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Này các đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng tỳ khưu có cả Sāriputta và Moggallāna.”

- “Này các đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Này các đại đức, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì ngài sẽ ngụ ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sai quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sai quấy, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ.”

- “Này các đại đức, có phải các vị đã phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Assaji và Punabbasuka lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

- “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các tỳ khưu, sự

việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, đây là năm vật không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya*. Năm vật ấy là gì?

Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya*.

Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân chia, –nt–

Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân chia, –nt–

Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân chia, –nt–

Dây thừng, tre, cỏ *muñja*, cỏ *babbaja*, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya*.

Này các tỳ khưu, năm vật này không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm,

hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội *thullaccaya*.”

55. Sau đó, khi đã ngự tại Kīṭāgiri theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Ālavī. Trong khi du hành theo tuần tự ngài đã ngự đến Ālavī. Tại nơi đó ở Ālavī, đức Thế Tôn ngự ở trong điện thờ chính của Ālavī.

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ở Ālavī giao các công trình mới có hình thức như sau: họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm tay nắm, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm cửa sổ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu đen, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc trét màu phấn đỏ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lợp mái che, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp ráp, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, họ giao công trình mới đến hai mươi năm, họ giao công trình mới đến ba mươi năm, họ giao công trình mới đến trọn đời, họ giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất cho đến khi (chết và) hỏa táng.

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phản nài, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Ālavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng, –nt– họ giao công trình mới là trú xá đã

được hoàn tất cho đến khi (chết và) hỏa táng?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, không nên giao công trình mới với mỗi một việc bảo chất lại thành đồng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc tô vữa bức tường, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm tay nắm, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm cửa sổ, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu trắng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu đen, không nên giao công trình mới với mỗi một việc trét màu phấn đỏ, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lợp mái che, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp ráp, không nên giao công trình mới với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, không nên giao công trình mới đến hai mươi năm, không nên giao công trình mới đến ba mươi năm, không nên giao công trình mới đến trọn đời, không nên giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất đến khi (chết và) hỏa táng; vị nào giao thì phạm tội *dukkata*.

Này các tỳ khưu, ta cho phép giao công trình mới chưa khởi công hoặc chưa hoàn tất, (cho phép) xem xét công việc ở trú xá nhỏ rồi giao công trình mới năm hoặc sáu năm, (cho phép) xem xét công việc ở nhà một mái rồi giao công trình mới bảy hoặc tám năm, (cho phép) xem

xét công việc ở trú xá lớn rồi giao công trình mới mười hoặc mười hai năm.”

56. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu giao công trình mới là toàn bộ trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên giao công trình mới là toàn bộ trú xá; vị nào giao thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu giao hai công trình mới đến một vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên giao hai (công trình mới) đến một vị; vị nào giao thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu cho vị khác trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên cho vị khác trú ngụ; vị nào cho trú ngụ thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

“Này các tỳ khưu, không nên giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào giao thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ.”

57. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới các tỳ khưu bỏ đi, hoàn tục, từ trần, được biết là (xuống) sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khưu ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là người lường căn.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. — nt —

- “Này các tỳ khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị tỳ khưu bỏ đi. (Nên nghĩ rằng): ‘Chớ làm tổn hại đến hội chúng’ rồi nên giao cho vị khác. Này các tỳ khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị tỳ khưu hoàn tục, từ trần, được biết là (xuống) sa

di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là người lường căn. (Nên nghĩ rằng): ‘Chớ làm tổn hại đến hội chúng’ rồi nên giao cho vị khác.

Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị tỳ khuru bỏ đi. (Nên nghĩ rằng): ‘Chớ làm tổn hại đến hội chúng’ rồi nên giao cho vị khác. Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị tỳ khuru hoàn tục, từ trần –nt– được biết là người lường căn. (Nên nghĩ rằng): ‘Chớ làm tổn hại đến hội chúng’ rồi nên giao cho vị khác.

Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru bỏ đi; công trình ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy). Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru hoàn tục, chết đi, được biết là (xuống) sa di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản.

Này các tỳ khuru, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khuru được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn

nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; công trình ấy còn thuộc về vị ấy (trong mùa mưa năm ấy).

Này các tỳ khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị tỳ khưu được biết là người vô căn, được biết kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khưu ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là người lưỡng căn; hội chúng là chủ quản.”

58. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu trong khi gần ngại di chuyển (thảm lót) đến nhà hành lễ *Uposatha* và nơi tụ hội nên ngồi xuống ở nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời.”

Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các tỳ khưu trong khi ngần ngại không di chuyển sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản.”

Vào lúc bấy giờ, có mền len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trao đổi (vật khác) để công việc được thuận tiện.”

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải dệt đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép trao đổi (vật khác) để công việc được thuận tiện.”

59. Vào lúc bấy giờ, có tấm da gấu phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm vật chùi chân.”

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải len phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm vật chùi chân.”

Vào lúc bấy giờ, có tấm vải phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép làm vật chùi chân.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân chưa rửa. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân bị ướt. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên bước lên chỗ nằm ngồi với các bàn chân bị ướt; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu mang dép bước lên chỗ nằm ngồi. Chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên mang dép bước lên chỗ nằm ngồi; vị nào bước lên thì phạm tội *dukkata*.”

60. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhổ lên mặt nền đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên nhổ lên mặt nền đã được làm mới; vị nào nhổ thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) ống nhổ.”

Vào lúc bấy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

“Này các tỳ khưu, ta cho phép dùng vải bọc tròn lại.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu tựa vào tường đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, không nên tựa vào tường đã được làm mới; vị nào tựa thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) tấm bảng để dựa vào.”

Tấm bảng để dựa vào làm trải mặt nền ở bên dưới và bức tường ở bên trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bọc lại ở bên dưới và bên trên với mảnh vải.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu có chân đã rửa sạch ngần ngại nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm lót.”

61. Sau đó, khi đã ngự tại Ālavī theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana nơi nuôi dưỡng các con sóc.

62. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha có sự khó khăn về vật thực. Dân chúng không thể thực hiện bữa trai phạn dâng đến hội chúng nên muốn thực hiện bữa ăn đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bữa trai phạn dâng đến hội chúng, bữa ăn dâng đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.”

63. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lấy cho bản thân các bữa ăn thượng hạng và cho các tỳ khưu các bữa ăn tầm thường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị sắp xếp các bữa ăn là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết (bữa ăn) đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

Khi ấy, các tỳ khưu là những vị sắp xếp các bữa ăn đã khởi ý điều này: “Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, lần lượt rút ra, rồi sắp xếp các bữa ăn.”

64. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân bố chỗ trú ngụ là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân bố và chưa được phân bố. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân bố chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân bố chỗ trú ngụ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân bố chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

65. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị giữ kho đồ đạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị giữ kho đồ đạc là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được cất giữ và chưa được cất giữ. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị giữ kho đồ đạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị giữ kho đồ đạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị giữ kho đồ đạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị giữ kho đồ đạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

66. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị tiếp nhận y. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự

sợ hãi, vị biết vật đã được tiếp nhận và chưa được tiếp nhận. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị tiếp nhận y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

67. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia y. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định vị phân chia y là vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy:

Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

68. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia cháo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân chia cháo là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, –nt– vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy:

Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu –nt– Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia cháo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân chia trái cây là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, –nt– vị biết vật đã được phân chia

và chưa được phân chia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, –nt– Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia trái cây. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

69. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân chia thức ăn khô là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân chia thức ăn khô xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng

đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

70. Vào lúc bấy giờ, vật dụng linh tinh ở trong kho của hội chúng là dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân phát vật linh tinh là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, – nt – vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia.

Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu nên được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phát vật linh tinh. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phát vật linh tinh. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phát vật linh tinh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát vật linh tinh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Vị tỳ khưu là vị phân phát các vật linh tinh nên trao mỗi vị một cây kim, nên trao cây kéo, nên trao đôi dép,

nên trao dây thắt lưng, nên trao dây quàng ở vai, nên trao đồ lược nước, nên trao đồ lọc nước thông thường, nên trao dải nối theo chiều dọc (của y), nên trao dải nối theo chiều ngang (của y), nên trao mảnh lớn thuộc dải điều (của y), nên trao mảnh nhỏ thuộc dải điều (của y), nên trao vải may đường biên (của y), nên trao vải may đường viền xung quanh (của y). Nếu hội chúng có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía thì nên trao tức thời để sử dụng. Nếu vật cần dùng có thêm thì nên trao tiếp tục.”

71. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân phối vải choàng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân phối vải choàng là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, – nt – vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối vải choàng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối vải choàng. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khưu tên (như vậy) là vị phân phối vải choàng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối vải choàng. Sự việc được hội chúng

đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân phối bình bát. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị phân phối bình bát là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, –nt– vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận.

Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu –nt– Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

72. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các người phụ việc chùa. Các người phụ việc chùa không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị quản trị các người phụ việc chùa là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, –nt– vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: –nt– nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các sa di. Các sa di không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định vị quản trị các sa di là vị tỳ khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân

hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị quản trị các sa di xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị quản trị các sa di. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Tụng phẩm thứ ba.

Dứt Chương Sàng Tọa là thứ sáu.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vào thời ấy trú xá vẫn chưa được quy định bởi đức Phật tối thượng, các vị đệ tử ấy của đấng Chiến Thắng bước ra từ chỗ ngụ ở nơi này nơi khác.

2. Người gia chủ đại phú sau khi nhìn thấy các vị ấy đã nói với các vị tỳ khưu điều này: Tôi có thể cho làm, các ngài có thể cư ngụ. Các vị đã hỏi bậc Lãnh Đạo.

3. Ngài đã cho phép năm loại chỗ ngụ là: trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, và hang động. Nhà đại phú hộ đã cho xây dựng các trú xá.

4. Người ta cho xây dựng trú xá không có cửa, không đóng được, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, và cái chốt xoay ở trên.

5. Lỗ để luôn, sợi dây thừng, và tay nắm, cái chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, khóa bằng đồng, bằng gỗ, và bằng sừng.

6. Then cài, đinh khóa chốt, mái che, việc trét vữa bên trên và bên dưới, (cửa sổ) chấn song ngang, chấn lưới, chấn song dọc, và màn che, với thảm trải.

7. Giường đúc, và giường bằng vạt tre, ván khiêng tử thi, loại lắp ráp, loại xếp lại, có chân đẽo cong, tháo rời được, ghế vuông loại cao.

8. Ghế dựa dài, ghế làm bằng các thanh ráp lại, ghế lót vải, ghế có chỗ gác chân, ghế có nhiều chân, tấm ván, ghế mây, và luôn cả ghế lót rơm nữa.

9. Ở giường cao, và con rắn, khung giường, khung giường cao tám ngón tay, chỉ sợi, dệt chéo ô nhỏ, mảnh vải, đệm bông gòn, (gối dài) nửa thân người.

10. Trên đỉnh núi, và luôn cả các loại nệm, vải bọc, và luôn cả sàng tọa, đã được bọc lại, rơi ra từ bên dưới, sau khi tháo ra, và họ lấy đem đi.

11. Việc thực hiện các đường vẽ, và các đường vẽ bằng bàn tay, đức Thiện Thệ cho phép, màu trắng, màu đen, cũng ở tại trú xá, vỏ trấu, và đất sét loại dẻo.

12. Nhựa cây, cái bay thợ nề, cám đỏ, bột mù tạt, đầu sáp ong, bị đóng cục, để chùi, bị lồi lõm, đất sét trộn phân trùn.

13. Nhựa cây, và hình ảnh gợi cảm, bị thấp, và nền móng, việc leo lên, các vị bị té, đông đảo người, bức tường thấp, lại là ba (loại phòng).

14. Ở (trú xá) nhỏ, chân tường, thấm nước mưa, tiếng la lớn, chốt tường, sào treo y, và dây (treo y), mái hiên, với màn che.

15. Tay cầm để vịn, rác cỏ, nên thực hiện theo phương thức ở phần dưới, ngoài trời, bị hâm nóng, gian nhà, và tô uống nước ở phần dưới.

16. Trú xá, và luôn cả cổng ra vào, căn phòng, nhà để đốt lửa, về tu viện, và luôn cả cổng ra vào, nên thực hiện theo phương thức ở phần bên dưới.

17. Vừa hồ, và ông Cấp Cô Độc có đức tin đã đi đến khu rừng Sīta, đã thấy được Pháp, đã mời thỉnh đấng Lãnh Đạo cùng với hội chúng.

18. Trên đường đi đã kêu gọi, nhóm người đã cho xây dựng tu viện, ở Vesālī, công trình mới, đi trước, và giành phần.

19. Vị nào xứng đáng phần ăn hạng nhất, chim đa đa, và các hạng không đáng đánh lễ, bị giành phần, ở trong nhà, (độn) bông gòn, đã ngự đến Sāvattthī.

20. Vị ấy đã thiết lập tu viện, và sự ồn ào ở nhà ăn, các vị bị bệnh, các giường tốt nhất, và do mánh lối, nhóm Mười Bảy Sư, ở nơi đó.

21. Bởi vị nào? Như thế nào? Đã phân chia theo trú xá, theo phòng ở, và phần còn lại, có thể không ban cho phần chia nếu không thích.

22. Ở ngoài ranh giới, và chiếm giữ luôn mọi lúc, ba (thời điểm) về chỗ ngụ, vị Upananda, và Ngài đã ngợi khen, các vị đứng, và cùng ngồi chung chỗ.

23. Chỗ ngồi đồng đẳng cấp, các vị đã làm gãy, nhóm ba vị, và nhóm hai vị, với những vị không đồng đẳng cấp, ghé dài, mái hiên hình đầu voi, (cho phép) để sử dụng.

24. Và bà nội (của đức vua), không xa, và đã được phân chia, ở Kīṭāgiri, ở Ālavī, với việc chắt đồng, và (tô vữa) bức tường, (lắp đặt) cánh cửa, (làm) tay nắm.

25. Cửa sô, (sơn) màu trắng, màu đen, màu đỏ, (lợp) mái che, và việc lắp ráp, đặt thanh ngang, chỗ hư hỏng, bục nền xung quanh, hai mươi năm, ba mươi năm, và trọn đời.

26. Đã được hoàn tất, chưa khởi công, ở (trú xá) nhỏ, nên giao sáu hoặc năm năm, về nhà một mái thì bảy hoặc tám năm, và (trú xá) lớn thì mười hoặc mười hai năm.

27. (Công trình là) toàn bộ trú xá, (giao hai công trình) cho một vị, cho vị khác ngụ, (chiếm giữ) vật thuộc về hội chúng, ở ngoài ranh giới, (chiếm giữ) luôn mọi lúc, các vị bỏ đi, hoàn tục.

28. Và chết đi, (xuống) sa di, vị đã xả bỏ sự học tập, (tội) cực nặng, các vị bị điên, có tâm rối loạn, và bị thọ khổ, do việc không nhìn nhận tội.

29. Do việc không sửa chữa lỗi, do tà kiến, các người vô căn, những kẻ trộm tưướng mạo (tỳ khưu), và theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, làm như (tỳ khưu ni).

30. Những kẻ chia rẽ, làm chảy máu (đức Phật), và luôn cả những người lưỡng căn, (nghĩ rằng): ‘Chớ làm tổn hại đến hội chúng’ rồi nên giao công trình cho vị khác.

31. Trong khi chưa hoàn tất, giao vị khác, đã hoàn tất, bỏ đi, vẫn còn thuộc vị ấy. Vị hoàn tục, chết đi, và xuống lại sa di.

32. Và vị đã xả bỏ sự học tập, phạm tội cực nặng, nếu là người vô căn, hội chúng là chủ quản. Vị bị điên, có tâm rối loạn, bị thọ khổ.

33. Về việc không nhìn nhận tội, không sửa chữa lỗi, tà kiến, thì vẫn còn thuộc về vị ấy. Người vô căn, kẻ

trộm tướng mạo (tỳ khưu), theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, giết cha.

34. Kẻ giết (A-la-hán), và luôn cả kẻ làm như (tỳ khưu ni), kẻ chia rẽ (hội chúng), kẻ làm chảy máu (đức Phật), người lưỡng căn, nếu vị ấy thú nhận, thì chính hội chúng chủ quản.

35. Các vị đem nơi khác, có sự ngần ngại, (trú xá) bị sụp đổ, và mền len, tấm vải dệt, tấm da thú, tấm vải len, tấm vải, và các vị bước lên.

36. (Bàn chân) bị ướt, có giày dép, việc phun nhồ, các vị làm trầy, và các vị dựa vào, có tấm dựa, hoặc khi đã bị trầy, đã được rửa sạch, và với tấm trải.

37. Ở Rājagaha, các vị không thể nào, (bữa ăn) tầm thường, vị sắp xếp bữa ăn, vậy thì như thế nào, vị phân bố (chỗ ngụ), việc chỉ định vị giữ kho.

38. Vị tiếp nhận và vị phân chia (y), và luôn cả về cháo, và vị phân chia trái cây, vị phân chia thức ăn khô, và luôn cả phân phát vật linh tinh nữa.

39. Và luôn cả vị phân phối vải choàng, tương tự y như thế là vị phân phối bình bát, và việc chỉ định vị quản trị các người phụ việc tu viện, và các vị sa di.

40. Đấng Toàn Tri, bậc Hiếu Biệt Thế Gian, vị có tâm tốt lành, là vị Lãnh Đạo, vì lợi ích của chỗ trú ngụ, và vì lợi ích của sự an lạc, để tham thiên, và để minh sát.”

--ooOoo--

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT:

SỰ XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG SAKYA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Anupiyā. Anupiyā là tên của một thị trấn của xứ Malla. Vào lúc bấy giờ, nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakya xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sakya và Anuruddha dòng Sakya là hai anh em. Anuruddha dòng Sakya là người mảnh mai. Vị ấy có ba tòa lầu đài: một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa ở trong tòa lầu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lầu đài.

Khi ấy, Manānāma dòng Sakya đã khởi ý điều này: “Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakya đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Có lẽ hoặc là ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia?” Sau đó, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp Anuruddha dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này: - “Này Anuruddha yêu dấu, hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakya đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn (là người) đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia sống không nhà cả. Chính vì điều ấy, hoặc là em hoặc là anh nên xuất gia.”

- “Em thì mảnh mai, em không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Anh hãy xuất gia đi.”

- “Anuruddha yêu dấu, hãy đến. Anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình cho em. Trước tiên, cần bảo cày xới ruộng nương, sau khi bảo cày xới rồi cần bảo gieo hạt, sau khi bảo gieo hạt rồi cần bảo đưa nước vào, sau khi bảo đưa nước vào rồi cần bảo tưới nước đều khắp các ruộng, sau khi bảo tưới nước đều khắp các ruộng cần bảo nhổ cỏ, sau khi bảo nhổ cỏ rồi cần bảo gặt hái, sau khi bảo gặt hái rồi cần bảo thâu hoạch, sau khi bảo thâu hoạch rồi cần bảo chất thành đống, sau khi bảo chất thành đống rồi cần bảo đập giũ, sau khi bảo đập giũ rồi cần bảo tách rơm ra, sau khi bảo tách rơm ra cần bảo tách trấu ra, sau khi bảo tách trấu ra cần bảo sàng sảy, sau khi bảo sàng sảy rồi cần bảo đem cất vào kho, sau khi bảo đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế, vào mùa tới nữa cũng cần được làm y như thế.”

- “Thế các công việc không được ngưng lại hay sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào các công việc sẽ được ngưng lại? Khi nào sự chấm dứt các công việc sẽ được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rồi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho, đã được sở hữu?”

- “Này Anuruddha yêu dấu, công việc không được ngưng lại. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Khi công việc vẫn chưa ngưng lại, cha mẹ và ông đã qua đời.”

- “Chính vì điều ấy nên chính anh hãy biết lấy công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

2. Sau đó, Anuruddha dòng Sakya đã đi đến gặp người mẹ, sau khi đến đã nói với người mẹ điều này: - “Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.” Khi được nói như thế, mẹ của Anuruddha dòng Sakya đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này: - “Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Chỉ có sự chết thì mẹ đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được?”

Đến lần thứ nhì, Anuruddha dòng Sakya đã nói với người mẹ điều này: - “Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Chỉ có sự chết thì mẹ đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia sống không nhà được?”

Đến lần thứ ba, Anuruddha đã nói với người mẹ điều này: - “Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.”

Vào lúc bấy giờ, đức vua Bhaddiya dòng Sakya trị vì lãnh thổ Sakya. Và đức vua là bạn của Anuruddha dòng Sakya. Khi ấy, mẹ của Anuruddha dòng Sakya (nghĩ rằng): ‘Đức vua Bhaddiya dòng Sakya này trị vì lãnh thổ Sakya là bạn của Anuruddha dòng Sakya. Vì ấy không nhiệt tình rời nhà xuất gia sống không nhà!’ nên đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này: - “Này Anuruddha

yêu dấu, nếu đức vua Bhaddiya dòng Sakya rời nhà xuất gia sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia.”

3. Sau đó, Anuruddha dòng Sakya đã đi đến gặp đức vua Bhaddiya dòng Sakya, sau khi đến đã nói với đức vua Bhaddiya dòng Sakya điều này: - “Này bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó.”

- “Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái.”¹

- “Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này bạn, tôi không thể rời nhà xuất gia sống không nhà. Điều gì khác mà tôi có thể làm cho bạn thì tôi sẽ làm cho bạn. Bạn hãy xuất gia đi.”

- “Này bạn, mẹ đã nói với tôi như vậy: ‘Này Anuruddha yêu dấu, nếu đức vua Bhaddiya dòng Sakya rời nhà xuất gia sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia.’ Này bạn, hơn nữa bạn đã nói lời nói này: ‘Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái.’ Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn muốn nói rằng: “Tôi với bạn sẽ xuất gia;” nhưng vì lòng ham muốn sự vinh quang của vương quyền ngăn cản trái tim lại nên chỉ nói được “Tôi với bạn” và đã không thể nói phần còn lại (*VinA. vi, 1275*). Nói thêm cho rõ về lời giải thích trên là vị Anuruddha đã nghe đức vua Bhaddiya nói như sau: “Tôi với bạn cứ việc xuất gia một cách thoải mái.”

Vào lúc bấy giờ, loài người nói năng chân thật, tôn trọng sự chân thật. Khi ấy, đức vua Bhaddiya dòng Sakya đã nói với Anuruddha dòng Sakya điều này: - “Này bạn, hãy chờ đợi bảy năm. Sau bảy năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này bạn, bảy năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy năm.”

- “Này bạn, hãy chờ đợi sáu năm. –nt– năm năm. –nt– bốn năm. –nt– ba năm. –nt– hai năm. –nt– một năm. Sau một năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này bạn, một năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi một năm.”

- “Này bạn, hãy chờ đợi bảy tháng. Sau bảy tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này bạn, bảy tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy tháng.”

- “Này bạn, hãy chờ đợi sáu tháng. –nt– năm tháng. –nt– bốn tháng. –nt– ba tháng. –nt– hai tháng. –nt– một tháng. –nt– nửa tháng. Sau nửa tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia sống không nhà.”

- “Này bạn, nửa tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi nửa tháng.”

- “Này bạn, hãy chờ đợi bảy ngày đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong.”

- “Này bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ đợi.”

4. Khi ấy, đức vua Bhaddiya dòng Sakya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta, với thợ cạo Upālī là người thứ bảy, giống như trước đây họ đã đi ra khu vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tự y như thế, họ đã đi ra cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Sau khi đi sang lãnh thổ khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra, dùng y khoác ngoài buộc lại thành gói, rồi đã nói với thợ cạo Upālī điều này: - “Này khanh Upālī, người nên trở lại. Nhiều đây cũng đủ cho cả đời của người.”

Sau đó, trong khi đi trở về thợ cạo Upālī đã khởi ý điều này: “Những người dòng Sakya thật là ác độc (nghĩ rằng): ‘Các vương tử đã bỏ đi vì gã này,’ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakya này còn rời nhà xuất gia sống không nhà, việc gì ta lại không?” Vị ấy đã mở gói đồ ra rồi treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: “Ai thấy được cứ việc lấy món quà” rồi đã đi đến gặp các vương tử dòng Sakya. Các vương tử dòng Sakya ấy đã nhìn thấy thợ cạo Upālī đang từ đằng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với thợ cạo Upālī điều này: - “Này khanh Upālī, vì sao người quay lại?”

- “Thưa các vương tử, ở đây trong khi quay trở về tôi đã khởi ý điều này: ‘Những người dòng Sakya thật là ác độc (nghĩ rằng): ‘Các vương tử đã bỏ đi vì gã này,’ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakya này còn rời nhà xuất gia sống không nhà, việc gì ta lại không?’ Thưa các vương tử, tôi đây đã mở gói đồ ra treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: ‘Ai thấy được cứ việc lấy món quà’ rồi từ đó tôi đã quay lại.”

- “Này khanh Upālī, người đã hành động đúng về việc người đã quay trở lại vì những người dòng Sakya quả là

ác độc (nghĩ rằng): ‘Các vương tử đã bỏ đi vì gã này,’ cũng có thể ra lệnh giết người.”

5. Sau đó, các vương tử dòng Sakya ấy đã đưa thợ cạo Upālī đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vương tử dòng Sakya ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng tôi thuộc dòng Sakya có sự ngã mạn. Bạch ngài, thợ cạo Upālī này là người hầu cận của chúng tôi lâu nay. Xin đức Thế Tôn cho người này xuất gia trước tiên. Chúng tôi sẽ thực hiện việc đánh lễ, việc đứng dậy, việc chấp tay, hành động thích hợp đối với ông ta. Như thế, sự ngã mạn của dòng Sakya trong những người Sakya chúng tôi sẽ không còn nữa.”

Khi ấy, đức Thế Tôn đã cho thợ cạo Upālī xuất gia trước tiên kể đến là các vương tử dòng Sakya ấy. Sau đó ngay trong năm ấy, đại đức Bhaddiya đã chứng ngộ ba Minh, đại đức Anuruddha đã chứng đạt Thiên nhân, đại đức Ānanda đã chứng ngộ quả Nhập Lưu, Devadatta đã thành tựu được thần thông của phàm nhân.

Vào lúc bấy giờ, đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: “Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!” Khi ấy, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ Bạch ngài, chắc chắn rằng đại đức Bhaddiya không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, hoặc là trong khi hồi tưởng lại chính sự khoái lạc vương giả ấy trước đây, (vị ấy) mặc

dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống đã thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’”

6. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỳ khưu khác rằng: - “Này tỳ khưu, hãy đến. Người hãy nhân danh ta đi đến nói với tỳ khưu Bhaddiya rằng: ‘Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức.’” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi vị tỳ khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Bhaddiya, sau khi đến đã nói với đại đức Bhaddiya điều này: - “Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư cho gọi đại đức.”

- “Này đại đức, xin vâng.” Rồi đại đức Bhaddiya nghe theo vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đại đức Bhaddiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Bhaddiya điều này: - “Này Bhaddiya, nghe nói người mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ có đúng không vậy?”

- “Bạch ngài, đúng vậy.”

- “Này Bhaddiya, trong khi cảm nhận được lợi ích gì khiến người, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, thường xuyên thốt lên lời cảm hứng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ vậy?”

- “Bạch ngài, trước đây khi con làm vua, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn

thận bên ngoài thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở, bạch ngài, trong khi được bảo vệ và được an toàn như vậy, con đây sống vẫn cảm thấy sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Bạch ngài, thế mà giờ đây con chỉ một mình, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống lại không sợ hãi, không khiếp đảm, không lo âu, không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, tùy thuận sự bố thí của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch ngài, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, con đây cảm nhận được sự lợi ích này nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’”

Sau đó, khi hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nào mà các sự sân hận không hiện diện ở trong tâm, đã vượt qua khỏi hữu và phi hữu như thể, vị ấy đã không còn sự sợ hãi, có sự an lạc, không sâu muộn, chư Thiên không đạt được việc nhìn thấy vị ấy.”

7. Sau đó, khi đã ngự ở Anupiyā theo như ý thích, đức Thế Tôn Tôn trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Kosambi. Tại nơi đó, trong thành Kosambi, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Ghosita. Khi ấy, Devadatta trong lúc độc cư thiền tịnh đã có ý nghĩ suy tầm như vậy sanh khởi: “Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng có thể phát sanh?”

Khi ấy, điều này đã khởi lên cho Devadatta: “Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và có tương lai rạng rỡ. Hay là

ta nên làm cho hoàng tử Ajātasattu tin tưởng để khi vị ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng sẽ phát sanh?”

Sau đó, Devadatta đã thu xếp sàng tọa rồi cầm y bát đi đến thành Rājagaha. Theo tuần tự, vị ấy đã đến được thành Rājagaha. Khi ấy, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng đứa bé trai mình quần đây răn xuất hiện ở trên bắp vế của hoàng tử Ajātasattu. Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu đã trở nên sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Khi ấy, Devadatta đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này:

- “Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao?”

- “Vâng, ta sợ lắm. Người là ai?”

- “Tôi là Devadatta.”

- “Thưa ngài, nếu người là ngài đại đức Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi.”

8. Sau đó, Devadatta đã thay đổi hình dạng đứa bé trai và hiện ra đứng trước hoàng tử Ajātasattu có mang y hai lớp và y bát. Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu này của Devadatta nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phân cơm nấu với sữa được mang lại.

Khi ấy, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: ‘Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ khưu.’ Cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.

Vào lúc bấy giờ, thị giả của đại đức Mahāmoggallāna tên là Kakudha con trai của Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác.

Khi ấy, Thiên tử Kakudha đã đi đến gặp đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Thiên tử Kakudha đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này: - “Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: ‘Ta sẽ quản trị hội chúng tỷ khưu.’ Thưa ngài, cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.” Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đánh lễ đại đức Mahāmoggallāna, hướng vai phải nhiều quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.

9. Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thị giả của con tên là Kakudha con trai dòng Koliya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó, vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch ngài, khi ấy Thiên tử Kakudha đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đánh lễ con rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Thiên tử Kakudha đã nói với con điều này: ‘Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh

khiến điều tham muốn như vậy đã khởi lên: Ta sẽ quản trị hội chúng tỳ khưu. Thừa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông của mình.” Thiên tử Kakudha đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vị ấy đã đánh lễ con, hướng vai phải nhiều quanh, rồi biến mất ngay tại chỗ ấy.”

- “Này Moggallāna, có phải Thiên tử Kakudha với người có tâm hiểu và biết (lẫn nhau) bằng tâm nên bất cứ điều gì Thiên tử Kakudha nói (người biết được) tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác?”

- “Bạch ngài, Thiên tử Kakudha với con có tâm hiểu và biết (lẫn nhau) bằng tâm nên bất cứ điều gì Thiên tử Kakudha nói (con biết được) tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác.”

- “Này Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Này Moggallāna, hãy giữ kín lời nói này. Đã đến lúc kẻ rò rỉ đại tự chính mình sẽ làm bộc lộ bản thân.”

10. Này Moggallāna, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Này Moggallāna, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ

trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh’ và ‘Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh’ và ‘Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh’ và ‘Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh’ và ‘Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho

ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có lối giải thích thanh tịnh’ và ‘Lối giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có lối giải thích thanh tịnh’ và ‘Lối giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này Moggallāna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại

gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.”

Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.”

Này Moggallāna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

Và này Moggallāna, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: “Ta có giới thanh tịnh” và “Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về giới, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: “Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh” và “Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về sự nuôi mạng, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử.

Ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh” và “Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về sự thuyết pháp, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử.

Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: “Ta có lối giải thích thanh tịnh” và “Lối giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.” Các đệ tử không cần bảo vệ ta về lối giải thích, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về tri kiến, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.”

11. Sau đó, khi đã ngự tại Kosambi theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự ngài đã ngự đến thành Rājagaha.

Tại nơi đó, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

Khi ấy, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại.”

- “Này các tỳ khưu, chớ có ganh tỵ với Devadatta về sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh. Này các tỳ khưu, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được mang lại thì này các tỳ khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ khưu, cũng giống như người ta làm vỡ túi mật ở mũi của con chó dữ tợn; này các tỳ khưu, bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương

tự như thế, này các tỳ khưu, cho đến khi nào hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa còn được mang lại thì này các tỳ khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đến cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển.

Này các tỳ khưu, sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các tỳ khưu, giống như cây chuối khi trổ quả thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi trổ quả thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển, và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khưu, giống như cây tre khi kết trái thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khưu, giống như cây sậy khi kết trái thì đưa đến sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

Này các tỳ khưu, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tự như thế, sự lợi lộc, trọng

vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng, và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.”

“Đúng vậy, (sự kết) trái hại chết cây chuối, (sự kết) trái hại chết cây tre, (sự kết) trái hại chết cây sậy, sự trọng vọng hại chết kẻ ngu tương tự như bào thai hại chết con lừa.”

Tụng phẩm thứ nhất.

12. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo có cả đức vua, đang thuyết giảng Giáo Pháp. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- “Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng tỳ khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ khưu.”

- “Này Devadatta, thôi đi. Người chó có mong để được cai quản hội chúng tỳ khưu.”

Đến lần thứ nhì, Devadatta – nt – Đến lần thứ ba, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng tỳ khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng tỳ khưu.”

- “Này Devadatta, ngay cả Sāriputta và Moggallāna ta còn không thể bàn giao hội chúng tỳ khưu, làm sao (có thể bàn giao) cho kẻ tồi tệ đáng phỉ nhổ như người được?”

Khi ấy, Devadatta (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa!” nên tức tối, có sự không hài lòng, rồi đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi.

Như thế, đây đã là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn.

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’

Và này các tỳ khưu, nên thực hiện như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đại đức nào đồng ý sự thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì

Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta' xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

14. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Sāriputta rằng: - “Này Sāriputta, chính vì điều ấy người hãy công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha.”

- “Bạch ngài, trước đây ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rằng: ‘Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!’ Bạch ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được?”

- “Này Sāriputta, khi người khen ngợi về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: ‘Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!’ phải chăng là đúng sự thật?”

- “Bạch ngài, đúng vậy.”

- “Này Sāriputta, cũng tương tự như vậy, người hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha.”

- “Bạch ngài, xin vâng.” Đại đức Sāriputta đã đáp lời đức Thế Tôn.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, –nt– mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, –nt– mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, –nt– mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ xin im lặng; vị nào không đồng ý, có thể nói lên.

Đại đức Sāriputta đã được hội chúng chỉ định để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản

chất của Devadatta trước đây khác, – nt – mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.’ Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Và khi đã được chỉ định, đại đức Sāriputta cùng với nhiều vị tỳ khưu đã đi vào thành Rājagaha và đã công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: “Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. – nt – mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.” Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: “Các Sa-môn Thích tử này ganh tỵ. Họ ganh tỵ với sự lợi lộc và trọng vọng của Devadatta.” Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: “Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha như thế này chẳng có gì sai trái!”

15. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này: - “Tâu hoàng tử, trước đây loài người sống thọ, bây giờ yếu thọ. Điều thực tế cần được biết là ngài có thể chết đi trong lúc vẫn còn là hoàng tử; tâu hoàng tử, chính vì điều ấy ngài hãy giết cha và lên làm vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật.”

Sau đó, hoàng tử Ajātasattu (nghĩ rằng): ‘Ngài Devadatta có đại thần lực, có đại năng lực; ngài Devadatta đương nhiên có thể biết được’ nên vào lúc sáng sớm đã buộc con dao găm ở đùi, rồi (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan đại thần bảo vệ hậu cung đã nhìn thấy hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đang xông vào hậu cung một cách vội vã, sau khi nhìn thấy họ đã giữ lại. Trong lúc

khám xét, họ đã thấy con dao găm buộc ở đùi nên đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này: - “Tâu hoàng tử, ngài có ý định làm điều gì vậy?”

- “Ta có ý định giết cha.”

- “Do ai xúi giục?”

- “Do ngài đại đức Devadatta.”

Một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vậy: - “Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khưu phải bị giết chết.”

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy: - “Các tỳ khưu không phải chết. Các vị tỳ khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết.”

Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy: - “Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm như thế ấy.”

Sau đó, các quan đại thần ấy đã đưa hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình báo sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

- “Này các khanh, các quan đại thần đã có ý kiến thế nào?”

- “Tâu bệ hạ, một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vậy: ‘Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khưu phải bị giết chết.’ Một số quan đại thần khác đã đưa

ý kiến như vậy: ‘Các tỳ khưu không phải chết. Các vị tỳ khưu không làm điều gì tổn hại. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết.’ Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vậy: ‘Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy.’”

- “Này các khanh, đức Phật, hoặc Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng sẽ làm điều gì? Chẳng phải đức Thế Tôn đã cảnh giác và đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: ‘Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) đức Phật, Giáo Pháp, hoặc Hội Chúng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta’ hay sao?”

Tại nơi ấy, những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: “Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các tỳ khưu phải bị giết chết,” đức vua đã cách chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: “Các tỳ khưu không phải chết. Các vị tỳ khưu không làm điều gì tổn hại. Chỉ có hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết,” đức vua đã giáng chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vậy: “Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các tỳ khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy,” đức vua đã thăng chức những vị ấy.

Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này: - “Này hoàng tử, tại sao con có ý định giết ta?” - “Tâu bệ hạ, con muốn được vương quyền.”

- “Này hoàng tử, nếu con muốn được vương quyền, thì vương quyền này là của con.” Rồi đã trao vương quyền cho hoàng tử Ajātasattu.

16. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với hoàng tử Ajātasattu điều này: - “Tâu đại vương, hãy ra lệnh cho các nam nhân để họ sẽ đoạt mạng sống của Sa-môn Gotama.” Khi ấy, hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người rằng: - “Này các khanh, ngài đại đức Devadatta đã nói như thế nào, các người hãy làm theo như thế ấy.”

Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông rằng: - “Này ông bạn, Sa-môn Gotama ngụ ở nơi đó; hãy đoạt mạng sống của ông ta rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt hai người đàn ông (bảo rằng): - “Người đàn ông nào một mình trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt bốn người đàn ông (bảo rằng): - “Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông (bảo rằng): - “Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông (bảo rằng): - “Tám người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.”

Sau đó, người đàn ông ấy một mình cầm gươm và bao gươm, mang cung và túi tên đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến còn cách đức Thế Tôn một khoảng không xa, thì trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đã đứng với

thân thể cứng đờ. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người đàn ông ấy (với vẻ) khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đang đứng với thân thể cứng đờ, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: - “Này đạo hữu, hãy đến. Chớ có sợ hãi.”

Khi ấy, người đàn ông ấy đã bỏ gươm và bao gươm ở một góc, để cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dể đầu ở hai chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên con đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi ấy của con đây là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.”

“Này đạo hữu, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy người khiến người như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên người đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Này đạo hữu, chính từ việc ấy, người đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp, nay ta nhận biết điều ấy cho người. Này đạo hữu, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo Pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến người đàn ông ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ,

có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người đàn ông ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, người đàn ông ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn đầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.” Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy điều này: - “Này đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.” Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

17. Sau đó, hai người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vậy?” rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. —nt— vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt

vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! –nt– Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: - “Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.” Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, bốn người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “Hai gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?” rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dành lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. –nt– vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! –nt– Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.” Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: - “Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.” Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, tám người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “Bốn gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?” rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dành lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. –nt– vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! –nt– Xin đức Thế Tôn chấp

nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.” Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: - “Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.” Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, mười sáu người đàn ông ấy (nghĩ rằng): “Tám gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?” rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. –nt– vào Giáo Pháp của bậc đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! –nt– Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: - “Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này.” Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác.

Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, sau khi đến đã nói với Devadatta điều này: - “Thưa ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, có đại năng lực.”

- “Này ông bạn, thôi đi. Người chớ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama, chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama.”

18. Vào lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Gijjhakūṭa. Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūṭa và xô xuống tảng đá lớn (nghĩ rằng): “Ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama bằng vật này.” Hai đỉnh núi đã giao nhau và chặn tảng đá ấy lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngược nhìn lên phía trên và đã nói với Devadatta điều này: - “Này kẻ rồ dại, nhiều điều vô phước nghiêm trọng đã gây nên bởi ngươi, là việc ngươi có tâm độc ác, có tâm giết hại đã làm chảy máu của Như Lai.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, đây là nghiệp vô gián đầu tiên mà Devadatta đã tích lũy, là việc đã làm chảy máu của Như Lai bằng tâm độc ác, bằng tâm giết hại.”

Các tỳ khưu đã nghe rằng: “Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.” Và các vị tỳ khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn tiếng động lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là gì vậy?”

- “Bạch ngài, các tỳ khưu đã nghe rằng: ‘Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế Tôn.’ Bạch ngài, và các vị tỳ khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở, và canh gác cho đức Thế

Tôn. Bạch Thế Tôn, đó là tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy.”

- “Này Ānanda, chính vì điều ấy người hãy gọi các tỳ khưu ấy với lời nói của ta rằng: ‘Bậc Đạo Sư gọi các đại đức.’”

- “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp các vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Bậc Đạo Sư gọi các đại đức.”

- “Này đại đức, xin vâng.” Rồi các vị tỳ khưu ấy nghe theo đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ấy đang ngồi một bên điều này:

19. - “Này các tỳ khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các tỳ khưu, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Này các tỳ khưu, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Này các tỳ khưu, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử biết về chính vị ấy như vậy: “Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Và lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh;

điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Nay các tỳ khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh’ –nt– Nay các tỳ khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh’ –nt– Nay các tỳ khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc thuyết pháp từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có lối giải thích thanh tịnh’ –nt– Nay các tỳ khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ –nt– Nay các tỳ khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Nay các tỳ khưu, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời.

Và này các tỳ khưu, ta có giới thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có giới thanh tịnh’ và ‘Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về giới, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh’ và ‘Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về sự nuôi mạng, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh’ và ‘Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về sự thuyết pháp, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có lối giải thích thanh tịnh’ và ‘Lối giải thích của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về lối giải thích, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh’ và ‘Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố.’ Các đệ tử không cần bảo vệ ta về tri kiến, và ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử.

Này các tỳ khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các tỳ khưu, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.

Này các tỳ khưu, các người hãy đi về trú xá của mỗi người. Này các tỳ khưu, các đức Như Lai không cần được bảo vệ.”

20. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có con voi dữ tợn tên Nālāgiri là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta sau khi vào thành Rājagaha đã đi đến chuồng voi và đã nói với những người quản tượng điều này: - “Này các người, chúng tôi là những thân quyến của đức vua, có quyền lực để đưa kẻ có chức vụ thấp lên chức vụ cao, còn làm tăng thêm luôn cả thực phẩm và lương bổng nữa. Này các người, chính vì điều ấy khi nào Sa-môn Gotama đi vào con đường này, khi ấy các người hãy thả con voi Nālāgiri này ra và cho đi theo con đường này.” - “Thưa ngài, xin vâng.” Những người quản tượng ấy đã trả lời Devadatta.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, rồi cầm y bát cùng với nhiều vị tỳ khưu đi vào thành Rājagaha để khất thực. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào con đường ấy. Những người quản tượng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi vào con đường ấy, sau khi nhìn thấy đã thả con voi Nālāgiri và cho đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng, rồi đã chạy lại đức Thế Tôn. Các vị tỳ khưu ấy đã nhìn thấy con voi Nālāgiri từ đằng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.” - “Này các tỳ khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các tỳ khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này

các tỳ khưu, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.”

Đến lần thứ nhì, các vị tỳ khưu ấy – nt – Đến lần thứ ba, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người đã đi vào con đường này. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui.”

- “Này các tỳ khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các tỳ khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các tỳ khưu, các đức Như Lai Vô Dư Niết Bàn không do sự hãm hại.”

21. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trào lên và nấp ở các tòa nhà dài, ở các khu nhà lớn, ở các mái che. Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: - “Này quý vị, chắc chắn ngài Đại Sa-môn Gotama đẹp trai sẽ bị con long tượng gây thương tích.” Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: - “Này quý vị, chốc nữa thôi chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phục.”

Khi ấy, đức Thế Tôn đã rải tâm từ đến con voi Nālāgiri. Sau đó, con voi Nālāgiri đã được đức Thế Tôn rải luồng tâm từ đến nên đã hạ vòi xuống rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của con voi Nālāgiri rồi đã nói với con voi Nālāgiri những lời kệ này:

“Này voi, chớ có đối đầu với Tượng Chúa. Này voi, bởi vì đối đầu với Tượng Chúa là khổ. Này voi, bởi vì

cõi trời là không có cho kẻ giết Tượng Chúa, từ cõi này (sẽ) đi đến cõi khác.

Và chớ có ngạo mạn, và chớ có xao lãng, bởi vì những kẻ bị xao lãng không về được cõi trời. Bằng cách nào người sẽ đi về cõi trời thì chính người sẽ làm theo như cách ấy.”

Khi ấy, con voi Nālāgiri đã dùng vòi lấy các hạt bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, đã khum xuống chào, rồi đã bước lui trong lúc vẫn nhìn đức Thế Tôn. Sau đó, con voi Nālāgiri đã về lại chuồng và đứng tại chỗ của nó. Và như thế, con voi Nālāgiri đã trở nên thuần phục. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ngâm nga bài kệ này:

“Nhiều kẻ được thuần hóa bằng gậy gộc, bằng các gậy móc câu, và bằng các roi vọt, con voi được vị Đại Ấn Sĩ điều phục không bằng gậy gộc, không bằng vũ khí.”

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Devadatta này quả thật ác độc, không biết xấu hổ, bởi vì ở nơi đây lại dám ra sức giết hại Sa-môn Gotama là vị có đại thần lực như thế này, có đại năng lực như thế này.”

Lợi lộc và sự trọng vọng của Devadatta đã sút giảm. Còn lợi lộc và sự trọng vọng của đức Thế Tôn đã tăng trưởng.

22. Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và sự trọng vọng bị sút giảm nên phải cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đồ ăn ngọt ngào?”

Các tỳ khưu đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao Devadatta cùng phe nhóm lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực?”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này Devadatta, nghe nói người cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy đối với các tỳ khưu ta sẽ quy định vật thực theo nhóm ba vị ở các gia đình vì ba lý do: “Nhằm kiềm chế những kẻ tội tệ, vì sự sống an lạc của các tỳ khưu hiền thiện: ‘Chớ để các tỳ khưu ác xấu nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng,’ và vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình. Và trong việc vật thực dâng chung nhóm, nên được hành xử theo Pháp.”¹

23. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissa con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto, sau khi đến đã nói với Kokālika, Kaṭamorakatissa con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto điều này: - “Này các đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo.”

¹ Liên quan đến điều *pācittiya* 32 (ND).

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này: - “Này đại đức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?”

- “Này các đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: ‘Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch ngài, lành thay các tỳ khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội.

Là các vị khát thực cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội.

Là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội.

Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội.

Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.’

Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.”

- “Này đại đức, với năm sự việc này có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh.”

24. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- “Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch ngài, lành thay các tỳ khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội.

Là các vị khất thực cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội.

Là các vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội.

Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội.

Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.”

- “Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng.

Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khát thực, vị nào muốn thì hãy ưng thuận việc thỉnh mời.

Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy ưng thuận y của gia chủ.

Này Devadatta, chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng được ta cho phép, cá thịt thanh tịnh với ba điều kiện: ‘Không thấy, không nghe, không nghĩ’ được ta cho phép.”

25. Khi ấy, Devadatta (biết rằng): ‘Đức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này’ nên mừng rỡ, phấn chấn cùng phe nhóm đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:

- “Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: ‘Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, –nt– là người khen ngợi sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, –nt– sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, –nt– Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.’ Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này.”

Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vậy: -

“Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đến việc xa hoa.” Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?” Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phản nản, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?”

26. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Devadatta, nghe nói người ra sức việc chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

- “Này Devadatta, thôi đi. Người chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Này Devadatta, kẻ nào phá vỡ sự hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tòn tại trọn kiếp¹ và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. Và này Devadatta, người nào làm hợp nhất hội chúng bị chia rẽ người ấy tạo nên phước báu của Phạm Thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp. Này Devadatta, thôi đi. Người chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng.”

Sau đó vào buổi sáng, đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khát thực. Devadatta đã nhìn thấy đại đức Ānanda đang đi khát thực ở trong

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích là *āyukappam* nghĩa là khoảng thời gian của cuộc sống, của tuổi thọ (VinA. vi, 1276).

thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Này đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ *Uposatha* và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khưu.”

Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, đại đức Ānanda sau bữa ăn trên đường đi khất thực trở về đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Bạch ngài, Devadatta đã nhìn thấy con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: ‘Này đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ *Uposatha* và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khưu.’ Bạch ngài, kể từ nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng.”

Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Điều tốt là dễ làm bởi người tốt, điều tốt là khó làm bởi kẻ xấu. Điều ác là dễ làm bởi kẻ xấu, điều ác là khó làm bởi các vị Thánh.”

Tụng phẩm thứ nhì.

1. Khi ấy, vào ngày lễ *Uposatha*, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết (nói rằng): - “Này các đại đức, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc:

‘Bạch ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, –nt– sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch ngài, lành thay các tỳ khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. –nt– Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.’ Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đồng ý năm sự việc này xin hãy nhận lãnh thẻ biểu quyết.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở thành Vesali có số lượng năm trăm vị vừa mới xuất gia và không hiểu biết rõ sự việc. Các vị ấy (nghĩ rằng): ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư’ nên đã nhận lấy thẻ biểu quyết.

Khi ấy, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm tỳ khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayā.”

- “Này Sāriputta và Moggallāna, không lẽ các người không có lòng trắc ẩn đối với các tỳ khưu mới tu ấy hay

sao? Đây Sāriputta và Moggallāna, các người hãy đi đến trước khi các tỳ khưu ấy tạo nên điều sai trái và hư hỏng.”
 - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi Sāriputta và Moggallāna nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã ra đi về phía đình đồi Gayā.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Đây tỳ khưu, vì sao người khóc?”

- “Bạch ngài, ngay cả hai vị Thinh Văn hàng đầu của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallāna cũng thích thú với giáo lý của Devadatta và đi đến với Devadatta rồi.”

- “Đây tỳ khưu, việc Sāriputta và Moggallāna có thể thích thú với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở; tuy nhiên, họ đã đi để cảnh tỉnh các tỳ khưu.”

2. Vào lúc bấy giờ, Devadatta được hội chúng đông đảo vây quanh đang thuyết giảng Giáo Pháp. Devadatta đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallāna đang từ đằng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Đây các tỳ khưu, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả các Thinh Văn hàng đầu của Samôn Gotama là Sāriputta và Moggallāna cũng thích thú với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.” Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này: - “Đây đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.”

- “Đây đại đức, thôi đi. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ thích thú với giáo lý của ta.”

Sau đó, Devadatta đã mời đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi (của mình): - “Này đại đức Sāriputta, hãy đến. Hãy ngồi xuống ở đây.”

- “Này đại đức, thôi đi.” Rồi đại đức Sāriputta đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Còn đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc.

Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các tỳ khưu bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã yêu cầu đại đức Sāriputta rằng: - “Này đại đức Sāriputta, hội chúng tỳ khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này đại đức Sāriputta, mong rằng có bài Pháp thoại dành cho các tỳ khưu khởi đến cho người. Lưng tôi bị mỏi nên tôi sẽ nằm duỗi lưng ra.” - “Này đại đức, được rồi.” Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta.

Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp lại làm tư rồi thực hiện thế nằm ở phía bên hông phải. Trong khi vị ấy mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ chốc lát đã chìm vào giấc ngủ.

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã giáo huấn và giảng dạy cho các tỳ khưu với bài Pháp thoại giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông về giáo hóa. Đại đức Mahāmoggallāna đã giáo huấn và giảng dạy cho các tỳ khưu bằng bài Pháp thoại giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông. Sau đó, trong khi đang được giáo huấn và giảng dạy bởi đại đức Sāriputta với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông về giáo hóa và bởi đại đức Mahāmoggallāna với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông thì Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi cho các tỳ khưu ấy: “Điều gì có bản

tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Khi ấy, đại đức Sāriputta đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các đại đức, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào thích thú với Giáo Pháp của đức Thế Tôn ấy, vị ấy hãy đi đến.” Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa năm trăm vị tỳ khưu ấy đi đến Veluvana. Khi ấy, Kokālika đã đánh thức Devadatta: - “Này đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Các tỳ khưu ấy đã bị Sāriputta và Moggallāna dẫn đi rồi. Này đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với đại đức rằng: ‘Này đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.’” Khi ấy, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta.

3. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, lành thay nếu các tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng) có thể tu lên bậc trên lại.”

- “Này Sāriputta, thôi đi. Người chớ có thích thú với việc tu lên bậc trên lại của các tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy người hãy cho các tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ trình báo tội *thullaccaya*. Này Sāriputta, Devadatta đã cư xử với người như thế nào?”

- “Bạch ngài, cũng tương tự như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các tỳ khưu bằng bài Pháp thoại gần như trọn đêm rồi đã yêu cầu con rằng: ‘Này Sāriputta, hội chúng tỳ khưu đã

qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Đây Sāriputta, mong rằng có bài Pháp thoại dành cho các tỳ khưu khởi đến cho người. Lưng ta bị mỏi nên ta sẽ nằm duỗi lưng ra.’ Bạch ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy.”

Khi ấy, đức Thế tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Đây các tỳ khưu, vào thời trước đây, có cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Các con long tượng sống nương tựa vào cái hồ đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai (cọng và ngó sen) không còn bùn và nuốt xuống. Điều ấy đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Đây các tỳ khưu, nhưng trong số các con long tượng khổng lồ ấy có những con còn nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, đã không rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai (cọng và ngó sen) còn dính bùn và nuốt xuống. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Đây các tỳ khưu, tương tự như thế Devadatta là kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước ta sẽ phải tiêu hoại.”

“Con long tượng khổng lồ làm lay chuyển trái đất trong khi đang ăn cọng sen và quan sát các dòng sông, kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước ta, ví như con voi con sau khi ăn đất bùn, sẽ phải chết.”

4. “Đây các tỳ khưu, vị tỳ khưu có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Đây các tỳ khưu, ở đây vị tỳ khưu là người lắng nghe, là người làm cho (kẻ khác) lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho (kẻ khác) có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự

tranh cãi. Đây các tỳ khưu, vị tỳ khưu có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả.

Này các tỳ khưu, Sāriputta có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Đây các tỳ khưu, ở đây Sāriputta là người lắng nghe, là người làm cho (kẻ khác) lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho (kẻ khác) có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi. Đây các tỳ khưu, Sāriputta có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả.”

“Nếu vị nào không run sợ sau khi đi đến nơi hội chúng có sự tranh cãi ồn ào, là vị không bỏ dở lời nói, và không che giấu lời giảng dạy, vị nói có sự mạch lạc, bị chất vấn không nổi sân; vị tỳ khưu như thế xứng đáng đi làm vị sứ giả.”

“Đây các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh Pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Tám điều ấy là gì? Đây các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi lợi lộc, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Đây các tỳ khưu, ... bởi không lợi lộc –nt– Đây các tỳ khưu, ... bởi danh vọng –nt– Đây các tỳ khưu, ... bởi không danh vọng –nt– Đây các tỳ khưu, ... bởi sự trọng vọng –nt– Đây các tỳ khưu, ... bởi ước muốn xấu xa –nt– Đây các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi bạn bè xấu xa, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Đây các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh Pháp này là

kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này các tỳ kheu, tốt đẹp thay vị tỳ kheu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– không lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– danh vọng đã được sanh khởi, –nt– không danh vọng đã được sanh khởi, –nt– sự trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– sự không trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, –nt– có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Và này các tỳ kheu, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị tỳ kheu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– không lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– danh vọng đã được sanh khởi, –nt– không danh vọng đã được sanh khởi, –nt– sự trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– sự không trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, –nt– có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi? Này các tỳ kheu, bởi vì đối với vị ấy trong khi sống hoàn toàn không chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi (đến vị ấy); trong khi sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không hình thành được.

Này các tỳ kheu, bởi vì đối với vị ấy trong khi sống hoàn toàn không chế ngự không lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– danh vọng đã được sanh khởi, –nt– không danh vọng đã được sanh khởi, –nt– sự trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– sự không trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, –nt– bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi (đến vị

ấy); trong khi sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi, như thế các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được.

Này các tỳ khưu, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị tỳ khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– không lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– danh vọng đã được sanh khởi, –nt– không danh vọng đã được sanh khởi, –nt– sự trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– sự không trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, –nt– vị ấy có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.

Này các tỳ khưu, do đó, ở đây chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– không lợi lộc đã được sanh khởi, –nt– danh vọng đã được sanh khởi, –nt– không danh vọng đã được sanh khởi, –nt– sự trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– sự không trọng vọng đã được sanh khởi, –nt– ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi.’ Này các tỳ khưu, các người nên học tập y như thế ấy.”

5. “Này các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh Pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Ba điều ấy là gì? Ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã đạt đến sự dừng lại ở khoảng giữa với sự đặc chứng đặc biệt có tính chất thấp thỏi (là các tầng thiên và các pháp thần thông). Này các tỳ khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh Pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.”

i. “Hiển nhiên, các người chớ để bất cứ ước muốn xấu xa nào ở thế gian sanh khởi. Cũng bởi điều này đây, các người hãy biết là có cảnh giới tương ứng đối với các ước muốn xấu xa.

ii. Devadatta, được biết là ‘người sáng trí,’ được công nhận ‘bản thân đã chứng thiên,’ đã trụ vững như là đang chói sáng với danh vọng, là điều tôi đã được nghe.

iii. Kể ấy, thực hành theo sự xao lãng, sau khi công kích đấng Như Lai ấy, đã đi đến địa ngục Avīci có bốn cửa chốn gây nên nổi kinh hoàng.

iv. Bởi vì kẻ gây hại đến bậc không (có tâm địa) xấu xa không làm việc ác, (quả) ác xấu xảy đến cho chính kẻ có tâm địa xấu xa, không nhân hậu ấy.

v. Kẻ nào suy nghĩ để làm ô nhiễm đại dương bằng lọ thuốc độc, với vật ấy kẻ ấy không thể làm ô nhiễm bởi vì đại dương là bao la, to lớn.

vi. Tương tự y như thế, kẻ nào dùng lời nói (bôi nhọ) hãm hại đấng Thiện Thệ là bậc đã đạt đến sự hoàn hảo, có tâm thanh tịnh; lời nói (bôi nhọ) không có tác động ở nơi vị ấy.

vii. Bậc sáng trí nên kết bạn hữu với hạng người như thế ấy, và nên phục vụ người ấy. Vị tỳ khưu theo đường lối của người ấy sẽ đạt được sự chấm dứt khổ đau.”

6. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có điều nói rằng: ‘Sự

bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng.’ Bạch ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?”

- “Này Upāli, một bên có một người, một bên có hai người, người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, một bên có hai người, người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có hai người, một bên có ba người, người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, một bên có ba người, người thứ bảy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có ba người, một bên có bốn người, người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố

rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’
 Nay Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, một bên có bốn người, một bên có bốn người, người thứ chín phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’
 Nay Upāli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng. Nay Upāli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, tỳ khưu ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Cô ni tu tập sự không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị sa di không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị sa di ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nam cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nữ cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nay Upāli, vị tỳ khưu bình thường là vị có sự đồng cộng trú, đứng chung ranh giới có thể chia rẽ hội chúng.”

7. “Bạch ngài, có điều nói rằng: ‘Sự chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chúng.’ Bạch ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng bị chia rẽ?”

- “Ở đây, này Upāli, các tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như

Lai là: ‘Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;’ tuyên bố vô tội là: ‘Phạm tội;’ tuyên bố phạm tội là: ‘Vô tội;’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘Tội nặng;’ tuyên bố tội nặng là: ‘Tội nhẹ;’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘Tội không còn dư sót;’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘Tội còn dư sót;’¹ tuyên bố tội xấu xa là: ‘Tội không xấu xa;’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘Tội xấu xa.’ Do mười tám sự việc này, các vị ấy tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ *Uposatha* riêng rẽ, chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, chúng thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Nay Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng bị chia rẽ.”

8. “Bạch ngài, có điều nói rằng: ‘Sự hợp nhất hội chúng, sự hợp nhất hội chúng.’ Bạch ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng có sự hợp nhất?”

“Ở đây, này Upāli, các tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘Phi Pháp;’ tuyên bố Pháp là: ‘Pháp;’ tuyên bố phi Luật là: ‘Phi Luật;’ tuyên bố Luật là: ‘Luật;’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã không được thực hành

¹ Tội không còn dư sót là nhóm tội *pārājika*. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VinA. vii, 1319).

bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai;’* tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: *‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;’* tuyên bố vô tội là: *‘Vô tội;’* tuyên bố phạm tội là: *‘Phạm tội;’* tuyên bố tội nặng là: *‘Tội nặng;’* tuyên bố tội nhẹ là: *‘Tội nhẹ;’* tuyên bố tội còn dư sót là: *‘Tội còn dư sót;’* tuyên bố tội không còn dư sót là: *‘Tội không còn dư sót;’* tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội xấu xa;’* tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội không xấu xa.’* Với mười tám sự việc này, các vị ấy không tách ra và không tách rời hẳn, không thực hiện lễ *Upasatha* riêng rẽ, không thực hiện lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ, không thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Nay Upāli, cho đến như vậy thì hội chúng có sự hợp nhất.”

9. - “Bạch ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ ấy gây nên điều gì?”

- “Này Upāli, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ gây nên tội lỗi chịu đựng trọn kiếp, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp.”

“Kẻ chia rẽ hội chúng là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp. Kẻ thích thú với phe nhóm, sống sai Pháp, làm tiêu hoại sự an ổn của thiên, sau khi đã chia rẽ hội chúng có sự hợp nhất, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp.”

- “Bạch ngài, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được điều gì?”

- “Này Upāli, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm Thiên, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp.”

“An lạc thay sự hợp nhất của hội chúng, và tán đồng với những ai sống hợp nhất. Vị thích thú với sự hợp nhất, sống đúng theo Pháp, không làm tiêu hoại sự an ổn của thiên, sau khi đã làm cho hội chúng có sự hợp nhất, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp.”

10. “Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được?”

- “Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.”

- “Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được?”

- “Này Upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.”

- “Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được?”

- “Này Upāli, trường hợp vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘Pháp.’ (Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là

Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc

Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp.*’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp.*’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Pháp.*’ (Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy

thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

11. Nay Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Nay Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Nay Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều*

đã được thực hành bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều đã được quy định bởi đức Như Lai;’ tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: ‘Điều không được quy định bởi đức Như Lai;’ tuyên bố vô tội là: ‘Phạm tội;’ tuyên bố phạm tội là: ‘Vô tội;’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘Tội nặng;’ tuyên bố tội nặng là: ‘Tội nhẹ;’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘Tội không còn dư sót;’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘Tội còn dư sót;’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘Tội không xấu xa;’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘Tội xấu xa.’ (Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố Pháp là ‘Phi Pháp.’ –nt– tuyên bố tội không xấu xa là: ‘Tội xấu xa.’ (Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, –nt–

(Vị ấy) có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, –nt–

(Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, –nt– (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, –nt–

(Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, – nt –

(Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, – nt –

(Vị ấy) có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều chấp nhận, sau khi che giấu điều ưa thích, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được.”

12. - “Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được?”

- “Này Upāli, trường hợp vị tỳ khưu tuyên bố phi Pháp là: ‘*Phi Pháp*.’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều chấp nhận, sau khi không che giấu điều ưa thích, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Nay Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu tuyên bố Pháp là: ‘*Pháp*.’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, – nt – tuyên bố phi Luật là ‘*Phi Luật*;’ – nt – tuyên bố

Luật là: ‘*Luật*;’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*;’ —

— tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*;’ tuyên bố phạm tội là: ‘*Phạm tội*;’ tuyên bố vô tội là: ‘*Vô tội*;’ tuyên bố tội nặng là: ‘*Tội nặng*;’ tuyên bố tội nhẹ là: ‘*Tội nhẹ*;’ tuyên bố tội còn dư sót là: ‘*Tội còn dư sót*;’ tuyên bố tội không còn dư sót là: ‘*Tội không còn dư sót*;’ tuyên bố tội xấu xa là: ‘*Tội xấu xa*;’ tuyên bố tội không xấu xa là: ‘*Tội không xấu xa*.’ (Vị ấy) có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều chấp nhận, sau khi không che giấu điều ưa thích, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.’ Đây Upāli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng (sẽ) không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được.”

Tụng phẩm thứ ba.

Chương Chia Rẽ Hội Chúng là thứ bảy.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

Ở Anupiyā, những người có danh tiếng, vị mảnh mai không muốn, các việc cày xới, gieo hạt, đưa nước vào, tưới nước, nhổ cỏ, gặt hái, thu hoạch, chắt thành đồng, đập giũ, (tách) rơm và trấu ra, sàng sảy, rồi cất vào kho.

Ngay cả trong tương lai, (các công việc) vẫn không được ngưng lại, cả người cha lẫn người ông. Các vị Bhaddiya, và Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, tự hào là dòng Sakya. Và chuyện ở Kosambi, vị đã bị mất (thần thông), và Thiên tử Kakudha.

Vị đã công bố, và đối với người cha, các nam nhân, tảng đá, voi Nālāgiri, ba (lần hăm hại), năm (sự việc), việc nghiêm trọng, kẻ đã chia rẽ, với tội thullaccaya, ba nhóm gồm tám điều, rồi lại ba điều (không đúng Chánh Pháp), sự bất đồng, sự chia rẽ, có thể sẽ là.”

--ooOoo--

VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ

1. PHẬN SỰ CỦA VỊ VẮNG LAI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu vắng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, đi vào tu viện vẫn trùm đầu, vẫn đội y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đánh lễ các tỳ khưu thường trú thâm niên hơn, không hỏi về chỗ trú ngụ.

Có vị tỳ khưu vắng lai nọ đã mở chốt gài, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào trú xá không có người ở. Có con rắn từ đà ngang phía trên đã rơi xuống vị ấy. Vị ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các tỳ khưu đã chạy lại và đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này đại đức, tại sao đại đức kêu thét lên vậy?” Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu vắng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, —nt— không hỏi về chỗ trú ngụ?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu vắng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, —nt— không hỏi về chỗ trú ngụ, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu vắng lai lại đi vào tu viện vẫn

mang dép, –nt– không hỏi về chỗ trú ngụ? Đây các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đây các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Đây các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu vãng lai, các tỳ khưu vãng lai nên thực hành như thế. Đây các tỳ khưu, vị tỳ khưu vãng lai (nghĩ rằng): ‘Bây giờ ta sẽ đi vào tu viện,’ nên tháo dép ra, để dưới thấp, giữ sạch, rồi cầm lấy, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y ở đầu để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một cách nghiêm trang không vội vã. Khi đi vào tu viện, nên quan sát xem: ‘Các tỳ khưu thường trú tụ hội ở đâu?’ Các tỳ khưu thường trú tụ hội ở nơi nào: trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở gốc cây, sau khi đi đến nơi ấy, nên để bình bát xuống một bên, nên để y xuống một bên, nên chọn chỗ ngồi thích hợp, rồi ngồi xuống. Nên hỏi về nước uống, nên hỏi về nước rửa: ‘Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?’ Nếu có sự cần dùng với nước uống, sau khi lấy nước uống rồi nên uống. Nếu có sự cần dùng với nước rửa, sau khi lấy nước rửa rồi nên rửa hai bàn chân. Trong khi rửa hai bàn chân, nên xối nước bằng một tay, nên rửa bàn chân bằng một tay. Không nên xối nước chỉ bằng tay ấy, không nên rửa bàn chân chỉ bằng tay ấy.

Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với miếng giẻ khô sau đó với miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị tỳ khưu thường trú thâm niên

hơn thì nên đánh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đánh lễ.

Nên hỏi về chỗ trú ngụ: ‘Chỗ trú ngụ nào dành cho tôi?’ Nên hỏi (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên hỏi về khu vực đi khất thực, nên hỏi về khu vực không thể đi khất thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên hỏi về chỗ tiêu, nên hỏi về chỗ tiểu, nên hỏi về (chỗ lấy) nước uống, nên hỏi về (chỗ lấy) nước rửa, nên hỏi về gậy để chống, nên hỏi về qui định của hội chúng: ‘Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?’

2. Nếu trú xá không có người, nên gõ vào cánh cửa lớn, chờ trong chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cánh cửa lớn ra, nên đứng bên ngoài nhìn vào bên trong. Nếu trú xá có rác bẩn hoặc là giường được chồng lên giường hoặc là ghế được chồng lên ghế và vật nằm ngồi được chất thành đống ở bên trên, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nền đem ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm ướt khăn chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét (nghĩ rằng): ‘Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.’ Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

3. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không

được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh.

Nếu nước uống không có, nên đem lại nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự của các tỳ khưu vắng lai, các tỳ khưu vắng lai nên thực hành như thế.”

2. PHẬN SỰ CỦA VỊ THƯỜNG TRÚ

4. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu thường trú khi thấy các tỳ khưu vắng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, không (đem đến) ghế kê chân, không (đem đến) tắm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, họ không rước y bát, không hỏi về nước uống, không hỏi về nước rửa, cũng không đánh lễ các tỳ khưu vắng lai thâm niên hơn, không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu thường trú khi thấy các tỳ khưu vắng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, –nt– không sắp xếp chỗ trú ngụ?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” –nt–

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu thường trú, các tỳ khưu thường trú nên thực hành như thế.

5. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thường trú khi thấy vị tỳ khưu vắng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem đến nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y bát, nên hỏi (dâng) nước uống. Nếu có nỗ lực, (vị thường trú) nên lau đôi dép

(của vị kia). Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau bằng miếng giẻ khô sau đó bằng miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nên đánh lễ vị tỳ khưu vắng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: ‘Chỗ trú ngụ này dành cho đại đức.’ Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khát thực, nên nói rõ về khu vực không nên đi khát thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về qui định của hội chúng: ‘Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.’

Nếu (vị vắng lai) là vị mới tu, vị (thường trú) vẫn ngồi nên nói rõ: ‘Để bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này.’ Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vị tỳ khưu vắng lai mới tu đánh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: ‘Chỗ trú ngụ này dành cho đại đức.’ Nên nói rõ (chỗ trú ngụ ấy) có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khát thực, nên nói rõ về khu vực nào không nên đi khát thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu Học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về (chỗ lấy) nước uống, nên nói rõ về (chỗ lấy) nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về qui định của hội chúng: ‘Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.’

Này các tỳ khưu, đây là phận sự của các tỳ khưu thường trú, các tỳ khưu thường trú nên thực hành như thế.”

3. PHẬN SỰ CỦA VỊ XUẤT HÀNH

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi. Các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói —nt— có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt—

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu xuất hành, các tỳ khưu xuất hành nên thực hành như thế.

7. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu xuất hành trước khi ra đi nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có tỳ khưu, nên thông báo cho vị sa di. Nếu không có sa di, nên thông báo cho người phụ việc chùa. Nếu không có người phụ việc chùa, nên thông

báo cho nam cư sĩ. Nếu tỳ khuru, hoặc sa di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi.

Nếu trú xá bị đột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): ‘Làm thế nào để trú xá có thể được lợp?’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa đột thì tại chỗ đó nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, rồi mới nên ra đi.

Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa đột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực (nghĩ rằng): ‘Làm thế nào để sàng tọa có thể được mang vào làng?’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đồng ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên, rồi mới nên ra đi (nghĩ rằng): ‘Có lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại.’

Này các tỳ khuru, đây là phận sự của các tỳ khuru xuất hành, các tỳ khuru xuất hành nên thực hành như thế.”

4. PHẬN SỰ TÙY HỖ

8. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực?” Các tỳ khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực.”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Vị nào sẽ nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực.”

Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Đại đức Sāriputta là trưởng lão của hội chúng. Các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cho phép vị tỳ khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực’ nên đã để đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ấy rồi đã đi về chỉ mỗi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với đại đức Sāriputta điều này: - “Này Sāriputta, chắc hẳn bữa thọ thực đã được tốt đẹp?” - “Bạch ngài, bữa thọ thực đã

được tốt đẹp. Tuy nhiên các tỳ khưu đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.”

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép bốn hay năm vị tỳ khưu trưởng lão hoặc kế tiếp vị trưởng lão chờ đợi ở chỗ thọ thực.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu trưởng lão nọ bị mắc tiêu đã chờ đợi ở chỗ thọ thực. Trong lúc không thể kiềm chế việc đại tiện, vị ấy bị ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vị tỳ khưu kế bên.”

5. PHẬN SỰ Ở CHỖ THỌ THỰC

9. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão, chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, –nt– lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở chỗ thọ thực cho các tỳ khưu, các tỳ khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế.

10. Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị (tỳ khưu) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn,¹ nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các tỳ khưu trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên –nt– với (thái độ) khéo thu thúc. Nên –nt– với mắt nhìn xuống. Không nên –nt– với thân bị vén hở ra. Không nên –nt– với tiếng cười vang. Nên –nt– với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên –nt– với sự đung đưa thân. Không nên –nt– với sự đung đưa cánh tay. Không nên –nt– với sự lắc lư đầu. Không nên –nt– với tay chống nạnh. Không nên –nt– với (đầu) được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Nên ngồi ở trong nhà với y được che kín đáo. Nên –nt– với (thái độ) khéo thu thúc. Nên –nt– với mắt nhìn xuống. Không nên –nt– với thân bị vén hở ra. Không nên –nt– với tiếng cười vang. Nên –nt– với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên –nt– với sự đung đưa thân. Không nên –nt– với sự đung đưa cánh tay. Không nên –nt– với sự lắc lư đầu. Không nên –nt– với tay chống nạnh. Không nên –nt– với (đầu) được trùm lại. Không nên –nt– với sự ôm đầu gối. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên

¹ Là vòng bụng ở lỗ rún và hai đầu gối. Xem điều học *sekhiya* thứ nhất (TTPV tập 02, trang 489; TTVN tập 02, trang 394).

xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Không nên trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong nhà.

11. Trong khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): ‘Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhằm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.’

Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): ‘Chớ làm các tỳ khuru xung quanh bị nước văng nhằm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.’

Trong khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho súp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị trưởng lão nên nói rằng: ‘Nên chia đều ra cho tất cả.’

Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với lượng súp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng (bình bát). Vị trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đầy đủ cơm.

Nên thọ dụng vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ dụng vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuần tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng súp tương xứng. Không nên vun lên thành đồng rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp súp hoặc

thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh không nên yêu cầu xúp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực.

12. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến. Không nên đưa trợn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng có vắt cơm. Không nên thọ thực theo lối đưa thức ăn vào miệng một cách liên tục. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Không nên thọ thực có làm tiếng chếp chếp. Không nên thọ thực có làm tiếng rột rột. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Không nên thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn.

Vị trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Trong khi được dâng nước, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa (nghĩ rằng): ‘Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các tỳ khuu xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm y hai lớp bị dính nước.’ Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống rồi tưới lên trên mặt đất (nghĩ rằng): ‘Chớ làm các tỳ khuu xung quanh bị nước văng nhảm, chớ làm

y hai lớp bị dính nước.’ Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.

Trong khi đi trở về, các tỳ khưu mới tu nên đi về trước tiên, sau đó là các vị trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên –nt– với (thái độ) khéo thu thúc. Nên –nt– với mắt nhìn xuống. Không nên –nt– với thân bị vén hở ra. Không nên –nt– với tiếng cười vang. Nên –nt– với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên –nt– với sự đung đưa thân. Không nên –nt– với sự đung đưa cánh tay. Không nên –nt– với sự lắc lư đầu. Không nên –nt– với tay chống nạnh. Không nên –nt– với (đầu) được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự ở chỗ thọ thực của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế.”

Tụng phẩm thứ nhất.

6. PHẬN SỰ CỦA VỊ ĐI KHẤT THỰC

1. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi khất thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và quay đi quá lẹ.

Còn có vị tỳ khưu đi khất thực nọ đã đi vào tư gia không suy xét trước. Và vị ấy trong khi nghĩ là cửa lớn rồi đã bước (lầm) vào hậu phòng nọ. Và ở trong hậu phòng ấy, có người đàn bà khóa thân đang nằm ngửa ra. Vị tỳ khưu ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): ‘Đây không phải là cửa lớn, đây là hậu phòng’ rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chồng của người đàn bà ấy đã nhìn thấy người đàn bà ấy khóa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy (nghĩ rằng): ‘Vợ của ta đã bị gã tỳ khưu này làm nhơ’ nên đã giữ vị tỳ khưu ấy lại và đánh đòn.

Khi ấy, người đàn bà ấy đã thức dậy vì tiếng động ấy và đã nói với người chồng ấy điều này: - “Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị tỳ khưu này vậy?”

- “Gã tỳ khưu này đã làm nhơ bà.”

- “Phu quân, thiếp không có bị vị tỳ khưu này làm nhơ. Vị tỳ khưu ấy không có làm.” Và đã bảo thả vị tỳ khưu ấy.

Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu

đi khất thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực, đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu, và quay đi quá lẹ?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói –nt– có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu đi khất thực, các tỳ khưu đi khất thực nên thực hành như thế.

2. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu đi khất thực (nghĩ rằng): ‘Bây giờ ta sẽ đi vào làng,’ thì nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên –nt– với (thái độ) khéo thu thúc. Nên –nt– với mắt nhìn xuống. Không nên –nt– với thân bị vén hở ra. Không nên –nt– với tiếng cười vang. Nên –nt– với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên –nt– với sự đung đưa thân. Không nên –nt– với sự đung đưa cánh tay. Không nên –nt– với sự lắc lư đầu. Không nên –nt– với tay chống nạnh. Không nên –nt– với (đầu) được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: ‘Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này.’ Không nên đi vào quá vội

vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: ‘(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?’ Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muống, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): ‘Dường như có ý định bố thí.’ Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực.¹

Nên suy xét rằng: ‘(Gia chủ) có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?’ Nếu (gia chủ) đụng đến cái muống, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): ‘Dường như có ý định bố thí.’ Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp.

3. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên –nt– với (thái độ) khéo thu thúc. Nên –nt– với mắt nhìn xuống. Không nên –nt– với thân bị vén hở ra. Không nên –nt– với tiếng cười vang. Nên –nt– với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên –nt– với sự đụng đưa thân. Không nên –nt– với sự đụng đưa cánh tay. Không nên –nt– với sự lắc lư đầu. Không nên –nt– với tay chống nạnh. Không nên –nt– với (đầu) được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Dầu là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt ở thời điểm của sự bố thí vật thực” (*VinA. vi*, 1285).

Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại. Nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn, thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật.

Vị ấy nên xếp chỗ ngồi lại. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi. Nên dọn dẹp nước uống, nước rửa. Nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy nên đổ nước vào. Nếu vị ấy không làm nổi, thì nên mời vị thứ hai lại với dấu hiệu bằng tay và nhờ phụ giúp với hành động bằng tay, và không vì lý do đó mà nói ra bằng lời.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự của các tỳ khưu đi khất thực, các tỳ khưu đi khất thực nên thực hành như thế.”

7. PHẬN SỰ CỦA VỊ NGỰ Ở RỪNG

4. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu cư ngụ ở trong rừng. Các vị ấy không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: - “Thưa ngài có nước uống không?”

- “Anh bạn à, không có.”
- “Thưa ngài, có nước rửa không?”
- “Anh bạn à, không có.”
- “Thưa ngài, có lửa không?”
- “Anh bạn à, không có.”
- “Thưa ngài, có vật tạo lửa không?”
- “Anh bạn à, không có.”
- “Thưa ngài, có các vị trí của những ngôi sao không?”
- “Anh bạn à, chúng tôi không biết.”
- “Thưa ngài, có phương hướng và khu vực không?”
- “Anh bạn à, chúng tôi không biết.”
- “Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì?”
- “Anh bạn à, chúng tôi không biết.”
- “Thưa ngài, hướng này là hướng gì?”
- “Anh bạn à, chúng tôi không biết.”

Khi ấy, bọn trộm cướp ấy (nghĩ rằng): ‘Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các tỳ khưu’ nên đã đánh đập rồi bỏ đi. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các vị tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự cho các tỳ khưu ở rừng, các tỳ khưu ở rừng nên thực hành như thế.

5. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu ngụ ở rừng sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, khoác y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa sổ, rồi rời chỗ trú ngụ (nghĩ rằng): ‘Bây giờ, ta sẽ đi vào làng.’ Nên tháo dép ra, để ở chỗ thấp, giữ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai, nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên – nt – với (thái độ) khéo thu thúc. Nên – nt – với mắt nhìn xuống. Không nên – nt – với thân bị vén hở ra. Không nên – nt – với tiếng cười vang. Nên – nt – với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên – nt – với sự đung đưa thân. Không nên – nt – với sự đung đưa cánh tay. Không nên – nt – với sự lắc lư đầu. Không nên – nt – với tay chống nạnh. Không nên – nt – với (đầu) được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: ‘Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này.’ Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: ‘(Gia chủ) có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?’ Nếu (gia chủ) ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muống, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): ‘Đường như có ý định bố thí.’ Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: ‘(Gia chủ) có ý muốn bố thí xúp hay không có ý muốn bố thí?’ Nếu (gia chủ) đụng đến cái muống, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại (nghĩ rằng): ‘Đường như có ý định bố thí.’ Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. –nt– Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

Sau khi đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuộn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, rồi đi về.

6. Này các tỳ khuu, vị tỳ khuu ngụ ở rừng nên dự trữ nước uống. Nên dự trữ nước rửa. Nên dự trữ lửa. Nên dự trữ vật tạo lửa. Nên dự trữ cây gậy để chống. Nên học về các vị trí của những ngôi sao toàn bộ hoặc một phần. Nên rành rẽ về các phương hướng. Này các tỳ khuu, đây là phận sự của các tỳ khuu ở rừng, các tỳ khuu ở rừng nên thực hành như thế.”

8. PHẬN SỰ Ở NƠI CƯ NGỰ

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khưu đang may y ở ngoài trời. Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị tỳ khưu đã bị lấm bụi. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng:

- “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ khưu bị lấm bụi?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên khiến các tỳ khưu bị lấm bụi, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.

8. Vị (tỳ khưu) cư ngụ trong trú xá nào, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một

góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét (nghĩ rằng): ‘Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.’ Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các tỳ khu. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các trú xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước uống. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió.

9. Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi

đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

10. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cống có rác bẩn, nên quét cống. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên lại đem nước uống. Nếu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi, không nên học bài, không nên giảng Pháp, không nên thắp đèn, không nên thối tắt đèn, không nên mở cửa sổ, không nên đóng cửa sổ. Nếu đi kinh hành cùng với vị thâm niên trên cùng một đường kinh hành, khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại và không nên va chạm vị thâm niên dù là bằng chéo y hai lớp.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.”

9. PHẬN SỰ Ở NHÀ TẮM HƠI

11. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi trong khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi xuống ở cửa ra vào. Các tỳ khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi trong khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi xuống ở cửa ra vào khiến các tỳ khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi trong khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào, và ngồi xuống ở cửa ra vào khiến các tỳ khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt – Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, ở trong nhà tắm hơi trong khi bị cản trở bởi các tỳ khưu trưởng lão, do không kính trọng không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa; vị nào đốt thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, không nên đóng cửa ra vào rồi ngồi xuống ở cửa ra vào; vị nào ngồi thì phạm tội *dukkata*.

12. Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở nhà tắm hơi cho các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.

Vị nào đi vào nhà tắm hơi trước tiên, nếu tro tích lũy nhiều (vị ấy) nên đem tro đi đổ. Nếu nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét nhà tắm hơi. Nếu bực nền xung quanh có rác bẩn, nên quét bực nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn nên quét căn phòng. Nếu cống có rác bẩn, nên quét cống. Nếu gian phòng lớn của nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét gian phòng lớn của nhà tắm hơi. Nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các tỳ khưu trưởng lão. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi ra khỏi nhà tắm hơi. Ở trong nước, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các tỳ khưu trưởng lão. Không nên tắm ở phía trước, không nên tắm ở phía trên các tỳ khưu trưởng lão. Vị đã tắm xong trong khi đi ra (khỏi nước) nên nhường đường cho vị đi xuống. Vị nào rời nhà tắm hơi cuối cùng, nếu nhà tắm hơi bị lầy lội nên rửa sạch, nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên dập tắt lửa, nên đóng cửa, rồi đi ra.

Nay các tỳ khưu, đây là phận sự ở nhà tắm hơi của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.”

10. PHẬN SỰ Ở NHÀ VỆ SINH

13. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ dòng dõi Bà-la-môn đại tiện xong không muốn rửa sạch (nghĩ rằng): “Ai lại đưng đến đồ hôi hám hạ tiện này?” Có con giun đũa đã dính ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu.

- “Này đại đức, có phải đại đức đại tiện xong mà không rửa sạch?”

- “Này các đại đức, đúng vậy.”

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khưu đại tiện xong lại không rửa sạch?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này tỳ khưu, nghe nói người đại tiện xong lại không rửa sạch, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” –nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, sau khi đại tiện xong nếu có nước không nên không rửa sạch; vị nào không rửa sạch thì phạm tội *dukkata*.”

14. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các tỳ khưu mới tu đi đến trước tiên bị mắc tiêu vẫn chờ đợi. Trong lúc kiềm chế việc đại tiện, các vị ấy bị ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói – nt– có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên; vị nào thực hành thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đến.”

15. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sẵn sùi, làm rơi khúc cây chùi vào hố phân, đi ra vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi ra, rửa ráy có làm tiếng chắt lưởi, chứa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, – nt– chứa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. – nt–

- “Này tỳ khưu, nghe nói – nt– có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” – nt– Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự ở nhà vệ sinh cho các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.

Vị đi đến nhà vệ sinh, đứng ở bên ngoài, nên tăng hăng. Vị ngồi bên trong cũng nên tăng hăng. Nên treo y lên sào treo y hoặc dây treo y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên vén y (nội) lên rồi đi vào. Khi đã đứng trên bệ nhà vệ sinh mới nên kéo y (nội) lên. Không nên đại tiện rặn thành tiếng. Không nên đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiểu. Không nên chùi với khúc cây chùi bị sẵn sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào hố phân. Khi còn đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên vén y (nội) lên rồi đi ra. Khi đã đứng ở sàn rửa mới nên vén y lên. Không nên rửa ráy có làm tiếng chắt lười. Không nên chứa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi còn đứng ở sàn rửa, nên che lại kín đáo. Nếu nhà vệ sinh bị dơ nên rửa sạch. Nếu thùng đựng đồ chùi bị đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn nên quét nhà vệ sinh. Nếu bụi nền xung quanh có rác bẩn nên quét bụi nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn nên quét căn phòng. Nếu cống có rác bẩn nên quét cống. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự ở nhà vệ sinh của các tỳ khưu, các tỳ khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.”

11. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY TẾ ĐỘ

16. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, –nt– các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy tế độ cho các người đệ tử, đối với các vị thầy tế độ các người đệ tử nên thực hành như thế.

Này các tỳ khưu, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng. Nên dâng nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn dầm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận, (người đệ tử) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được (vị thầy) hoán đổi.

Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): ‘Không nên để nếp

gấp ở phần chính giữa.’ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

17. Nếu có đồ ăn khát thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa), nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót.

Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vượt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuu trường lão rời ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong nên đi ra (khỏi nước) trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống.

18. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo, thì có thể hỏi đạo. Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi và tắm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tắm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các

hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lỗ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lỗ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét (nghĩ rằng): ‘Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.’ Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất) không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngòl và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia

vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại.

Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh.

Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

20. Nếu sự bức bối sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm

thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho thầy tế độ?’

Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại (hình phạt) ban đầu?’ Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt *mānatta*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho thầy tế độ?’ Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?’ Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể khởi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?’ Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hồi hành sự này?’

21. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?’ Nếu y của thầy tế độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?’ Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?’ Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?’ Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui

cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận, không nên mang đồ ăn khát thực lại dùm người khác, không nên nhờ người khác mang dùm đồ ăn khát thực lại.

Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy tế độ của các người đệ tử, các người đệ tử đối với các vị thầy tế độ nên thực hành như thế.”

12. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ

22. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử?”

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử, có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các người đệ tử cho các vị thầy tế độ, các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế.

Này các tỳ khưu, vị thầy tế độ nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Này các tỳ khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?’ Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?’ Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên

thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?’

23. Nếu người đệ tử bị bệnh, (vị thầy tế độ) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước (rửa), nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đầm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): ‘Đến lúc vị ấy sắp trở về,’ nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): ‘Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.’ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và người đệ tử có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía

dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót.

Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

24. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm. Nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong nên đi ra (khỏi nước) trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Ở trú xá nào người đệ tử

cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì (vị thầy) nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. —nt— Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu sự bức bối sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.

25. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho đệ tử?’ Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại (hình phạt) ban đầu?’ Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho đệ tử?’ Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?’

Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đối thành nhẹ hơn?’ Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào

để đệ tử có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hồi hành sự này?’

Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: ‘Người nên giặt như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của đệ tử được giặt?’ Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: ‘Người nên may như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của đệ tử được may?’ Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: ‘Người nên nấu như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?’ Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: ‘Người nên nhuộm như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?’ Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các người đệ tử của các vị thầy tế độ. Các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế.”

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

13. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY DẠY HỌC

26. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các người học trò lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” - nt - Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.

Này các tỳ khưu, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên

trao bình bát còn dầm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có vị Sa-môn hầu cận, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được (vị thầy) hoán đổi.

27. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lúi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): ‘Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.’ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

Nếu có đồ ăn khát thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa), nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (thầy dạy học) có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y, và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

28. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rời ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong nên đi ra (khỏi nước) trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo, thì có thể hỏi đạo.

Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tắm trải nằm ra

ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét (nghĩ rằng): ‘Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.’ Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

29. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi

nặng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây).

Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trái nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y.

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

30. Nếu sự bức bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho thầy dạy học?’

Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại (hình phạt) ban đầu?’ Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt *mānatta*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho thầy dạy học?’ Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?’ Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể khởi thực hiện hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi thành nhẹ hơn?’ Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hồi hành sự này?’

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y

của thầy dạy học được giặt?’ Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?’ Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?’ Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?’ Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại dùm người khác. Không nên nhờ người khác mang đồ ăn khất thực lại.

Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy dạy học của các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.”

14. PHẬN SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ

31. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò. Các tỳ khuu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phân nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò?” Sau đó, các vị tỳ khuu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuu lại và hỏi các tỳ khuu rằng: - “Này các tỳ khuu, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” - nt - Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuu rằng: - “Này các tỳ khuu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các người học trò cho các vị thầy dạy học, các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành như thế.

Này các tỳ khuu, vị thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Này các tỳ khuu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?’

Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?’

Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?’

32. Nếu người học trò bị bệnh, (vị thầy dạy học) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gối chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đầm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): ‘Đến lúc vị ấy sắp trở về,’ nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi).

Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): ‘Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.’ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

33. Nếu có đồ ăn khát thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng

trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phần gấp lại ở bên này, rồi treo y. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân.

Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (người học trò) có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi.

Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong nên đi ra (khỏi nước) trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi.

Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. –nt– Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

34. Nếu sự bức bối sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.

Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho học trò?’ Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể đưa học trò về lại (hình phạt) ban đầu?’ Nếu người học trò xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho học trò?’ Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?’

Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để hội chúng có thể khởi thực

hiện hành sự đối với học trò, hoặc đối thành nhẹ hơn?’ Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để học trò có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hời hành sự này?’

Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: ‘Người nên giặt như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của học trò được giặt?’ Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: ‘Người nên may như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của học trò được may?’ Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: ‘Người nên nấu như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?’

Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: ‘Người nên nhuộm như vậy,’ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ‘Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?’ Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. nên chờ đợi (đến khi) vị ấy có sự hồi phục.

Này các tỳ khưu, đây là phận sự đối với các người học trò của các vị thầy dạy học. Các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành như thế.”

Chương Phận Sự là thứ tám.

Trong chương này có năm mươi lăm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Có mang dép, và che dù, trùm đầu, đội y, nước uống, với sự không đánh lễ, không hỏi (về chỗ ngụ), con rắn, các vị hiền thiện phàn nàn.

2. Vị đã cởi (dép), (hạ) dù, ở vai, và không vội vã trong khi đi đến, đã đặt y và bát xuống, và (chỗ ngồi) thích hợp, (các việc) đã được hỏi.

3. Nên xối nước, với vị đã rửa, (lau) giày dép với khăn khô, rồi ướm, vị trưởng thượng, vị mới tu, nên hỏi, (phòng) đã có người ở, và khu vực đi khất thực.

4. Các vị Thánh Hữu Học, nhà tiêu, nước uống, nước rửa, cây gậy chống, điều qui định từ nơi ấy, giờ giấc, (chờ) trong chốc lát, rác bẩn, nên đem ra ngoài thăm trải nền.

5. Khung giường, nệm gối, giường, ghế, và ống nhổ, tấm ván kê, tấm màn che, các hộc kệ, màu đỏ, màu đen, (nền) không được thực hiện.

6. Rác, và tấm thăm trải nền, khung giường, giường và ghế, nệm gối, vật lót ngồi, ống nhổ, và tấm ván kê đầu.

7. Y và bình bát, và mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng đông, và từ hướng tây, từ hướng bắc, rồi từ hướng nam.

8. Và khi lạnh khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp, nhà đốt lửa, và phận sự ở các nhà vệ sinh.

9. Nước uống, nước rửa, và hũ nước cho các việc súc miệng, phận sự đã được bậc Vô Song quy định, các điều này (nên được thực hành) bởi các vị vắng lai.

10. Không chịu (sắp xếp) chỗ ngồi, không nước, không đón tiếp, và không nước uống, không đánh lễ, không sắp xếp (chỗ ngụ), và các vị hiền thiện phàn nàn.

11. Chỗ ngồi cho vị thâm niên, và nước rửa, sau khi đi ra đón tiếp, và nước uống, (nên lau) đôi dép, (phơi) ở một góc, nên đánh lễ và nên sắp xếp (chỗ ngụ).

12. Đã có người ở, khu vực đi khất thực, và vị Thánh Hữu Học, chỗ nước uống và nước rửa, cây gậy chống, điều quy định, giờ giấc, đối với vị mới tu, về vị vẫn ngồi.

13. Nên cho đánh lễ, nên chỉ rõ, tương tự như đường lối dưới đây, phận sự đã được vị Hướng Dẫn Đoàn Xe chỉ dạy, các điều này (nên được thực hành) bởi các vị thường trú.

14. Vị xuất hành, đồ gỗ, và các đồ đất nung, sau khi mở ra, không được thông báo, các vật bị mất, và không được bảo vệ, và các vị hiền thiện phàn nàn.

15. Sau khi thu xếp, sau khi đóng cửa, sau khi thông báo rồi nên ra đi, vị tỳ khưu, hoặc sa di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc cư sĩ.

16. Ở trên các hòn đá, và nên thu xếp thành đống, và nên đóng cửa, hoặc vị có nỗ lực, hoặc (thực hiện) sự nỗ lực, và tương tự y như thế ở chỗ không dột.

17. Toàn bộ đều bị dột, (nên mang) vào làng, và tương tự y như thế ở ngoài trời (nghĩ rằng): ‘Có lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại,’ phận sự (nên được thực hành) bởi vị tỳ khưu xuất hành.

18. Các vị không nói lời tùy hỷ, bởi vị trưởng lão, sau khi để ở lại, với bốn hay năm vị, bị mắc tiêu, đã bị ngắt xỉu, các điều này là các phận sự trong các việc nói lời tùy hỷ.

19. Các vị nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, và lại còn trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách, và sau khi tách ra, chen vào (chỗ) các vị trưởng lão.

20. Và (đuổi) các vị mới tu, (trải ra) y hai lớp, và các vị hiền thiện phàn nàn, sau khi quấn che ba vòng tròn, dây thắt lưng, với nếp gấp, dây buộc.

21. Không tách ra, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh (giọng nói), và còn thêm ba sự đưng đưa.

22. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, tiếng cười vang, giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đưng đưa.

23. Chống nạnh, trùm đầu, ôm đầu gối, việc chen vào, ở chỗ ngồi, sau khi trải ra, nước, sau khi hạ thấp xuống, không nên làm văng nước.

24. Vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, và khi (được dâng) cơm, nên thọ lãnh, súp, với thức ăn ngon, cho tất cả, và ngang miệng (bát).

25. Nghiêm trang, và có sự chú tâm ở bình bát, và theo tuần tự, với lượng súp, không vun thành đống, che lấp, yêu cầu, với ý định tìm lỗi.

26. (Vắt cơm) lớn, tròn đều, cửa miệng, trợn bàn tay, không nói chuyện, đưa thức ăn liên tục, việc cắn (từng chút), phồng má, vung rảy tay, sự làm rơi đồ cơm.

27. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chếp chếp, và với tiếng rột rột, liếm tay, vết bình bát, liếm môi, có dính thức ăn, về việc thọ lãnh.

28. Không (thọ nhận) nước rửa cho đến khi tất cả (đã ăn xong), sau khi hạ thấp, không nên làm văng, vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, sau khi hạ thấp, và ở mặt đất.

29. (Nước) có lẫn cơm, trong khi đi trở về, được che kín đáo, sự nhón gót, đây là phận sự ở nhà ăn đã được quy định bởi bậc Pháp Vương.

30. Mặc y phục luộm thuộm, không đúng quy cách, sau khi không suy xét, và vội vã, xa, gần, lâu, mau, tương tự y như thế là vị đi khất thực.

31. Với sự che kín rồi nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh (giọng nói), và còn thêm ba sự đung đưa.

32. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sau khi không suy xét, và vội vã, xa, gần, lâu, mau, sự đứng đến, cái muống.

33. Hoặc cái đĩa, và thỉnh đứng lại, sau khi vén y lên, sau khi mở ra, nên thọ lãnh, không nên nhìn, về các món xúp, điều ấy cũng tương tự y như thế.

34. Vị tỳ khu, nên che đầy bằng y saṅghāṭi, được che kín rồi mới nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, và tiếng cười vang.

35. Với giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đứng đưa, chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, (về) trước tiên, chỗ ngồi, chậu đựng đồ thừa, nước uống, nước rửa, (vị) về sau, (nếu) muốn, có thể ăn, có thể đổ xuống, nên xếp lại cất đi.

36. Có thể dọn dẹp, nên quét, hết nước, trông trơn, nên đem (nước) lại, về dấu hiệu bằng tay, (không) nên nói ra lời, và phận sự về việc khát thực.

37. Nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa, sao, phương hướng, và bọn trộm cướp, ‘tất cả đều không có,’ sau khi đánh đập, vai mang bình bát, y, từ nơi ấy.

38. Giờ đây, sau khi mang ở vai, đều đặn ba vòng tròn, giống như phận sự của vị đi khát thực, phương thức cho các vị sống ở rừng cũng thế.

39. Vai mang bình bát, y (đội) ở đầu, sau khi mang (dép) vào, và nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa, và luôn cả gậy chống.

40. Ngôi sao, hoặc toàn bộ khu vực, nên rành rẽ về các phương hướng, các điều này là phận sự cho các vị ngụ ở rừng đã được quy định bởi bậc Tối Thượng của Chúng Sanh.

41. Ở ngoài trời, các vị đã bị lấm bụi, và các vị hiền thiện phàn nàn, nếu trú xá có rác bẩn, trước tiên là y và bình bát.

42. Nệm gối, giường, ghế, và ống nhổ, tấm ván kê đầu, lỗ thông gió và các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen, và (nền) chưa được thực hiện.

43. Rác rưởi, gần các vị tỳ khưu, (gần) sàng tọa, (gần) trú xá và nước uống, gần nước rửa, ngược chiều gió, và ở mái hiên.

44. Phía dưới gió, thảm trải nền, khung giường, và giường, ghế, nệm, vật lót gối, ống nhổ, và tấm ván kê đầu.

45. Y và bình bát, và mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng đông, và từ hướng tây, từ hướng bắc, rồi từ hướng nam.

46. Và khi lạnh khi nóng, ban ngày, ban đêm, và căn phòng, cổng ra vào, và phòng hội họp, nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, và nước uống.

47. Hũ nước súc miệng, và vị thâm niên, việc đọc tụng, các câu hỏi, việc học bài, (việc giảng) Pháp, nên thôi tắt ngọn đèn, không nên mở ra, cũng không nên đóng lại.

48. Khi đôi đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại, không nên va chạm dù là bằng chéo y, đấng Đại Hùng đã quy định điều ấy là phận sự ở các nơi cư ngụ.

49. Các vị trong khi bị cản trở, (đóng) cửa ra vào, đã bị ngắt xiu, các vị hiền thiện phân nân, nên đốt tro, nhà tắm hơi, và bực nền xung quanh tương tự y như thế.

50. Căn phòng, công, gian phòng lớn, bột tắm, đất sét, máng nước, khuôn mặt, ở phía trước, không (chen vào) các vị trưởng lão, không nên (xua đuổi) các vị mới tu, nếu có nỗ lực.

51. (Tắm) ở phía trước, ở phía trên, đường đi, bị lây lội, (máng) đất sét, ghế ngồi, sau khi tắt lửa, nên đi ra, các điều này là phận sự ở các nhà tắm hơi.

52. Vị không rửa sạch, theo thâm niên, theo thứ tự, và với sự vội vã, đã vén y lên, việc rặn, gõ (chà răng), việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nhổ.

53. Bị sờn sùi, hổ phân, với sự vội vã, đã vén y lên, tiếng chếp chếp, với (nước) chứa lại, vị ở bên ngoài, và ở bên trong, nên tăng hăng, giây phơi, và sự không hấp tấp.

54. Với sự vội vã, sau khi vén y lên, về việc rặn, gõ (chà răng), việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nhổ, (khúc cây chùi) bị sờn sùi, hổ phân, bệ nhà vệ sinh.

55. Với sự không vội vã, đã vén y lên, ở sàn rửa, tiếng chếp chếp, không nên chứa lại (nước), nên che kín, bị dơ, với thùng đựng.

56. Nhà vệ sinh, bục nền xung quanh, và căn phòng, công, và nước để rửa ráy, các điều này là phận sự ở nhà vệ sinh.

57. Đôi dép, gỗ chà răng, và nước súc miệng, chỗ ngồi, cháo, nước, sau khi rửa, nên thu xếp, rác bẩn, và vào làng.

58. Y lót trong, dây thắt lưng, có nếp gấp, bình bát còn dẫm nước, vị thị giả, và luôn cả ba vòng, (mặc y nội) tròn đều, dây thắt lưng.

59. Có nếp gấp, sau khi rửa, vị (Sa-môn) hầu cận, không quá xa, nên nhận lấy, khi đang nói, tội vi phạm, sau khi đi về trước tiên, chỗ ngồi.

60. Nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sau khi đi ra đón, y lót trong, nên phơi nắng, để luôn, vết gấp, ở phần đã gấp lại, để thọ thực, nên đem lại.

61. Nước uống, nước rửa, chỗ thấp, trong chốc lát, và không nên để luôn, y và bình bát, và mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này.

62. Nên thu xếp, và nên dọn dẹp, rác bẩn, và (có ý muốn) tắm, (nước) lạnh, (nước) nóng, nhà tắm hơi, bột tắm, đất sét, từ phía sau lưng.

63. Và ghế ngồi, y, bột tắm, đất sét, nếu có nỗ lực, khuôn mặt, phía trước, (chen vào) các vị trưởng lão, và (xua đuổi) các vị mới tu, và việc kỳ cọ, nên rời khỏi.

64. Ở phía trước, lúc ở trong nước, khi đã tắm, sau khi quần y lại, (lau khô) thầy tế độ, và y lót trong, y hai lớp, ghế (nhà tắm hơi), và với chỗ ngồi.

65. Nước rửa chân, ghế kê chân, giẻ lau chân, nước uống, việc đọc tụng, việc hỏi đạo, rác bẩn, nên khéo làm sạch sẽ, trước tiên là y và bình bát.

66. Vật lót ngồi, tấm trải nằm, nệm và các gối, giường, ghế, khung giường, ống nhổ, và tấm ván kê đầu.

67. (Tấm trải) nền nhà, mạng nhện, lỗ thông gió, màu đỏ, màu đen, không được thực hiện, tấm trải nền, khung giường, giường, ghế, gối.

68. Vật lót ngồi và tấm trải nằm, ống nhổ, tấm ván kê đầu, y và bình bát, từ hướng đông, và luôn cả từ hướng tây, từ hướng bắc, rồi từ hướng nam.

69. Và khi lạnh khi nóng, ban ngày, ban đêm, và căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp, và nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống, nước rửa.

70. Việc súc miệng, sự bực bội, nổi nghi hoặc, tà kiến, và tội nặng, từ đâu, hình phạt mànatta, việc giải tội, (hành sự) khiển trách, chỉ dạy.

71. (Hành sự) xua đuổi, hòa giải, và treo tội, nếu đã được thực hiện, nên giặt, nên thể hiện, và việc nhuộm, nên nhuộm, việc trộn đều.

72. Và bình bát, và luôn cả y nữa, và vật dụng, việc cạo (tóc), việc kỳ cọ, việc hầu hạ, Sa-môn hầu cận, đồ khất thực, sự đi vào.

73. Không mộ địa, và luôn cả hướng (khác), cho đến trọn đời nên phục vụ, việc này (nên được thực hành)

bởi người đệ tử, các điều này là phận sự đối với các vị thầy tế độ.

74. Sự giáo huấn, giảng dạy, đọc tụng, vấn hỏi, bình bát, và y, vật dụng, và vị bị bệnh, không nên là vị Sa-môn hầu cận.

75. Các phận sự nào đối với các vị thầy tế độ thì cũng như vậy đối với các vị thầy dạy học, các phận sự đối với các người đệ tử thì tương tự y như thế đối với người học trò.

76. Các phận sự dành cho các vị vắng lai, và dành cho các vị thường trú nữa, các vị xuất hành, các vị nói lời tùy hỷ ở nơi thọ thực, và về vị đi khất thực.

77. Phận sự dành cho các vị ngụ ở rừng, và luôn cả ở các nơi cư ngụ, ở nhà tắm hơi, các nhà vệ sinh, các vị thầy tế độ, đối với người đệ tử.

78. Phận sự đối với các vị thầy dạy học, tương tự y như thế đối với người học trò, có mười chín sự việc đã được nói đến ở mười sáu phần.

79. Trong khi không làm tròn phận sự thì không đầy đủ về giới, vị có giới không trong sạch, có tuệ kém, không có được nhất tâm.

80. Với tâm bị xáo trộn, không trụ một điểm, không nhìn thấy Pháp một cách đúng đắn, trong khi không nhìn thấy Chánh Pháp, không hoàn toàn thoát khỏi khổ đau.

81. Trong khi làm đầy đủ phận sự, thì cũng làm đầy đủ về giới, là vị có giới thanh tịnh, có tuệ, đạt được luôn cả nhất tâm.

82. Tâm không bị xáo trộn, trụ một điểm, nhìn thấy rõ Pháp một cách đúng đắn, trong khi bản thân nhìn thấy Chánh Pháp, vị ấy hoàn toàn thoát khỏi khổ đau.

83. Chính vì điều ấy, người con trai sáng suốt của đấng Chiến Thắng, nên làm đầy đủ phận sự, lời giáo huấn của đức Phật tối thượng, từ đó hãy đi đến Niết Bàn.”

--ooOoo--

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ
GIỚI BỐN *PĀTIMOKKHA*
TỤNG PHẨM THỨ NHẤT:
THỈNH CẦU TUYÊN ĐỌC GIỚI BỐN
PĀTIMOKKHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatti, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của người mẹ của Migāra.¹ Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày *Uposatha*, đức Thế Tôn đang khò, được vây quanh bởi hội chúng tỳ khưu.

Khi ấy, lúc đêm đã khuya canh một đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đêm đã khuya canh một đã tàn, hội chúng tỳ khưu ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu.” Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya canh giữa đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng tỳ khưu ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu.” Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng.

¹ Tòa nhà này được xây dựng bởi mẹ của Migāra, tức là nữ cư sĩ Visākhā (ND).

Đến lần thứ ba, lúc đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng tỳ khưu ngồi đã lâu. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ khưu.”

- “Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh.”

2. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: “Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vậy: ‘Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh’?” Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng tỳ khưu. Đại đức Mahāmoggallāna quả nhiên đã thấy được nhân vật ấy, là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng tỳ khưu.

Sau khi nhìn thấy đã đi đến gần nhân vật ấy, sau khi đến gần đã nói với nhân vật ấy điều này: - “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Người đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Người không được cộng trú với các tỳ khưu.” Được nói như vậy, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: - “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Người đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Người không được cộng trú với các tỳ khưu.” Đến lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng.

Đến lần thứ ba, đại đức Mahāmogallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: - “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Người đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Người không được cộng trú với các tỳ khưu.” Đến lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng.

Khi ấy, đại đức Mahāmogallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, nhân vật ấy đã bị con đẩy ra ngoài rồi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn Pātimokkha cho các tỳ khưu.”

- “Này Moggallāna, thật kỳ lạ thay! Này Moggallāna thật khác thường thay! Gã rồ dại ấy lại chờ cho đến lúc bị nắm lấy cánh tay.”

TÁM PHÁP KỲ DIỆU VỀ BIỂN CẢ

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả. Tám pháp ấy là gì?

Này các tỳ khưu, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Này các tỳ khưu, sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Này các tỳ khưu, sự việc biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Này các tỳ khưu, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba về biển cả, – nt –

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến

tên gọi là ‘Biển cả.’ Đây các tỳ khưu, sự việc các con sông lớn như là Gaṅgā, – nt – và đi đến tên gọi là ‘Biển cả,’ đây các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư về biển cả, – nt –

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui hay đầy. Đây các tỳ khưu, sự việc có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui hay đầy, đây các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm về biển cả, – nt –

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, biển cả có một vị là vị của muối. Đây các tỳ khưu, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối, đây các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu về biển cả, – nt –

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý. Ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo. Đây các tỳ khưu, sự việc biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy – nt – đây các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy về biển cả, – nt –

Này các tỳ khưu, còn có điều này nữa, biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. Ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần. Đây các

tỳ khuừ, sự việc biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, –nt– Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, –nt– những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần, này các tỳ khuừ, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Này các tỳ khuừ, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

4. Này các tỳ khuừ, tương tự như thế trong Pháp và Luật này có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các tỳ khuừ thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám pháp ấy là gì?

Này các tỳ khuừ, cũng giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các tỳ khuừ, tương tự như thế trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Này các tỳ khuừ, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác, này các tỳ khuừ, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuừ thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Này các tỳ khuừ, cũng giống như biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các tỳ khuừ, tương tự như thế điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử của ta, các đệ tử của ta không vượt qua điều học ấy dù là

nguyên nhân mạng sống. Nay các tỳ khưu, sự việc điều học nào đã được ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống, nay các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì trong Pháp và Luật này, – nt –

Nay các tỳ khưu, cũng giống như biển cả không sống chung với xác chết nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, nay các tỳ khưu, tương tự như thế nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, hội chúng không sống chung với kẻ ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Nay các tỳ khưu, sự việc nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, – nt – hội chúng không sống chung với nhân vật ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng tỳ khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy, nay các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, – nt –

Nay các tỳ khưu, cũng giống như các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravati, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Biển cả,’ nay các tỳ khưu, tương tự như thế bốn loại giai cấp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn, và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Các Sa-môn Thích tử.’ Nay các tỳ khưu, sự việc bốn loại giai cấp này là vua chúa, – nt – và đi đến tên gọi là ‘Các Sa-môn Thích tử,’

này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, – nt –

Này các tỳ khưu, cũng giống như các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vui hay đây, này các tỳ khưu, tương tự như thế cho dù nhiều vị tỳ khưu Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui hay đây. Này các tỳ khưu, sự việc cho dù nhiều vị tỳ khưu Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là vui hay đây, này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, – nt –

Này các tỳ khưu, cũng giống như biển cả có một vị là vị của muối, này các tỳ khưu, tương tự như thế Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát. Này các tỳ khưu, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát, này các tỳ khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, – nt –

Này các tỳ khưu, cũng giống như biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo, này các tỳ khưu, tương tự y như thế Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành.

Này các tỳ khưu, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn

sự thiết lập niệ, –nt– này các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, –nt–

Này các tỳ khuru, cũng giống như biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần. Này các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất Lai, vị Bất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất Lai, vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Này các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, –nt– này các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Này các tỳ khuru đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.”

Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Nước mưa bị văng lại ở vật đã khéo được che đậy, nước mưa không bị văng lại ở vật đã được mở ra. Vì

thế, hãy mở ra vật đã được che đây, như vậy ở vật ấy nước mưa không bị văng lại.”

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, giờ đây kể từ nay về sau ta sẽ không tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ không tuyên đọc giới bốn. Này các tỳ khưu, giờ đây kể từ nay về sau, chính các người có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tụng đọc giới bốn *Pātimokkha*. Này các tỳ khưu, sự việc này không hợp lý không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* ở hội chúng không thanh tịnh. Và này các tỳ khưu, vị phạm tội không nên nghe giới bốn *Pātimokkha*; vị nào nghe thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, vị nào phạm tội mà lắng nghe giới bốn *Pātimokkha*, ta cho phép đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy.

Và này các tỳ khưu, nên đình chỉ như vậy: Vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) là vị phạm tội, tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Giới bốn *Pātimokkha* đã được đình chỉ.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn *Pātimokkha* (nghĩ rằng): ‘Không ai biết về chúng ta!’ Các tỳ khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các tỳ khưu rằng: - “Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tên (như vậy) và tên (như vậy) chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn *Pātimokkha* (nghĩ rằng): ‘Không ai biết về chúng ta!’” Các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nghe rằng: “Nghe nói các tỳ khưu trưởng lão biết được

tâm của người khác nên báo cho các tỳ khưu về chúng ta rằng: ‘Này các đại đức, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tên (như vậy) và tên (như vậy) chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe giới bốn Pātimokkha (nghĩ rằng): ‘Không ai biết về chúng ta!’” Các vị ấy (nghĩ rằng): ‘Trước hết, các tỳ khưu trong sạch sẽ đình chỉ giới bốn Pātimokkha của chúng ta’ nên ra tay trước đình chỉ giới bốn Pātimokkha của các tỳ khưu trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân.

Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đình chỉ giới bốn Pātimokkha của các tỳ khưu trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư đình chỉ giới bốn Pātimokkha của các tỳ khưu trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”
— nt —

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên đình chỉ giới bốn Pātimokkha của các tỳ khưu trong sạch không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata*.

6. Này các tỳ khưu, một sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp, một sự đúng Pháp.

Hai sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha sai Pháp, hai sự đúng Pháp.

Ba sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, ba sự đúng Pháp.

Bốn sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, bốn sự đúng Pháp.

Năm sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, năm sự đúng Pháp.

Sáu sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, sáu sự đúng Pháp.

Bảy sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, bảy sự đúng Pháp.

Tám sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, tám sự đúng Pháp.

Chín sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, chín sự đúng Pháp.

Mười sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp, mười sự đúng Pháp.

7. Thế nào là một sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Đây là một sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là một sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ. Đây là một sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là hai sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có

nguyên có. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên có, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên có. Đây là hai sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên có, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên có. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên có, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên có. Đây là ba sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới không có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về tri kiến không có nguyên có, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng không có nguyên có. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên có, –nt– với sự hư hỏng về nuôi mạng có nguyên có. Đây là bốn sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là năm sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với tội *pārājika* không có nguyên cớ, –nt– với tội *saṅghādisesa* không có nguyên cớ, –nt– với tội *pācittiya* không có nguyên cớ, –nt– với tội *pāṭidesanīya* không có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với tội *dukkata* không có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là năm sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với tội *pārājika* có nguyên cớ, –nt– với tội *saṅghādisesa* có nguyên cớ, –nt– với tội *pācittiya* có nguyên cớ, –nt– với tội *pāṭidesanīya* có nguyên cớ, –nt– với tội *dukkata* có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là sáu sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là sáu sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *pārājika* không có nguyên cớ, ... với tội *saṅghādisesa* không có nguyên cớ, ... với tội *thullaccaya* không có nguyên cớ, ... với tội *pācittiya* không có nguyên cớ, ... với tội *pāṭidesanīya* không có nguyên cớ, ... với tội *dukkata* không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *dubbhāsita* không có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *pārājika* có nguyên cớ, ... với tội *saṅghādisesa* có nguyên cớ, ... với tội *thullaccaya* có nguyên cớ, ... với tội *pācittiya* có nguyên cớ, ... với tội *pāṭidesanīya* có nguyên cớ, ... với tội *dukkata* có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với tội *dubbhāsita* có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm không có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ... với sự

hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là chín sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm không có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là chín sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, vị đình chi giới bốn *Pātimokkha* với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chi giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp? Vị phạm tội *pārājika* không ngồi ở tập thể đó, sự thảo luận về tội *pārājika* chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ sự học tập không ngồi ở tập thể đó, sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập chưa được dứt điểm, vị phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, vị không bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp chưa được dứt điểm, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị không bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* sai Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp? Vị phạm tội *pārājika* ngồi ở tập thể đó, sự thảo luận về tội *pārājika* đã được dứt điểm, vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó, sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập đã được dứt điểm, vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp đã được dứt điểm, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.

8. Thế nào là vị phạm tội *pārājika* ngồi ở tập thể đó? Đây các tỳ khưu, ở đây sự phạm tội *pārājika* là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang phạm tội *pārājika* với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang phạm tội *pārājika* nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã phạm tội *pārājika*!’

Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu đang phạm tội *pārājika* và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã phạm tội *pārājika*!’ nhưng chính vị tỳ khưu (phạm tội) ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, tôi đã phạm tội *pārājika*!’

Này các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) đã phạm tội *pārājika*, tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

Khi giới bốn *Pātimokkha* của vị tỳ khưu đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì Phạm hạnh, này các tỳ khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị tỳ khưu (nguyên cáo) nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội *pārājika* của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này.’

Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được, thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội *pārājika* của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’

Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

9. Thế nào là vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó? Đây các tỳ khưu, ở đây sự học tập được vị tỳ khưu xả bỏ do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang xả bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang xả bỏ sự học tập nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập!’ Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang xả bỏ sự học tập và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập!’ nhưng chính vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, tôi đã xả bỏ sự học tập!’ này các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) đã xả bỏ sự học tập, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

Khi giới bốn Pātimokkha của vị tỳ khưu đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, – nt – hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh, này các tỳ khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị tỳ khưu (nguyên cáo) nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc này.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được, thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

10. Thế nào là vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp? Này các tỳ khưu, ở đây việc không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp của vị tỳ khưu là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, thì vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với

những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!’

Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!’ nhưng chính vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, tôi không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!’ này các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

Thế nào là vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp? Này các tỳ khưu, ở đây việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!’ Cho dù vị tỳ

khưu không nhìn thấy vị tỳ khuư (khác) đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị tỳ khuư khác (thứ ba) nói với vị tỳ khuư rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khuư tên (như vậy) bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!’ nhưng chính vị tỳ khuư ấy đã nói với vị tỳ khuư rằng: ‘Này đại đức, tôi bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!’ Này các tỳ khuư, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khuư nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp.

Khi giới bốn *Pātimokkha* của vị tỳ khuư đã bị đình chỉ, (nếu) tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm là sự nguy hiểm từ đức vua, – nt – hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các tỳ khuư, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị tỳ khuư (nguyên cáo) nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy.’

Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được, thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự

thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên (như vậy) chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chi giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chi giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

11. Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới? Đây các tỳ khưu, ở đây vị tỳ khưu là bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!’ Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!’ nhưng chính vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới!’

Này các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới, tôi đình chi giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên

tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

12. Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Đây các tỳ khưu, ở đây vị tỳ khưu là bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!’ Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!’ nhưng chính vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Đây đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!’

Này các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị ấy, giới bốn Pātimokkha không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha là đúng Pháp.

13. Thế nào là vị bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến? Nay các tỳ khưu, ở đây vị tỳ khưu bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị tỳ khưu nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!’ Cho dù vị tỳ khưu không nhìn thấy vị tỳ khưu (khác) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vị tỳ khưu khác (thứ ba) nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, vị tỳ khưu tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!’ nhưng chính vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, tôi bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!’

Nay các tỳ khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị tỳ khưu nếu muốn thì vào ngày *Uposatha* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) bị thấy bị nghe bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến, tôi đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* của vị ấy, giới bốn *Pātimokkha* không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* là đúng Pháp. Đây là mười sự đình chỉ giới bốn *Pātimokkha* đúng Pháp.”

Tụng phẩm thứ nhất.

14. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có bao nhiêu yếu tố?”

- “Này Upāli, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có năm yếu tố: Này Upāli, vị tỳ khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên quán xét như sau: ‘Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng (thời điểm)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm.’ Này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải sái thời điểm,’ này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đúng dẫn hay không (đúng dẫn)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng dẫn,’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này là đúng dẫn, không phải sai trái,’ này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này có đem lại sự lợi ích hay không (đem lại sự lợi ích)?’ Này Upāli, nếu

vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Việc đích thân khởi tố này đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích;’ này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp theo đúng Luật hay sẽ không (đạt được)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp theo đúng Luật;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các tỳ khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật;’ này Upāli, vị tỳ khưu ấy nên quán xét thêm rằng: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không (xảy ra)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, –nt– việc làm khác biệt trong hội chúng;’ này Upāli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này Upāli nếu vị tỳ khưu trong lúc quán xét nhận biết như vậy: ‘Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, –nt– việc làm khác biệt trong hội chúng;’ này Upāli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upāli, việc đích thân khởi tố có năm yếu tố như thế được áp dụng sẽ không đem lại sự ân hận sau này.”

15. “Bạch ngài, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét bản thân bao nhiêu pháp rồi mới nên khiến trách vị khác?”

- “Này Upāli, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp rồi mới nên khiến trách vị khác. Này Upāli, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không có sở hành về thân trong sạch, không thành tựu sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến thân;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không có sở hành về khẩu trong sạch, không thành tựu sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên rèn luyện điều

liên quan đến khẩu;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét như vậy: ‘Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu tâm từ của vị tỳ khưu là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu khiến trách có ý muốn khiến trách vị khác nên quán xét như vậy: ‘Ta có phải là vị nghe nhiều, nắm giữ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe? Các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu vị tỳ khưu không phải là vị nghe nhiều, không phải là vị nắm giữ điều đã nghe, không tích lũy điều đã nghe. Những Pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên học tập kinh điển;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, còn có trường hợp khác nữa, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vậy: ‘Hai bộ giới bốn *Pātimokkha* có được truyền lại đến ta một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không (được tìm thấy)?’ Này Upāli, nếu hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không được truyền lại đến vị tỳ khưu một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ, khi được hỏi như vậy: ‘Này đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở đâu?’ mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: ‘Này, đến lúc đại đức nên học tập về Luật;’ có những người nói với vị này như thế.

Này Upāli, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.”

16. - “Bạch ngài, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?”

- “Này Upāli, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác: ‘Ta sẽ nói hợp thời, không phải sai thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận.’ Này Upāli, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.”

- “Bạch ngài, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiến trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?”

- “Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiến trách không đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): ‘Đại đức khiến trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiến trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiến trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiến trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiến trách với nội tâm có sân hận, không phải với tâm từ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài.’” Này Upāli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiến trách không đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì không có vị tỳ khưu nào khác có thể nghĩ đến là nên khiến trách với việc sai trái như thế.”

18. - “Bạch ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiến trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?”

- “Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiến trách không đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): ‘Đại đức bị khiến trách sai thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiến trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ

để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi tâm từ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.’ Nay Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này.”

19. - “Bạch ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?”

- “Này Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): ‘Đại đức khiển trách hợp thời, không sai thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.’ Nay Upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị tỳ khưu khác sẽ nghĩ đến nên khiển trách với sự thật như thế.”

20. - “Bạch ngài, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?”

- “Này Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): ‘Đại đức bị khiển trách hợp thời, không

sái thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài.’ Đây Upāli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị tỳ khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này.

21. - “Bạch ngài, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?”

- “Đây Upāli, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác: ‘Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật.’ Đây Upāli, vị tỳ khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác.”

- “Bạch ngài, vị tỳ khưu bị khiển trách nên an trú trong bao nhiêu pháp?”

- “Đây Upāli, vị tỳ khưu bị khiển trách nên an trú trong hai pháp: chân thật và không nổi giận.”

Tụng phẩm thứ nhì.

Chương Đình Chi Giới Bốn Pātimokkha là thứ chín.

Trong chương này có ba mươi sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ngày lễ *Uposatha*, cho đến lần thứ ba vị ác tỳ khưu đã không đi ra, nhờ vị *Moggallāna*, đã bị lôi ra, điều kỳ diệu về Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng.

2. Độ sâu, và sự học tập theo thứ lớp, có pháp ổn định, không vượt qua (điều học), xác chết, hội chúng loại trừ, và các dòng sông, từ bỏ (giai cấp).

3. Các dòng nước trôi chảy, các bậc Vô Dư Niết Bàn, và một vị là giải thoát, có nhiều (vật quý), Pháp và Luật cũng vậy, các chúng sanh (to lớn) và tám hạng Thánh Nhân.

4. Sau khi dùng biện cả làm ví dụ, Ngài đã phô bày đặc điểm về Giáo Pháp, vào ngày *Uposatha*, giới bốn *Pātimokkha*, 'không ai biết về chúng ta!'

5. Họ ra tay (đình chi) trước, các vị phê phán, một, hai, ba, bốn, năm, sáu, và bảy, tám, và chín, và mười trường hợp (đình chi) này.

6. Về bốn phần là giới, hạnh kiểm, tri kiến, và nuôi mạng, các tội *pārājika*, và tội *saṅghādisesa*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, —

7. —(và) tội *dukkata* là thuộc về năm phần, và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, chưa làm và đã làm, là thuộc về sáu phần theo như đường lối.

8. Các tội *pārājika*, và tội *saṅghādisesa*, và tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, luôn cả tội *dukkata*, và tội *dubbhāsita*.

9. Sự hư về hồng giới, hạnh kiểm, và sự hư hồng về tri kiến, nuôi mạng, và các điều ấy là tám trong trường hợp đã làm và chưa làm. Với giới, hạnh kiểm, và tri kiến ấy, các điều này –

10. – trong trường hợp chưa làm, cũng như đã làm, và luôn cả đã làm và chưa làm, như vậy là chín cách đã được nói đến, đúng với sự thật, theo phương pháp.

11. Vị phạm tội pārajika, chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ (sự học tập), và tương tự y như thế, vị phục tùng, vị bác bỏ, và sự thảo luận về việc bác bỏ ấy.

12. Và sự hư hồng về giới, hạnh kiểm, giống như với sự hư hồng về tri kiến do đã bị thấy bị nghe bị nghi ngờ, là mười trường hợp, nên biết rõ điều ấy.

13. Vị tỳ khưu thấy rõ vị tỳ khưu, hay là vị khác đã nói điều ấy, và vị trong sạch khai báo đến vị ấy, vị ấy đình chỉ giới bốn Pātimokkha.

14. (Hội chúng) giải tán vì nguy hiểm: từ đức vua, trộm cướp, hỏa hoạn, nước ngập, loài người, phi nhân, và thú dữ, rắn, mạng sống, Phạm hạnh.

15. Chỉ với một (sự nguy hiểm) nào đó của mười, và tại trú xứ ấy hoặc tại các trú xứ nào khác, đúng Pháp và luôn cả sai Pháp, nên biết theo đường lối như thế ấy.

16. (Năm yếu tố nên hành xử) là đúng thời điểm, đúng chỗ, đem lại sự lợi ích, ta sẽ đạt được, sẽ xảy ra (hay không?), (nên quán xét sở hành) về thân, về khẩu, tâm từ, sự học nhiều, hai bộ giới bốn.

17. Nên khiến trách hợp thời, với sự thật, với sự mềm mỏng, có lợi ích, với tâm từ, có sự ân hận và không đúng Pháp, nên xua đi các lời nói như thế.

18. Lòng bi mẫn, sự (tâm cầu) lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng (Luật) xua đi sự ân hận cho vị khiến trách đúng Pháp và cho vị bị khiến trách.

19. Cách hành xử của vị khiến trách đã được đấng Toàn Giác giảng giải, và bản thể về sự chân thật và luôn cả sự không sân hận là dành cho vị bị khiến trách.”

--ooOoo--

X. CHƯƠNG TỖ KHƯU NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự trong lãnh thổ của dòng Sakya ở thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

- “Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.”

Đến lần thứ nhì, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia — nt—.”

- “Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia — nt—.”

Đến lần thứ ba, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

- “Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.”

Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nên khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt,

trong khi khóc lóc, đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích đức Thế Tôn đã ra đi du hành đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều người nữ dòng Sakya đã ra đi về hướng Vesālī, tuần tự đã đi đến Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào. Đại đức Ānanda đã nhìn thấy bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào, sau khi nhìn thấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: - “Này bà Gotamī, tại sao bà lại có hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào vậy?” - “Thưa ngài Ānanda, như thế này bởi vì đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

2. - “Này bà Gotamī, chính vì điều ấy nên bà hãy ở ngay tại đây trong chốc lát chờ tôi thỉnh cầu đức Thế Tôn về việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một

bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī này với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.’ Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

- “Này Ānanda, thôi đi! Người chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.”

Đến lần thứ nhì, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia — nt—.”

- “Này Ānanda, thôi đi! Người chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia — nt—.”

Đến lần thứ ba, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia — nt—.”

- “Này Ānanda, thôi đi! Người chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa.”

Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn không cho phép việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên thỉnh cầu đức Thế Tôn việc người nữ xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được

đức Như Lai công bố bằng một phương thức khác?’ Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, người nữ sau khi xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập Lưu, hoặc quả vị Nhất Lai, hoặc quả vị Bất Lai, hoặc phẩm vị A-la-hán hay không?”

- “Này Ānanda, người nữ sau khi xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, luôn cả phẩm vị A-la-hán.”

- “Bạch ngài, nếu người nữ – nt – có khả năng chứng ngộ – nt – luôn cả phẩm vị A-la-hán nữa; bạch ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố.”

3. - “Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám Kính Pháp, hãy xem chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà:

Tỳ khưu ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị tỳ khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có tỳ khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung

kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khưu là việc hỏi ngày lễ *Uposatha* và việc đi đến (để nghe) giáo giới. Đây cũng là pháp –nt– không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni đã trải qua mùa (an cư) mưa nên hành lễ *Pavāraṇā* ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp –nt– không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hình phạt *mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp –nt– không được vi phạm cho đến trọn đời.

Cô ni tu tập sự đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp –nt– không được vi phạm cho đến trọn đời.

Tỳ khưu ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng nhiếc gièm pha tỳ khưu. Đây cũng là pháp –nt– không được vi phạm cho đến trọn đời.

Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỳ khưu ni đến các tỳ khưu bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỳ khưu đến các tỳ khưu ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám Kính Pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.”

Sau đó, đại đức Ānanda đã học tám Kính Pháp từ đức Thế Tôn rồi đã đi đến gặp bà Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: - “Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Kính Pháp thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà:

Tỳ khưu ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến vị tỳ khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. — nt— Kể từ hôm nay, việc khuyến bảo của các tỳ khưu ni đến các tỳ khưu bị ngăn cấm, việc khuyến bảo của các tỳ khưu đến các tỳ khưu ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời.

Này bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Kính Pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà.”

- “Thưa đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu; thưa đại đức Ānanda, cũng tương tự như vậy, tôi thọ nhận tám Kính Pháp này cho đến trọn đời không vi phạm.”

4. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, bà Mahāpajāpatī

Gotamī đã thọ nhận tám Kính Pháp. Người di của đức Thế Tôn đã được tu lên bậc trên.”

- “Này Ānanda, nếu người nữ không đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh Pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì người nữ đã xuất gia rời nhà sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh Pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.¹

Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như trong thửa ruộng lúa đang phát triển, có loại bệnh gọi là mốc trắng xuất hiện, như thế ruộng lúa ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

¹ Về vấn đề Thánh Pháp (*saddhamma*) có thể tồn tại một ngàn năm, ngài Buddhaghosa giải thích như sau: “Nói đến 1000 năm là đề cập đến sự diệt tận các lậu hoặc với sự thành đạt về bốn Tuệ Phân Tích. Từ đó về sau là 1000 năm của sự diệt tận các lậu hoặc do thuần túy Minh Sát, 1000 năm của đạo quả Bất Lai, 1000 năm của đạo quả Nhất Lai, 1000 năm của đạo quả Nhập Lưu. Như vậy, Pháp Thành sẽ tồn tại 5000 năm” (*Sđd.* 1291).

Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thế ruộng mía ấy không tồn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng cố bờ đê của cái hồ lớn để không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tự như thế, tám Kính Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các tỳ khưu nĩ cho đến trọn đời không được vi phạm.”

Tám Kính Pháp của các tỳ khưu nĩ.

5. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã ở đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con thực hành như thế nào đối với các người nữ dòng Sakya này?”

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các tỳ khưu nĩ.”

6. Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: - “Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: ‘Các tỳ khưu ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các tỳ khưu.’”

Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa đại đức Ānanda, các tỳ khưu ni này đã nói với tôi như vậy: ‘Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: ‘Các tỳ khưu ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các tỳ khưu.’”

7. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vậy: ‘Thưa đại đức Ānanda, các tỳ khưu ni này đã nói với tôi như vậy: Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: Các tỳ khưu ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các tỳ khưu.’”

- “Này Ānanda, kể từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamī thọ nhận tám Kính Pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên.”

8. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho

phép sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các tỳ khưu và các tỳ khưu nì.”

Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vậy: ‘Thưa đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các tỳ khưu và các tỳ khưu nì.’”

- “Này Ānanda, việc đức Như Lai có thể cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến người nữ là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này Ānanda, bởi vì các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết giảng tôi còn không thực hành sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến người nữ; vậy điều gì khiến Như Lai lại cho phép sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến người nữ?” Sau đó, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, (và) hành động thích hợp đến người nữ; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkata*.”

9. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có những điều học của các tỳ khưu nì là (được quy định) chung với các tỳ khưu, bạch ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?”

- “Này Gotamī, những điều học nào của các tỳ khưu ni là (được quy định) chung với các tỳ khưu, các tỳ khưu học tập như thế nào các người hãy học tập những điều học ấy như thế ấy.”

- “Bạch ngài, có những điều học của các tỳ khưu ni là không (được quy định) chung với các tỳ khưu, bạch ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào?”

- “Này Gotamī, những điều học nào của các tỳ khưu ni là không (được quy định) chung với các tỳ khưu, các người hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định.”

10. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, lành thay xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe Pháp ấy có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.”

- “Và này Gotamī, các Pháp nào mà bà có thể biết rằng các pháp này đưa đến tham ái mà không đưa đến sự xa lìa tham ái, đưa đến sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến sự không tích lũy, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bức bối mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ hội mà không đưa đến sự đơn độc, đưa đến sự biếng nhác mà không đưa đến sự khởi công tinh tấn, đưa đến sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đến sự dễ nuôi dưỡng; này Gotamī, bà có thể xác định dứt khoát rằng: ‘Điều này không phải là Pháp, điều này không phải là Luật, điều này không phải là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư.’

Này Gotamī, các Pháp nào mà bà có thể biết rằng các pháp này đưa đến sự xa lìa tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự không tích lũy mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bức bối, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; này Gotamī, bà có thể xác định dứt khoát rằng: ‘Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo Sư.’”

11. Vào lúc bấy giờ, giới bốn *Pātimokkha* không được đọc tụng cho các tỳ khưu ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Ai sẽ đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đi đến chỗ ngụ của các tỳ khưu ni và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này.”

Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự

việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu ni đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khưu ni.”

Các tỳ khưu ni không biết: “Giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng như vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu chỉ dẫn các tỳ khưu ni: ‘Các vị nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* như vậy.’”

12. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni không sửa chữa tội đã vi phạm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên không sửa chữa tội đã vi phạm; vị ni nào không sửa chữa thì phạm tội *dukkata*.”

Các tỳ khưu ni không biết: “Tội đã vi phạm nên được sửa chữa như vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu chỉ dẫn các tỳ khưu ni: ‘Các vị nên sửa chữa tội đã vi phạm như vậy.’”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Ai sẽ ghi nhận tội cho các tỳ khưu ni?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu ghi nhận tội cho các tỳ khưu ni.”

13. Vào lúc bấy giờ, khi nhìn thấy vị tỳ khưu trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các tỳ khưu ni để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, rồi sửa chữa tội đã vi phạm. Dân chúng phân nân, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mịch lòng hồi đêm,

giờ đây họ xin lỗi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, các tỳ khuru không nên ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni; vị nào ghi nhận thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni ghi nhận tội cho các tỳ khuru ni.”

Các tỳ khuru ni không biết: “Tội nên được ghi nhận như vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru chỉ dẫn các tỳ khuru ni: ‘Các vị nên ghi nhận tội như vậy.’”

14. Vào lúc bấy giờ, hành sự cho các tỳ khuru ni đã không được thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện hành sự cho các tỳ khuru ni.”

Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Ai sẽ thực hiện hành sự cho các tỳ khuru ni?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru thực hiện hành sự cho các tỳ khuru ni.”

15. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị tỳ khuru trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các tỳ khuru ni có hành sự đã được hoàn tất để xuống bình bát ở mặt đất, đập thương y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, bày tỏ sự hối lỗi, trong khi nghĩ rằng: ‘Chắc là nên được thực hiện như vậy.’ Dân chúng tương tự y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm rách lòng hồi đêm, giờ đây họ xin lỗi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, các tỳ khuru không nên thực hiện hành sự cho các tỳ khuru ni; vị nào thực thi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khuru, ta cho phép các tỳ khuru ni thực hiện hành sự cho các tỳ khuru ni.”

Các tỳ khưu ni không biết: “Hành sự nên được thực hiện như vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu chỉ dẫn các tỳ khưu ni: ‘Các vị nên thực hiện hành sự như vậy.’”

16. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni ở giữa hội chúng đã nảy sinh ra xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ, đã đưa đến tranh cãi, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí mềm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu giải quyết sự tranh tụng của các tỳ khưu ni.”

17. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu giải quyết sự tranh tụng của các tỳ khưu ni. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xét xử, các vị được biết rằng các tỳ khưu ni cần thiết cho hành sự cũng có vi phạm tội. Các tỳ khưu ni đã nói như vậy: - “Thưa các đại đức, tốt lành thay chính các ngài đại đức hãy thực hiện hành sự cho các tỳ khưu ni, chính các ngài đại đức hãy ghi nhận tội cho các tỳ khưu ni, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: ‘Các tỳ khưu nên giải quyết sự tranh tụng của các tỳ khưu ni.’” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu xác định hành sự của các tỳ khưu ni rồi bàn giao lại cho các tỳ khưu ni, và các tỳ khưu ni được thực hiện hành sự cho các tỳ khưu ni; (cho phép) các tỳ khưu xác định tội của các tỳ khưu ni rồi bàn giao lại cho các tỳ khưu ni, và các tỳ khưu ni được ghi nhận tội cho các tỳ khưu ni.”

18. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khưu ni học trò của tỳ khưu ni Uppalavanṇā trong khi học tập về Luật đã theo đức Thế tôn bảy năm. Cô ấy có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Rồi vị tỳ khưu ni ấy đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn có ý định đi đến thành Sāvatti.” Khi ấy,

vị tỳ khưu ni ấy đã khởi ý điều này: “Trong khi học tập về Luật, ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo Sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành như thế nào?” Sau đó, vị tỳ khưu ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu ni. Các tỳ khưu ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu giảng về Luật cho các tỳ khưu ni.”

Tụng phẩm thứ nhất.

19. Sau đó, khi đã đã ngự tại Vesālī theo như ý thích đức Thế Tôn đã lên đường du hành về phía Sāvattī. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến Sāvattī. Tại nơi đó ở Sāvattī, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

20. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các tỳ khưu ni (nghĩ rằng): ‘Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.’ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu không nên rắc nước bùn lên các tỳ khưu ni; vị nào rắc thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị tỳ khưu ấy.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Hình phạt gì nên được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, hội chúng tỳ khưu ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ khưu ấy.”

21. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các tỳ khưu ni thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các tỳ khưu ni thấy, vén hở chỗ kín rồi phô

bày cho các tỳ khưu ni thấy, trò chuyện với các tỳ khưu ni, giao lưu với các tỳ khưu ni (nghĩ rằng): ‘Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.’ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, tỳ khưu không nên vén hở thân rồi phô bày cho các tỳ khưu ni thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các tỳ khưu ni thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các tỳ khưu ni thấy, không nên trò chuyện với các tỳ khưu ni, không nên giao lưu với các tỳ khưu ni; vị nào giao lưu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị tỳ khưu ấy.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Hình phạt gì nên được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, hội chúng tỳ khưu ni không cần thực hiện việc đánh lễ đối với vị tỳ khưu ấy.”

22. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các tỳ khưu (nghĩ rằng): ‘Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.’ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên rắc nước bùn lên các tỳ khưu; vị ni nào rắc thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện hình phạt đối với tỳ khưu ni ấy.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Hình phạt gì nên được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ khưu).”

Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.”

23. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, vén hở ngực rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, trò chuyện với các tỳ khưu, giao lưu với các tỳ khưu (nghĩ rằng): ‘Có lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.’ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên vén hở thân rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, không nên vén hở ngực rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các tỳ khưu thấy, không nên trò chuyện với các tỳ khưu, không nên giao lưu với các tỳ khưu; vị ni nào giao lưu thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị tỳ khưu ni ấy.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Hình phạt gì nên được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm (đi vào trú xứ của tỳ khưu).” Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép đình chỉ việc giáo giới.”

Khi ấy, các tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Lễ *Uposatha* được phép thực hiện với tỳ khưu ni bị đình chỉ giáo giới hay không được phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, lễ *Uposatha* không nên thực hiện với tỳ khưu ni bị đình chỉ giáo giới cho đến khi nào sự tranh tụng ấy còn chưa được giải quyết.”

24. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã ra đi du hành. Các tỳ khưu ni phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ngài đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại ra đi du hành?” Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *dukkata*.”

25. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ngu dốt không có kinh nghiệm đình chỉ việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ bởi vị ngu dốt, không có kinh nghiệm; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata*.”

26. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đình chỉ việc giáo giới không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có sự việc, không có nguyên do; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkata*.”

27. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu sau khi đình chỉ việc giáo giới không đưa ra sự phán xét. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không nên không đưa ra sự phán xét; vị nào không đưa ra thì phạm tội *dukkata*.”

28. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni không đi (để nghe) giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên không đi (để nghe) giáo giới; vị ni nào không đi nên được hành xử theo Pháp.”¹

29. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ khưu ni đều đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ

¹ Liên quan đến tám Kính Pháp và tội *pācittiya* 58 của tỳ khưu ni (ND).

những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đi (để nghe) giáo giới toàn bộ hội chúng tỳ khưu nĩ. Nếu đi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ khưu nĩ.”

30. Vào lúc bấy giờ, bốn hay năm tỳ khưu nĩ đi (để nghe) giáo giới. Dân chúng tương tự y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này này sẽ hưởng lạc với những bà này.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đi (để nghe) giáo giới bốn hay năm tỳ khưu nĩ. Nếu các vị đi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép đi (để nghe) giáo giới hai hay ba tỳ khưu nĩ. Nên đi đến gặp một vị tỳ khưu, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân, ngồi chõm hõm, chấp tay lên, rồi nên nói như vậy: ‘Thưa ngài đại đức, hội chúng tỳ khưu nĩ đánh lễ ở chân của hội chúng tỳ khưu và thỉnh cầu việc đến gần (để nghe) giáo giới. Thưa ngài, mong rằng hội chúng tỳ khưu nĩ đạt được việc đến gần (để nghe) giáo giới.’”

Vị tỳ khưu ấy nên đi đến gặp vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* và nên nói như vậy: “Thưa ngài, hội chúng tỳ khưu nĩ đánh lễ ở chân của hội chúng tỳ khưu và thỉnh cầu việc đến gần (để nghe) giáo giới. Thưa ngài, mong rằng hội chúng tỳ khưu nĩ đạt được việc đến gần (để nghe) giáo giới.” Vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: ‘Có vị tỳ khưu nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khưu nĩ?’ Nếu có vị tỳ khưu nào đó đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khưu nĩ, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: ‘Vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khưu nĩ, hội chúng tỳ

khưu ni hãy đi đến gặp vị ấy.’ Nếu không có vị tỳ khuu nào đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuu ni, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: ‘Vị đại đức nào đủ khả năng để giáo giới tỳ khuu ni?’

Nếu có vị nào đó đủ khả năng để giáo giới tỳ khuu ni và vị ấy có tám yếu tố,¹ sau khi chỉ định xong nên nói rằng: ‘Vị tỳ khuu tên (như vậy) đã được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuu ni, hội chúng tỳ khuu ni hãy đi đến gặp vị ấy.’ Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới tỳ khuu ni, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên nói rằng: ‘Không có tỳ khuu nào được chỉ định là vị giáo giới tỳ khuu ni, mong rằng hội chúng tỳ khuu ni được thành đạt với sự hoan hỷ.’”

31. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuu không nhận lãnh việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, không thể không nhận lãnh việc giáo giới; vị nào không nhận lãnh thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuu nọ là ngu dốt. Các tỳ khuu ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.”

- “Này các chị gái, bởi vì tôi ngu dốt, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?” - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: ‘Các tỳ khuu nên nhận lãnh việc giáo giới cho các tỳ khuu ni.’” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.”

¹ Xem tám yếu tố ở điều học *pācittiya* 21 (TTPV tập 02, trang 153; TTVN tập 02, trang 119).

32. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh. Các tỳ khưu ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.” - “Này các chị gái, bởi vì tôi bị bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?” - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: ‘Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.’”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.”

33. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ là vị xuất hành. Các tỳ khưu ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.” - “Này các chị gái, bởi vì tôi là vị xuất hành, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?” - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: ‘Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.’”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới.”

34. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ cư ngụ ở trong rừng. Các tỳ khưu ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới.” - “Này các chị gái, bởi tôi cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?” - “Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vậy: ‘Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.’”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu là vị ngụ ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và (cho phép) quy định điểm hẹn: “Tôi sẽ thực hiện ở chỗ kia.””

35. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không thể không thông báo việc giáo giới; vị nào không thông báo thì phạm tội *dukkata*.”

36. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khưu không thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, việc giáo giới không thể không thực hiện; vị nào không thực hiện thì phạm tội *dukkata*.”

37. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni không đi đến điểm hẹn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên không đi đến điểm hẹn; vị ni nào không đi thì phạm tội *dukkata*.”

38. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni mang dây thắt lưng loại dài, lại còn bó thắt eo bằng chúng nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên mang dây thắt lưng loại dài; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu ni (sử dụng) dây thắt lưng được thực hiện một vòng, và không nên bó thắt eo bằng dây thắt lưng; vị ni nào bó thắt (eo) thì phạm tội *dukkata*.”

39. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni buộc (dây thắt lưng) thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, buộc thành

dải tua bằng sợi da thú, buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, buộc thành dải tua bằng sợi vải *coḷa*, buộc thành dải tua bằng vải *coḷa* tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải *coḷa* thắt bím, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên buộc (dây thắt lưng) thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải *coḷa*, không nên buộc thành dải tua bằng vải *coḷa* tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải *coḷa* thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím; vị ni nào buộc thì phạm tội *dukkata*.”

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, bảo đấm bóp vùng hông với xương hàm con bò, bảo đấm bóp bàn tay, bảo đấm bóp mu bàn tay, bảo đấm bóp bàn chân, bảo đấm bóp mu bàn chân, bảo đấm bóp đùi, bảo đấm bóp mặt, bảo đấm bóp nướu răng. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, – nt – không nên bảo đấm bóp nướu răng; vị ni nào bảo đấm bóp thì phạm tội *dukkata*.”

41. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư thoa đầu ở mặt, chà xát mặt, đánh phấn ở mặt, đắp mặt bằng

phấn đỏ, tô màu ở cơ thể, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ thể; vị ni nào làm thì phạm tội *dukkata*.”

42. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, nhìn qua cửa sổ (xuống đường phố), đứng tựa cửa lớn (khoe phần thân trên), tổ chức nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán rượu, lập tiệm bán thịt, trưng bày cửa hiệu, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mại, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn bán rau xanh, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên kẻ mí mắt, —nt— không nên mang mảnh da mài dao cạo; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata*.”

43. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh đậm, mặc các y toàn màu vàng, mặc các y toàn màu đỏ (máu), mặc các y toàn màu tím, mặc các y toàn màu đen, mặc các y nhuộm toàn màu đỏ tía, mặc các y nhuộm toàn màu hồng, mặc các y không cắt đường viền, mặc các y có đường viền rộng, mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, mặc các y có đường viền có vẽ trái cây, mặc áo choàng, mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây *tirīṭaka*. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ

khưu ni không nên mặc các y toàn màu xanh đậm, –nt– không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây *tirīṭaka*; vị ni nào mặc thì phạm tội *dukkata*.”

44. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ trong khi lâm chung đã nói như vậy: - “Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng.” Ở nơi ấy, các tỳ khưu và các tỳ khưu ni tranh cãi rằng: - “Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu ni trong trong khi lâm chung nói như vậy: ‘Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,’ trong trường hợp này, hội chúng tỳ khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng tỳ khưu ni. Này các tỳ khưu, nếu vị ni tu tập sự, –nt– Này các tỳ khưu, nếu vị sa di ni trong khi lâm chung nói như vậy: ‘Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,’ trong trường hợp này, hội chúng tỳ khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng tỳ khưu ni. Này các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu trong khi lâm chung nói như vậy: ‘Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,’ trong trường hợp này, hội chúng tỳ khưu ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng tỳ khưu. Này các tỳ khưu, nếu vị sa di, –nt– Này các tỳ khưu, nếu nam cư sĩ, –nt– Này các tỳ khưu, nếu nữ cư sĩ, –nt– Này các tỳ khưu, nếu người nào khác trong khi lâm chung nói như vậy: ‘Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng,’ trong trường hợp này, hội chúng tỳ khưu ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng tỳ khưu.”

45. Vào lúc bấy giờ, có phụ nữ nọ trước đây là người xứ Malla đã xuất gia nơi các tỳ khưu ni. Cô ni ấy sau khi gặp vị tỳ khưu yếu đuối trên đường đã cho cái thúc bằng bả vai rồi tiếp tục đi. Các tỳ khưu phản nân, phê phán,

chê bai rằng: - “Tại sao tỳ khưu ni lại cho vị tỳ khưu cái thức?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên cho vị tỳ khưu cái thức; vị ni nào cho thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu ni bước sang (một bên) nhường lối đi khi nhìn thấy vị tỳ khưu, ngay khi (vị ấy) còn ở đằng xa.”

46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khi chồng đi vắng bị có thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sẩy thai rồi đã nói với vị tỳ khưu ni thường đi đến nhà điều này: - “Thưa ni sư, xin hãy dùng bình bát mang đi cái bào thai này.” Khi ấy, vị tỳ khưu ni ấy đã bỏ cái bào thai ấy vào trong bình bát, che kín bằng y hai lớp, rồi ra đi. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đi khát thực đã lập dự tính rằng: “Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị tỳ khưu hoặc tỳ khưu ni thì ta sẽ không thọ thực.”

Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã nhìn thấy vị tỳ khưu ni ấy và đã nói điều này: - “Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.” - “Thưa ngài, thôi đi.” Đến lần thứ nhì, vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu ni ấy điều này: - “Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.” - “Thưa ngài, thôi đi.” Đến lần thứ ba, vị tỳ khưu ấy đã nói với vị tỳ khưu ni ấy điều này: - “Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.” - “Thưa ngài, thôi đi.” - “Này chị gái, tôi đã lập dự tính rằng: ‘Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị tỳ khưu hoặc tỳ khưu ni thì ta sẽ không thọ thực.’ Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực.”

Sau đó, vị tỳ khưu ni ấy trong lúc bị quấy rầy bởi vị tỳ khưu ấy đã đưa bình bát ra cho xem: - “Thưa ngài, hãy nhìn cái bào thai trong bình bát nè. Và chớ có nói với bất cứ ai.” Khi ấy, vị tỳ khưu ấy phản nân, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao tỳ khưu ni lại dùng bình bát mang đi cái

bào thai vậy?” Sau đó, vị tỳ khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khưu ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai; vị ni nào mang đi thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu ni khi gặp vị tỳ khưu thì lấy bình bát ra và đưa cho xem.”

47. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị tỳ khưu các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư xoay tròn (bình bát) và cho xem phần dưới của bình bát. Các tỳ khưu phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao khi gặp vị tỳ khưu các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư xoay tròn (bình bát) và cho xem phần dưới của bình bát?” Sau đó, các vị tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, khi gặp vị tỳ khưu tỳ khưu ni không nên xoay tròn (bình bát) và cho xem phần dưới của bình bát; vị nào cho xem thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, khi gặp vị tỳ khưu ta cho phép tỳ khưu ni lật ngửa bình bát rồi đưa cho xem. Và vật thực nào có trong bình bát, nên thỉnh mời vị tỳ khưu với vật ấy.”

48. Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở thành Sāvatthi có vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Các tỳ khưu ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã la ãm lên. Các tỳ khưu ni ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã đi đến ni viện và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu ni. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni lại nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh?” Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ

khưu, tỳ khuu ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh; vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội *dukkata*.”

49. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ khuu. Các tỳ khuu cho đến các tỳ khuu ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các ngài đại đức lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị nào cho thì phạm tội *dukkata*.”

50. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuu có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, ta cho phép dâng đến hội chúng.” Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.” Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ khuu được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, ta cho phép các tỳ khuu ni thọ dụng vật tích trữ của các tỳ khuu sau khi đã được các tỳ khuu trao cho.”

51. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các tỳ khuu ni. Các tỳ khuu ni cho đến các tỳ khuu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuu ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuu, các tỳ khuu ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị ni nào cho thì phạm tội *dukkata*.”

52. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép dâng đến hội chúng.” Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.” Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các tỳ khưu ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu thọ dụng vật tích trữ của các tỳ khưu ni sau khi đã được các tỳ khưu ni trao cho.”

53. Vào lúc bấy giờ, sàng tọa của các tỳ khưu thì dồi dào, của các tỳ khưu ni thì không có. Các tỳ khưu ni đã phái sứ giả đến gặp các tỳ khưu: - “Thưa các ngài, lành thay các ngài hãy cho chúng tôi (mượn) sàng tọa trong một thời gian.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cho các tỳ khưu ni (mượn) sàng tọa trong một thời gian.”

54. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni có kinh nguyệt ngồi và nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm. Chỗ nằm ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm; vị ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) y nội trợ.”

Y nội trợ bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) kim gài và mảnh vải.” Mảnh vải bị rơi xuống Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta

cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đuôi.” Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) váy, băng vải buộc ở hông.”

55. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc; vị ni nào mang thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) băng vải buộc ở hông đối với vị ni có kinh nguyệt.”

Tụng phẩm thứ nhì.

56. Vào lúc bấy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên được thấy là: không có hiện tướng (người nữ), khiếm khuyết hiện tướng (người nữ), không có kinh nguyệt, bị băng huyết, thường xuyên mang vái lót, bị rong kinh, bị dị căn, người nữ vô căn, bị lại đực, tiêu tiểu chung một khiếu, người nữ lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị đang cho tu lên bậc trên được hỏi về hai mươi bốn pháp chương ngại. Và này các tỳ khưu, nên hỏi như vậy: ‘Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vái lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có các bệnh

như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh ung nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tể độ tên gì?”

57. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu hỏi các pháp chương ngại của các tỳ khưu ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khưu đến người nữ đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, (và) được trong sạch.”

58. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni hỏi các pháp chương ngại đến các cô có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chương ngại sau.” Các vị giảng dạy ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chương ngại ở giữa hội chúng.

Và này các tỳ khưu, nên giảng dạy như vậy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tể độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tể độ rồi nên chỉ dẫn về y bát: ‘Đây là bình bát của cô, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội, đây là áo lót, đây là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đằng kia.’ Các vị ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm

giảng dạy. Được giảng dạy tồi, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vị ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên giảng dạy; vị ni nào giảng dạy thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.” Các vị ni chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vị ni chưa được chỉ định không nên giảng dạy; vị ni nào giảng dạy thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép giảng dạy đối với vị ni đã được chỉ định.

Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho cô ni tên (như vậy).’ Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị ni tên (như vậy) sẽ giảng dạy cho cô ni tên (như vậy).’ Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

Vị tỳ khưu ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vậy: - ‘Này cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều

ấy là đúng thì nên nói: ‘Đúng;’ nếu không đúng, nên nói: ‘Không đúng.’ Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vậy: ‘Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vãi lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thế này hay không: Bệnh cùi? Bệnh ung nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do (không phải nô lệ)? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tể độ tên gì?’”

59. Họ đi đến chung (cùng một lúc). - “Không nên đi đến chung (cùng một lúc). Vị ni giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng: ‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã giảng dạy cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, cô tên (như vậy) có thể đi đến.’ Và nên nói rằng: ‘Cô hãy đi đến.’”

Nên bảo (cô ấy) đáp thương y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các tỳ khưu ni, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại đức ni, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội

chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại đức ni, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.’

Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuu ni kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi cô ni tên (như vậy) về các pháp chương ngại. Nay cô tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: Đúng; nếu không đúng, nên nói: Không đúng. Cô không phải là người không có hiện tướng (người nữ)? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng (người nữ)? – nt – Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gì?’

Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuu ni kinh nghiệm, có năng lực: ‘*Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chương ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị

đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. –nt– Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy) là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị đại đức ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Ngay sau khi hoàn tất việc ấy, nên đưa (cô ni ấy) đi đến hội chúng tỳ khưu, nên bảo (cô ấy) đắp thượng y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các tỳ khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên, và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: 'Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại

đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư đại đức, tôi tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Bạch chư đại đức, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.'

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: 'Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. –nt– Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tể độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tể độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tể độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tể độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các tỳ khưu ni nên được nói rằng: - ‘Nên chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ¹ và tám điều không nên làm.’”²

60. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni trong khi xác định chỗ ngồi trong nhà ăn đã bị quá giờ (thọ thực). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ khưu ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến.”

¹ Tỳ khưu ni không được ngụ ở rừng nên không có điều nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong khi tỳ khưu có bốn điều (ND).

² Là tám điều *pārājika*, trong khi tỳ khưu chỉ có bốn điều (ND).

61. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cho phép (chỗ ngồi) của tám tỳ khưu ni tính theo thâm niên, (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến’ nên ở khắp mọi nơi chừa lại đúng tám chỗ cho các tỳ khưu ni tính theo thâm niên, các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép trong nhà ăn (chỗ ngồi của) tám tỳ khưu ni tính theo thâm niên và (chỗ ngồi) của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên; vị nào chừa lại thì phạm tội *dukkata*.”

62. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni không hành lễ *Pavāraṇā*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên không hành lễ *Pavāraṇā*; vị ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo Pháp.”¹ Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu ni rồi không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni sau khi hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu ni rồi không nên không hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu; vị ni nào không hành lễ *Pavāraṇā* nên được hành xử theo Pháp.”¹

63. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các tỳ khưu đã tạo nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên hành lễ *Pavāraṇā* chỉ một phía với các tỳ khưu; vị ni nào hành lễ *Pavāraṇā* (chỉ một phía) thì phạm tội *dukkata*.”

¹ Liên quan đến tám Kính Pháp và tội *pācittiya* 57 của tỳ khưu ni (ND).

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni trong khi hành lễ *Pavāraṇā* trước bữa thọ trai nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu ni hành lễ *Pavāraṇā* sau bữa thọ trai.” Sau bữa thọ trai, các vị trong khi còn hành lễ *Pavāraṇā* đã bị trời tối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu ni ngày hôm nay và hành lễ *Pavāraṇā* nơi hội chúng tỳ khưu vào ngày kế.”

64. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng tỳ khưu ni trong lúc hành lễ *Pavāraṇā* đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định một vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực để thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu vì lợi ích của hội chúng tỳ khưu ni. Và này các tỳ khưu, nên được chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khưu ni nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu vì lợi ích của hội chúng tỳ khưu ni. Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu vì lợi ích của hội chúng tỳ khưu ni. Đại đức ni nào đồng ý việc chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) để thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu vì lợi ích của hội chúng tỳ khưu ni xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ khưu ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu vì lợi ích của hội chúng tỳ khưu ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Vị tỳ khưu ni đã được chỉ định ấy nên đưa hội chúng tỳ khưu ni đến gặp hội chúng tỳ khưu, nên đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, hội chúng tỳ khưu ni xin thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng tỳ khưu ni xin hội chúng tỳ khưu hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi. Đến lần thứ nhì, bạch các ngài, hội chúng tỳ khưu ni xin thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng tỳ khưu ni xin hội chúng tỳ khưu hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi. Đến lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng tỳ khưu ni xin thỉnh cầu hội chúng tỳ khưu do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng tỳ khưu ni xin hội chúng tỳ khưu hãy nói lên; khi thấy (lỗi) rồi sẽ sửa đổi.’”

65. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni đình chỉ lễ *Uposatha*, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở đối với các tỳ khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên đình chỉ lễ *Uposatha* của tỳ khưu, đâu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị ni đình chỉ phạm tội *dukkata*. Không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, đâu đã bị đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị ni đình chỉ phạm tội *dukkata*. Không nên làm công việc khuyên bảo, đâu đã được làm cũng như không được làm; vị ni làm phạm tội *dukkata*. Không nên khởi xướng việc cáo tội, đâu đã được khởi xướng cũng như không được khởi xướng; vị ni khởi xướng (việc cáo tội) phạm tội *dukkata*. Không nên thỉnh ý (để buộc tội), đâu đã được thỉnh ý cũng như không được thỉnh ý, vị ni thỉnh ý phạm tội *dukkata*.

Không nên quở trách, dầu đã được quở trách cũng như không được quở trách, vị ni quở trách phạm tội *dukkata*. Không nên nhắc nhở, dầu đã được nhắc nhở cũng như không được nhắc nhở, vị ni nhắc nhở phạm tội *dukkata*.”

66. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu đình chỉ lễ *Uposatha* đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở đối với các tỳ khưu ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tỳ khưu được đình chỉ lễ *Uposatha* của tỳ khưu ni, khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ *Pavāraṇā*; khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được làm công việc khuyên bảo, khi đã làm thì đã làm đúng đắn; vị làm vô tội. Được khởi xướng việc cáo tội, khi đã khởi xướng thì đã khởi xướng đúng đắn; vị khởi xướng vô tội. Được thỉnh ý (để buộc tội), khi đã thỉnh ý thì đã thỉnh ý đúng đắn; vị thỉnh ý vô tội. Được quở trách, khi đã quở trách thì đã quở trách đúng đắn; vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, khi đã nhắc nhở thì đã nhắc nhở đúng đắn; vị nhắc nhở vô tội.”

67. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên di chuyển bằng xe; vị ni nào di chuyển nên được hành xử theo Pháp.”¹ Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 85 của tỳ khưu ni (ND).

(sử dụng) xe đối với vị ni bị bệnh.” Khi ấy, các tỳ khưu ni đã khởi ý điều này: “VẬY ĐƯỢC KÉO BỞI CON CÁI, HAY ĐƯỢC KÉO BỞI CON ĐỰC?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) toa xe được kéo bởi con cái, được kéo bởi con đực, (và cho phép) xe kéo bằng tay.” Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ đã bị khó chịu dữ dội vì xe bị dẫn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) kiệu khiêng, ghế khiêng.”

68. Vào lúc bấy giờ, cô kỹ nữ Aḍḍhakāṣī đã xuất gia nơi các tỳ khưu ni. Cô ấy có ý định đi đến Sāvattthi (nghĩ rằng): “Ta sẽ tu lên bậc trên trong sự chứng minh của đức Thế Tôn.” Những kẻ bất lương đã nghe rằng: “Nghe nói kỹ nữ Aḍḍhakāṣī có ý định đi đến Sāvattthi.” Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Cô kỹ nữ Aḍḍhakāṣī đã nghe rằng: “Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường” nên đã phái sứ giả đến gặp đức Thế Tôn (thưa rằng): “Bởi vì con có ước muốn tu lên bậc trên, con nên tiến hành như thế nào?”

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện.” Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ khưu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là tỳ khưu; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkata*.” Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni tu tập sự. —nt— Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa di. —nt— Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là sa di ni. —nt— Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm. - “Này các tỳ khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua

người đại diện là cô ni ngu dốt thiếu kinh nghiệm; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkata*. Nay các tỳ khưu, ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực. Vị tỳ khưu ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, rồi nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.

Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ nhì cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.

Bạch các ngài, cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ni không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ ba cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót.’

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực: ‘*Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên*

bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. –nt– Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy). Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Hội chúng cho cô ni tên (như vậy) tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô ni tên (như vậy) với vị ni tên (như vậy) là ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô ni tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị ni tên (như vậy) là ni sư tể độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Ngay khi ấy, bóng râm cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy. Các tỳ khưu ni nên được nói rằng: - ‘Hãy chỉ dạy cô ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm.’”

69. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên cư ngụ ở trong rừng; vị ni nào cư ngụ thì phạm tội *dukkata*.” Vào lúc bấy giờ, kho chứa đồ đạc đã được nam cư sĩ nọ dâng đến hội chúng tỳ khưu ni. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) kho chứa đồ đạc. Kho chứa đồ không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) căn nhà. Căn nhà không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép (xây dựng) công trình mới.” Công trình mới không đáp ứng (nhu cầu). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xây dựng theo cá nhân.”

70. Vào lúc bấy giờ, một người phụ nữ nọ, có bào thai đã đậu, xuất gia nơi các tỳ khưu ni. Khi cô ấy đã xuất gia, cái thai đã chào đời. Khi ấy, vị tỳ khưu ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế

Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết.”¹

Sau đó, vị tỳ khưu ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống mỗi một mình, và tỳ khưu ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định một tỳ khưu ni và cho làm người cộng sự với tỳ khưu ni kia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khưu ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý sự chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khưu ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Khi ấy, tỳ khưu ni cộng sự ấy đã khởi ý điều này: “Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai

¹ Cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết nghĩa là cho đến khi đứa bé có thể nhai, ăn, tắm, và trang phục đúng cách cho bản thân (VinA. vi, 1295).

này?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tự như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoại trừ việc ngụ chung nhà.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hình phạt *mānatta*. Khi ấy, tỳ khưu ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống mỗi một mình, và vị tỳ khưu ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chỉ định một tỳ khưu ni và cho làm người cộng sự với tỳ khưu ni kia. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước tiên, vị tỳ khưu ni cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu ni kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc chỉ định tỳ khưu ni tên (như vậy) là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khưu ni tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với tỳ khưu ni tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

71. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ sau khi xả bỏ sự học tập đã hoàn tục. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu

các tỳ khưu ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không có việc xả bỏ sự học tập đối với tỳ khưu ni; chính khi cô ấy hoàn tục thì chính khi ấy cô ấy không còn là tỳ khưu ni nữa.”

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ vẫn mang y ca-sa đã chuyển sang (tu tập ở) lãnh vực của ngoại đạo. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các tỳ khưu ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni nào mang y ca-sa chuyển sang (tu tập ở) lãnh vực của ngoại đạo, khi cô ấy quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa.”

72. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni trong khi ngần ngại không ưng thuận việc đánh lễ, việc cạo tóc, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người nam. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép ưng thuận (những việc ấy).”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni ngồi kiết già. Các vị ưa thích sự xúc chạm của gót chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên ngồi kiết già; vị ni nào ngồi thì phạm tội *dukkata*.”

73. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu ni nọ bị bệnh. Không xếp chân thế kiết già, vị ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thế bán già đối với tỳ khưu ni.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư trực bỏ bào thai ngay tại chỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh; vị ni nào thực hiện thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện việc đại

tiện ở chỗ trống trải phần bên dưới và che kín phần bên trên.”

74. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên tắm với bột phấn thoa; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) cám thô, đất sét.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata*. Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) đất sét loại bình thường.”

75. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư trong khi tắm ở nhà tắm hơi đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên tắm ở nhà tắm hơi; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni tắm ở luồng nước chảy, ưa thích sự xúc chạm của giòng nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên tắm ở luồng nước chảy; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkata*.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni

không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkaṭa*.”

76. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, tỳ khưu ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam; vị ni nào tắm thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khưu, ta cho phép tắm ở bãi tắm dành cho phụ nữ.”

Tụng phẩm thứ ba.

Chương Tỳ Khưu Ni là thứ mười.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bà Gotamī đã thỉnh cầu việc xuất gia, đức Như Lai đã không cho phép. Vị Lãnh Đạo đã rời Kapilavatthu đi đến Vesālī.

2. Với (thân hình) phủ đầy bụi, ở cổng ra vào, bà đã cho vị Ānanda biết, vị đã yêu cầu bằng cách thức: ‘Có khả năng không?’ Là người mẹ,’ và ‘Là người nuôi dưỡng.’

3. Một trăm năm, và vào ngày hôm ấy, (nơi) không có tỳ khưu, sự mong mỏi, lễ Pavāraṇā, các tội nghiêm trọng, hai năm, việc không được mắc nhĩ.

4. Bị ngăn cấm, và tám pháp, việc hành theo cho đến trọn đời, việc thọ nhận tám Kính Pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

5. Một ngàn năm chỉ còn năm trăm, với các ví dụ về kẻ trộm, bệnh mốc trắng, bệnh rệp cây, các việc làm tổn hại Chánh Pháp là tương tự.

6. Với các ví dụ về người nên củng cố bờ đê, hơn nữa là sự tồn tại của Chánh Pháp, được ban phép tu lên bậc trên, bà (chưa được tu lên bậc trên), việc đánh lễ tính theo thâm niên.

7. Các (ngoại đạo) không thực hành, điều gì vậy, (được quy định) chung và không (được quy định) chung, việc giáo giới, và giới bốn pātimokkha, bởi vị nào, ni viện.

8. Các vị ni không biết, và đã chỉ dạy, và các vị ni không làm, bởi các tỳ khưu, được ghi nhận tội bởi các tỳ khưu, việc ghi nhận tội bởi các tỳ khưu ni.

9. Vị đã chỉ dẫn, hành sự, bởi các tỳ khưu, họ phàn nàn, hoặc bởi các tỳ khưu ni, được chỉ dạy, và sự xung đột, sau khi bàn giao lại, và vị Uppalavaṇṇā.

10. Ở thành Sāvattthi, nước bunn, không đánh lễ, (phô bày) thân, và đùi, và chỗ kín, việc trò chuyện, các vị giao lưu, các vị nhóm Lục Sư.

11. Không nên đánh lễ, hình phạt, các vị tỳ khưu ni cũng tương tự, và việc ngăn cấm, việc giáo giới, được phép không, vị đã ra đi.

12. Các vị ngu dốt, (không có) sự việc, sự phán xét, việc giáo giới, hội chúng, với năm vị ni, hai vị ni, ba vị ni, không nhận lãnh, các vị ngu dốt, các vị bị bệnh, và các vị xuất hành.

13. Các vị ở rừng, các vị không thông báo, và các vị không đi đến, (dây thắt lưng) dài, (sợi) tre chẻ mỏng, và da thú, vải dệt tết đuôi sam, và thắt bím, vải co lại tết đuôi sam, và thắt bím, chỉ tết đuôi sam, và thắt bím.

14. Khúc xương đùi, với xương hàm con bò, mu bàn tay, bàn chân là tương tự, phần đùi, khuôn mặt, nướu răng, việc thoa dầu, chà xát, và đánh phấn.

15. Các vị đắp (ở mặt), và việc tô màu ở cơ thể, việc tô màu ở mặt, hai việc là tương tự, việc kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, (nhìn) qua cửa sổ, (đứng) tựa cửa, và với việc nhảy múa.

16. Gái điếm, quán bán rượu, tiệm bán thịt, cửa hiệu, lấy lãi, việc thương mại, trong khi nuôi tôi trai, tớ gái, trai làm mướn, gái làm thuê.

17. (Nuôi) thú vật, (buôn bán) rau xanh, các vị tự mang mảnh da mài dao cạo, các y màu xanh đậm, màu vàng, màu đỏ (máu), màu tím, màu đen.

18. Màu đỏ tía, màu hồng, không được cắt, và (đường viền) quá rộng, (có vẽ) bông hoa, trái cây, và áo choàng, và các vị đã mặc vải dệt bằng sợi vỏ cây tiriṭaka.

19. Về việc từ trần của tỳ khưu ni, của vị ni tu tập sự, của vị sa di ni, về các vật dụng được để lại, các tỳ khưu ni là người chủ.

20. Của vị tỳ khưu, của vị sa di, của nam cư sĩ, của nữ cư sĩ, và của những người khác, về vật dụng được để lại, các tỳ khưu là người chủ.

21. Vị ni người xứ Malla, cái bào thai, phần dưới của bình bát, vật biểu tượng (nam tánh), và với vật thực, và được đôi dào, nhiều hơn trước nữa, vật thực được làm để tích trữ.

22. Đối với các vị tỳ khưu, phần tương tự bên dưới, nên thực hiện như vậy đối với các tỳ khưu ni, sàng tọa, các vị có kinh nguyệt, bị lấm lem, mảnh vải và kim gài.

23. Chúng bị đứt, vào mọi lúc, các vị ni được thấy là không có hiện tượng (người nữ), v.v... và còn (khiếm khuyết) hiện tượng, không có kinh nguyệt nữa, tương tự y như thế là vị bị băng huyết.

24. Thường xuyên mang vải lót, bị rong kinh, bị dị căn, người nữ vô căn, và bị lại đực, (tiêu tiêu) chung một khiếu, và cả người nữ lưỡng căn.

25. Khởi đầu từ không có hiện tượng, sau khi đã thực hiện, và cô nào là người nữ lưỡng căn, điều này là từ phần gián lược ở bên dưới, bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh chàm.

26. Bệnh lao phổi, bệnh động kinh, cô là loài người, cô là người nữ, và cô là người được tự do, không thiếu

nợ, không là lính của vua, đã được cho phép và hai mươi (tuổi).

27. Và đầy đủ (y bát), cô tên gì, ni sư tể độ của cô tên gì, sau khi hỏi về hai mươi bốn pháp chương ngại, là việc tu lên bậc trên.

28. Các cô bị bối rối, khi chưa được giảng dạy, và tương tự y như thế ở giữa hội chúng, việc chọn vị thầy tể độ, y hai lớp, thượng y, và y nội.

29. Áo lót, và vải choàng tắm, sau khi được chỉ dạy, nên bảo đứng (ở chỗ kia), vị ni ngu dốt, chưa được chỉ định, (đi đến) chung, và nếu đã hỏi các pháp chương ngại.

30. Cô ni đã được tu lên bậc trên ở một phía, ở hội chúng tỳ khưu như thế một lần nữa, bóng nắng, mùa tiết, và (phân chia) ngày, việc kết tập, ba sự nương nhờ.

31. Tám điều không nên làm, (bị quá) giờ, ở mọi nơi, (đúng) tám chỗ, các tỳ khưu ni không hành lễ Pavāraṇā, và tương tự y như thế nơi hội chúng tỳ khưu.

32. Sự lộn xộn, trước bữa ăn, và lúc tối trời, sự lộn xộn, (đình chỉ) lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, việc khuyến bảo, việc cáo tội.

33. Thịnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở đã bị ngăn cấm bởi vị Đại Ấn Sĩ, tương tự y như thế tỳ khưu (đối với) tỳ khưu ni được cho phép bởi vị Đại Ấn Sĩ.

34. Xe, bị bệnh, và được kéo, bị dẫn xóc bởi xe, chuyện Aḍḍhakāṣī, vị tỳ khưu, vị ni tu tập sự, vị sa di, vị sa di ni, và vị ni ngu dốt.

35. Ở trong rừng, bởi vị nam cư sĩ, kho chứa đồ, căn nhà, không đáp ứng (như cầu), công trình mới, có bào thai đã hình thành, mỗi một mình.

36. Và việc ngụ chung nhà, tội nặng, sau khi xả bỏ (sự học tập), và đã chuyển sang, việc đánh lễ, (cao) tóc, và các móng, việc băng bó vết thương.

37. Với thể kiệt già, và vị ni bị bệnh, việc đại tiện, với bột tắm, được tắm hương, ở nhà tắm hơi, ở luồng nước chảy, ở nơi không phải là bãi tắm, và (tắm) với người nam.

38. Bà Mahāgotamī đã thỉnh cầu, và cả vị Ānanda khôn khéo, mà có được tứ chúng, việc xuất gia trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng.

39. Nhằm sự lợi ích của việc sanh khởi sự động tâm và sự phát triển của Chánh Pháp, ví như thuốc men đối với người bị bệnh, lời đã được đức Phật thuyết giảng là như vậy.

40. Được hướng dẫn như thế về Chánh Pháp, luôn cả các người nữ khác, các cô ấy cũng đạt đến vị thế Bất Tử, là nơi sau khi đi đến thì không sầu khổ.”

--ooOoo--

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN

NĂM TRĂM VỊ

DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP

1. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các sư đệ, vào lúc ấy ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng tỳ khưu có số lượng năm trăm vị tỳ khưu. Này các sư đệ, khi ấy ta đã rời đường lộ rồi ngồi xuống ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, có đạo sĩ lửa thể nọ sau khi nhận được bông hoa Mandārava ở Kusinārā đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Này các sư đệ, ta đã nhìn thấy vị đạo sĩ lửa thể ấy đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy ta đã nói với vị đạo sĩ lửa thể ấy điều này: ‘Này đạo hữu, đạo hữu có biết bậc Đạo Sư của chúng tôi không?’ ‘Ồ đạo hữu, đúng vậy, tôi có biết. Hôm nay Samôn Gotama đã Vô Dư Niết Bàn được bảy ngày rồi. Do đó, tôi mới có được bông hoa Mandārava này.’

2. Này các sư đệ, tại nơi ấy những tỳ khưu nào chưa đoạn tận ái dục, một số các vị đưa tay lên khóc than. Như thân cây bị đốn gãy, các vị ngã xuống lăn qua lăn lại (than rằng): “Đức Thế Tôn Vô Dư Niết Bàn quá sớm, đấng Thiện Thệ Vô Dư Niết Bàn quá sớm, bậc Hữu Nhân biến mất ở thế gian quá sớm.” Còn những tỳ khưu nào có ái dục đã được đoạn tận, các vị ấy có niệm, có sự tỉnh giác thời chấp nhận: “Các Pháp hữu vi là vô thường, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở đây.” Này các sư đệ, khi ấy ta đã nói với các tỳ khưu điều này: “Này các sư đệ, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Này các sư đệ, không phải điều ấy đã được đức Thế Tôn khuyến cáo là ngay với tất cả các vật thân yêu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có

bản chất không thật, có bản chất thay đổi? Nay các sư đệ, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở đây, nghĩa là vật gì được sanh lên, tồn tại, rồi bị biến đổi thuận theo pháp thế gian, (nếu nghĩ rằng): ‘Mong sao vật ấy chớ có bị hư hoại,’ sự kiện này không thể có được!”

3. Nay các sư đệ, vào lúc bấy giờ có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngồi trong tập thể ấy. Nay các sư đệ, khi ấy vị xuất gia lúc đã già Subhadda đã nói với các tỳ khưu ấy điều này: “Nay các vị, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn thoát khỏi vị đại Sa-môn ấy rồi. Và chúng ta đã bị làm khó khăn rằng: ‘Điều này được phép cho các người, điều này không được phép cho các người.’ Giờ đây, điều gì chúng ta thích chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích chúng ta sẽ không làm điều ấy.”

Nay các sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.”

- “Thưa ngài, chính vì điều ấy xin vị trưởng lão hãy tuyển chọn các tỳ khưu.” Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn bốn trăm chín mươi chín vị A-la-hán. Các vị tỳ khưu đã nói với đại đức Mahākassapa điều này: - “Thưa ngài, vị đại đức Ānanda này tuy còn là bậc Hữu Học nhưng không thể nào bị chi phối bởi tham, bởi sân, bởi si mê, bởi sợ hãi. Và vị này thuộc lòng nhiều Pháp và Luật từ đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy xin vị trưởng lão hãy tuyển chọn luôn cả đại đức Ānanda.”

4. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã tuyển chọn luôn cả đại đức Ānanda. Sau đó, các vị tỳ khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: - “Vậy chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?” Khi ấy, các vị tỳ khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: “Thành Rājagaha quả là có khu vực đất thực rộng lớn, có nhiều chỗ trú ngụ; hay là chúng ta nên trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các tỳ khưu khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?” Sau đó, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị tỳ khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ‘các tỳ khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.’ Đây là lời đề nghị.

Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định năm trăm vị tỳ khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ‘các tỳ khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.’ Vị nào đồng ý việc chỉ định năm trăm vị tỳ khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ‘các tỳ khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Năm trăm vị tỳ khưu này đã được hội chúng chỉ định để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ‘các tỳ khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.’ Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các tỳ khưu trưởng lão đã bàn bạc điều này: - “Này các đại đức, việc sửa chữa chỗ bị hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này các đại đức, vậy vào tháng thứ nhất chúng ta hãy sửa chữa những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại rồi trùng tụng Pháp và Luật.” Sau đó vào tháng thứ nhất, các tỳ khưu trưởng lão đã sửa chữa chỗ bị hư hỏng. Khi ấy, đại đức Ānanda (nghĩ rằng): “Ngày mai là đại hội, việc ta sẽ đi đến đại hội khi còn là bậc Hữu Học thật là không thích đáng cho ta!” rồi đã trải qua gần trọn đêm với niệm trú ở thân, và trong đêm vào lúc hùng sáng (mới khởi ý rằng): “Ta sẽ nằm xuống” rồi nghiêng thân hình. Và vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giở lên khỏi mặt đất, và trong khoảng thời gian ấy tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến đại hội, trong khi (đã) là vị A-la-hán.

6. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi đại đức Upāli về Luật.” Đại đức Upāli cũng đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Luật tôi sẽ trả lời.” Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli điều này: - “Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ nhất đã được quy định ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Vesālī.” - “Liên quan đến ai?” - “Liên quan đến Sudinna con trai của Kalanda.” - “Về sự việc gì?” - “Về việc (thực hiện việc) đôi lứa.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi

về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ nhất.

7. - “Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ nhì đã được quy định ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Rājagaha.” - “Liên quan đến ai?” - “Liên quan đến Dhaniya con trai người thợ đồ gốm.” - “Về sự việc gì?” - “Về việc lấy vật không được cho.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ nhì.

- “Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ ba đã được quy định ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Vesālī.” - “Liên quan đến ai?” - “Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.” - “Về sự việc gì?” - “Về việc tước đoạt mạng người.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ ba.

- “Này sư đệ Upāli, điều *pārājika* thứ tư đã được quy định ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Vesālī.” - “Liên quan đến ai?” - “Liên quan đến các tỳ khưu ở bờ sông Vaggumudā.” - “Về sự việc gì?” - “Về pháp thượng nhân.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy định, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội, và đã hỏi về sự không phạm tội của điều *pārājika* thứ tư. Bằng chính phương thức ấy, (đại đức Mahākassapa) đã hỏi về phần Luật Phân Tích của cả hai phái (tỳ khưu và tỳ khưu ni). Mỗi khi được hỏi, đại đức Upāli đã trả lời.

8. Sau đó, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp.” Khi ấy, đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Pháp tôi sẽ trả lời.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda điều này: - “Này sư đệ Ānanda, kinh *Brahmajāla* (Phạm Võng) đã được thuyết ở đâu?” - “Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalatthikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda.” - “Liên quan đến ai?” - “Đến du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadata.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh *Brahmajāla*.

- “Này sư đệ Ānanda, kinh *Sāmaññaphala* (Sa-môn Quả) đã được thuyết ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Rājagaha nơi vườn xoài của Jīvaka.” - “Với ai?” - “Với Ajātasattu con trai của Videhi.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh *Sāmaññaphala*. Bằng chính phương thức ấy, (đại đức Mahākassapa) đã hỏi về năm bộ Kinh. Mỗi khi được hỏi, đại đức Ānanda đã trả lời.

GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẤT VÀ ÍT QUAN TRỌNG

9. Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với các tỳ khưu trưởng lão điều này: - “Thưa các ngài, vào thời điểm Vô Dư Niết Bàn đức Thế Tôn đã nói với tôi như vậy: ‘Này Ānanda, khi ta không còn, hội chúng nếu muốn có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.’” - “Này sư đệ Ānanda, vậy người có hỏi đức Thế Tôn: ‘Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?’ không?” - “Thưa các ngài, tôi đã không hỏi đức Thế Tôn: ‘Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?’”

Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.” Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.” Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *anīyata*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.” Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *anīyata*, giữ lại ba mươi điều *nissaggiya pācittiya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.” Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *anīyata*, giữ lại ba mươi điều *nissaggiya pācittiya*, giữ lại chín mươi hai điều *pācittiya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng.” Một số trưởng lão đã nói như vậy: - “Giữ lại bốn điều *pārājika*, giữ lại mười ba điều *saṅghādisesa*, giữ lại hai điều *anīyata*, giữ lại ba mươi điều *nissaggiya*

pācittiya, giữ lại chín mươi hai điều *pācittiya*, giữ lại bốn điều *pāṭidesanīya*, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.”

10. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: ‘Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.’ Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: ‘Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo Sư của họ còn tồn tại khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo Sư của họ đã Vô Dư Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.’ Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm điều chưa được quy định, không nên bỏ đi điều đã được quy định, nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị.

Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: ‘Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.’ Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: ‘Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo Sư của họ còn tồn tại khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo Sư của họ đã Vô Dư Niết Bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.’ Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Đại đức nào đồng ý việc không

quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

11. Khi ấy, các tỳ khưu trưởng lão đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Này sư đệ Ānanda, đây là tội *dukkata* cho người về việc người đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: ‘Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?’ Người hãy trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Thưa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: ‘Bạch ngài, vậy các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng là các điều nào?’ Tôi không nhìn thấy tội *dukkata* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* cho người về việc người đập lên y tấm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Người hãy trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đập lên y tấm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không nhìn thấy tội *dukkata* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* cho người về việc người cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân

của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc nhục thân của đức Thế Tôn đã bị lấm lem bởi nước mắt. Người hãy trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Thưa các ngài, (nghĩ rằng): ‘Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm,’ nên tôi đã cho phép phụ nữ đánh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không nhìn thấy tội *dukkata* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* cho người về việc trong khi được ra dấu hiệu rõ ràng, trong khi được làm biểu hiện rõ rệt bởi đức Thế Tôn, người đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: ‘Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư Thiên và nhân loại.’ Người hãy trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Thưa các ngài, vì tâm đã bị Ma Vương ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: ‘Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư Thiên và nhân loại.’ Tôi không nhìn thấy tội *dukkata* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Này sư đệ Ānanda, đây cũng là tội *dukkata* cho người về việc người đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Người hãy trình báo tội *dukkata* ấy.”

- “Thưa các ngài, (nghĩ rằng): ‘Bà Mahāpajāpatī Gotamī này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, khi người mẹ ruột qua đời bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa’ nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không nhìn thấy tội *dukkata* ấy, nhưng vì niềm tin đối với các đại đức tôi xin trình báo tội *dukkata* ấy.”

12. Vào lúc bấy giờ, đại đức Purāṇa đi du hành ở Dakkhiṇāgiri¹ cùng với đại chúng tỳ khưu có số lượng năm trăm vị tỳ khưu. Khi ấy, trong lúc Pháp và Luật đang được trùng tụng bởi các tỳ khưu trưởng lão, đại đức Purāṇa sau khi trú ở Dakkhiṇāgiri theo như ý thích đã đi đến thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, chỗ các tỳ khưu trưởng lão, sau khi đến đã thân thiện chào hỏi các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Khi đại đức Purāṇa đã ngồi xuống một bên, các tỳ khưu trưởng lão đã nói với đại đức Purāṇa điều này: - “Này đại đức Purāṇa, Pháp và Luật đã được trùng tụng bởi các vị trưởng lão. Người hãy hành theo sự trùng tụng ấy.” - “Này các đại đức, Pháp và Luật đã được các vị trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi.”

¹ Dakkhiṇāgiri là tên của ngọn núi ở phía nam thành Rājagaha và cũng có nghĩa Việt là ‘ngọn núi ở phía nam’ (ND).

GIẢNG VỀ HÌNH PHẬT PHẠM THIÊN

13. Sau đó, đại đức Ānanda đã nói với các vị tỳ khưu trưởng lão điều này: - “Thưa các ngài, vào thời điểm Vô Dư Niết Bàn đức Thế Tôn đã nói với tôi như vậy: ‘Này Ānanda, chính vì điều ấy khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Phạm Thiên¹ đối với tỳ khưu Channa.’” - “Này sư đệ Ānanda, vậy người có hỏi đức Thế Tôn: ‘Bạch ngài, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào’ không?” - “Thưa các ngài, quả tôi đã hỏi đức Thế Tôn rằng: ‘Bạch ngài, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào?’ ‘Này Ānanda, tỳ khưu Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các tỳ khưu không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy tỳ khưu Channa.’” - “Này sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy chính sư đệ hãy áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với tỳ khưu Channa.”

- “Thưa các ngài, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với tỳ khưu Channa được? Vị tỳ khưu ấy dữ tợn và thô lỗ.” - “Này sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy người hãy đi cùng với nhiều vị tỳ khưu.” - “Thưa các ngài, xin vâng.” Rồi đại đức Ānanda nghe theo các tỳ khưu trưởng lão đã cùng với đại chúng tỳ khưu có số lượng năm trăm vị tỳ khưu đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambi. Sau khi rời thuyền, đại đức Ānanda đã ngồi xuống ở gốc cây nọ không xa vườn thượng uyển của đức vua Udena.

14. Vào lúc bấy giờ, đức vua Udena đi dạo quanh tại công viên cùng với đám hầu thiếp. Đám hầu thiếp của đức vua Udena đã nghe rằng: “Nghe nói giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ không xa công viên lắm.” Khi ấy, đám hầu thiếp của đức vua

¹ *Brahmadāṇḍa* (hình phạt Phạm Thiên): từ này đã được dịch âm là Phạm Đàm (ND).

Udena đã tâu với đức vua Udena điều này: - “Tâu chúa thượng, nghe nói giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ không xa công viên lắm. Tâu chúa thượng, chúng tôi muốn viếng thăm ngài Ānanda.” - “Chính vì điều ấy, các khanh hãy thăm viếng Sa-môn Ānanda.”

Sau đó, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi đám hầu thiếp ấy đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đám hầu thiếp của đức vua Udena bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau đó, khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiều quanh, rồi trở về lại đức vua Udena.

Đức vua Udena đã nhìn thấy đám hầu thiếp đang đi lại từ đằng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với đám hầu thiếp điều này: - “Thế các khanh có viếng thăm Sa-môn Ānanda không vậy?” - “Tâu chúa thượng, chúng tôi đã viếng thăm ngài Ānanda.” - “Thế các khanh đã dâng vật gì cho Sa-môn Ānanda vậy?” - “Tâu chúa thượng, chúng tôi đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y.” Đức vua Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao Sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ Sa-môn Ānanda sẽ làm nhà buôn vải hay bày ra gian hàng tơ lụa?”

15. Sau đó, đức vua Udena đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã bày tỏ sự thân thiện với đại đức

Ānanda, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Udena đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa ngài Ānanda, có phải đám hầu thiếp của chúng tôi đã đến đây?”

- “Tâu đại vương, đám hầu thiếp của ngài đã đến đây.”

- “Vậy chớ họ đã dâng vật gì đến ngài Ānanda?”

- “Tâu đại vương, họ đã dâng đến tôi năm trăm thượng y.”

- “Vậy chớ ngài Ānanda sẽ làm gì với nhiều y đến thế?”

- “Tâu đại vương, các vị tỳ khưu nào có y bị tàn tạ tôi sẽ chia sẻ với các vị ấy.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những y cũ và tàn tạ?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những khăn trải bị cũ đi?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những vải bọc nệm bị cũ đi?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những thảm lót sàn bị cũ đi?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ chùi chân bị cũ đi?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi.”

- “Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ lau bụi bị cũ đi?”

- “Tâu đại vương, chúng tôi sẽ nghiền nhỏ chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm bụi nền xung quanh.”

Khi ấy đức vua Udena (khởi ý rằng): ‘Chính tất cả các Sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trưởng giả’ rồi đã dâng lên đại đức Ānanda năm trăm xấp vải khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên vật thí về y đã phát sanh đến đại đức Ānanda một ngàn y.

16. Sau đó, đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi đại đức Channa đã ngồi xuống một bên, đại đức Ānanda đã nói với đại đức Channa điều này: - “Này sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Phạm Thiên đối với sư đệ.” - “Thưa sư huynh Ānanda, vậy hình phạt Phạm Thiên là như thế nào?”

- “Này sư đệ Channa, điều gì sư đệ muốn với các tỳ khưu thì sư đệ có thể nói điều ấy. Còn các tỳ khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy sư đệ.” - “Thưa sư huynh

Ānanda, như vậy không phải sư đệ đã bị giết chết hay sao, bởi vì các tỳ khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy sư đệ nữa?” rồi bị ngắt xiú ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

17. Sau đó, trong khi bị dẫn dắt bởi hình phạt Phạm Thiên, trong khi bị tui hổ, trong khi nhờm gồm, đại đức Channa một mình đã tách riêng, rồi trong khi sống không bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến, và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy đã biết rõ rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã hoàn tất, việc cần làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa.” Và thêm một vị nữa là đại đức Channa đã trở thành vị A-la-hán.

Sau đó, khi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán đại đức Channa đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: - “Thưa sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Phạm Thiên cho đệ.” - “Này sư đệ Channa, kể từ khi sư đệ chứng ngộ phẩm vị A-la-hán, kể từ thời điểm ấy hình phạt Phạm Thiên của sư đệ đã được thu hồi.”

Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện năm trăm vị tỳ khưu, không thiếu không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là “Liên quan năm trăm vị.”

Chương Liên Quan Năm Trăm Vị là thứ mười một.

Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Khi đấng Toàn Giác đã Vô Dư Niết Bàn, vị trưởng lão tên Kassapa, người bảo vệ chánh Pháp, đã bảo với nhóm tỳ khưu rằng:

2. Trong cuộc hành trình đường xa từ Pāvā, có điều đã được phát biểu bởi Subhadda. Chúng ta hãy trùng tụng Chánh Pháp trước khi phi Pháp phát triển.

3. Năm trăm còn thiếu một, và vị ấy đã chọn cả Ānanda, cuộc kết tập về Pháp và Luật, trong khi cư trú ở hang động tối thưng.

4. Vị ấy đã hỏi Upāli về Luật, (đã hỏi) bậc trí Ānanda về Kinh. Các vị đệ tử của đấng Chiến Thắng đã thực hiện việc kết tập Tam Tạng.

5. Các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, nhiều loại, sự thực hành theo như sự quy định, vị đã không hỏi, và đã đập lên, đã cho đánh lễ, và đã không cầu khẩn, việc xuất gia cho người nữ, các tội dukkaṭa của tôi là vì niềm tin.

6. Vị Purāṇa, và hình phạt Phạm Thiên, các hầu thiếp cùng với đức vua Udena, như vậy quá nhiều, và bị tàn tạ, các khăn trải, và vải bọc nệm.

7. Các thảm lót sàn, các giẻ chùi chân, lau bụi, trộn với bùn đất, vị đã phát sanh một ngàn y lân đầu có tên gọi là Ānanda.

8. Bị sợ hãi bởi hình phạt Phạm Thiên, vị đã đạt được bốn Chân Lý, các vị có năng lực là năm trăm, vì thế gọi là “Năm Trăm Vị.”

--ooOoo--

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN

BẢY TRĂM VỊ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Vào lúc bấy giờ, khi đức Thế Tôn Vô Dư Niết Bàn được một trăm năm, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc là: “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.”¹

2. Vào lúc bấy giờ, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka trong khi du hành ở xứ Vajji đã đến trú tại Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trú tại Mahāvana, nơi giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī vào ngày *Uposatha* sau khi đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng tỳ khưu và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vầy: - “Này các đạo hữu, hãy bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa (*kahāpaṇa*), một *pāda*, một *māsaka*. Hội chúng sẽ có

¹ Mười sự việc này có ý nghĩa như sau: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành lễ *Uposatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ tỳ khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng vật lót ngồi không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (ND).

việc phải làm về vật dụng.” Khi được nói như vậy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: - “Này các đạo hữu, chớ có bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa (*kahāpaṇa*), một *pāda*, một *māsaka*. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.”

Trong khi được đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bố thí đến hội chúng một *kahāpaṇa*, một nửa (*kahāpaṇa*), một *pāda*, một *māsaka*. Sau đó, vào cuối đêm ấy các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã xác định phần chia tùy theo số lượng tỳ khưu rồi đã phân chia số tiền vàng ấy.

Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này: - “Này đại đức Yasa, phần chia tiền vàng này thuộc về đại đức.” - “Này các đại đức, phần chia tiền vàng này không thuộc về tôi, tôi không thích thú tiền vàng.”

Sau đó, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī (bàn bạc rằng): “Này các đại đức, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka này quả trách, chê bai, làm giảm đức tin các cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy.” Họ đã thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī điều này: - “Này các đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Vị sứ giả cùng đi nên được ban đến vị tỳ khưu thực hiện hành sự hòa giải.’ Này các đại đức, hãy cho tôi vị tỳ khưu làm sứ giả cùng đi.” Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi

Vajji ở Vesālī đã chỉ định một vị tỳ khưu và cho làm sứ giả cùng đi với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

4. Sau đó, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka cùng với vị tỳ khưu là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: - “Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm giảm đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo (trong việc) tôi đây nói phi Pháp là: ‘Phi Pháp,’ Pháp là: ‘Pháp,’ phi Luật là: ‘Phi Luật,’ Luật là: ‘Luật.’”

Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvattī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Này các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Bốn vật ấy là gì? Này các tỳ khưu, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi. Này các tỳ khưu, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. —nt— Này các tỳ khưu, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. —nt— Này các tỳ khưu, Rāhu chúa loài Asura (hiện tượng nguyệt và nhật thực) là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Này các tỳ khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi.

Này các tỳ khưu, tương tự y như thế đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và

Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Bốn điều ấy là gì? Đây các tỳ khưu, có những Sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Đây các tỳ khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Đây các tỳ khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhì đối với Sa-môn và Bà-la-môn. — nt —

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ nhận vàng bạc. Đây các tỳ khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với Sa-môn và Bà-la-môn. — nt —

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Đây các tỳ khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với Sa-môn và Bà-la-môn. — nt —

Này các tỳ khưu, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi.’ Đây các đạo hữu, đức Thế Tôn đã nói điều ấy, đấng Thiện Thệ đã nói điều ấy, rồi bậc Đạo Sư còn nói thêm điều này nữa:

‘Có những Sa-môn và Bà-la-môn bị ô nhiễm bởi ái dục và sân, là những người bị che ám bởi vô minh, có sự thỏa thích ở các hình dáng đáng yêu.

Họ uống rượu, men say, theo đuổi việc đôi lứa, thích thú bạc và vàng, họ là những kẻ ngu si tầm tối.

Có những Sa-môn và Bà-la-môn sống bằng tà mạng. Những sự ô nhiễm này đã được nói lên bởi đức Phật, là vị thân quyến của mặt trời.

Những Sa-môn và Bà-la-môn đã bị ô nhiễm bởi những ô nhiễm ấy thì không còn chói sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lợi, không trong sạch, có nhiễm bụi, như là loài thú.

Bị bao phủ bởi bóng đêm, họ là những nô lệ của tham ái, là những kẻ bị (tham ái) dẫn đi, họ làm tăng trưởng nghĩa địa kinh hoàng, họ bám lấy sự tái sinh lần nữa.'

Có lời nói như vậy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo (trong việc) tôi đây nói phi Pháp là: '*Phi Pháp*,' Pháp là: '*Pháp*,' phi Luật là: '*Phi Luật*,' Luật là: '*Luật*.'

5. Đây các đạo hữu, vào một thuở họ đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Đây các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: 'Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.' Đây các đạo hữu, vào lúc bấy giờ vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đang ngồi trong nhóm người ấy.

Này các đạo hữu, khi ấy vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với nhóm người ấy điều này: 'Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng

bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.’ Nay các đạo hữu, vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy.

6. Nay các đạo hữu, sau đó, khi đã thuyết phục được nhóm người ấy vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Nay các đạo hữu, khi đã ngồi xuống một bên vị thôn trưởng Maṇicūḷaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, ở đây trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: ‘Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.’ Bạch ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: ‘Quý vị chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc.’ Bạch ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức Thế Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo Giáo Pháp, không rơi vào vị thế bị chê trách?”

- “Này Thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, người là người đã nói đúng lời của ta và người không vu khống ta một cách sai trái. Người đã nói theo lý lẽ của Giáo Pháp và người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo Giáo Pháp, không rơi vào vị thế đáng bị chê trách. Này Thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép

đối với các Sa-môn Thích tử, các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc, các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc. Nay Thôn trưởng, đối với kẻ nào vàng bạc là được phép thì đối với kẻ ấy năm phần dục lạc cũng là được phép. Nay Thôn trưởng, đối với kẻ nào năm phần dục lạc là được phép thì người có thể nắm chắc về điều này là: ‘Không phải là pháp của Sa-môn, không phải là pháp của Thích tử.’ Nay Thôn trưởng, và ta còn nói như vậy: Người mong muốn cỏ thì tầm câu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, người mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ, người mong muốn đàn ông thì tầm cầu đàn ông. Nay Thôn trưởng, nhưng ta không có nói rằng: ‘Bằng bất cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu.’

Có lời nói như vậy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo (trong việc) tôi đây nói phi Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ Pháp là: ‘*Pháp*,’ phi Luật là: ‘*Phi Luật*,’ Luật là: ‘*Luật*.’

7. Nay các đạo hữu, vào một thuở nọ, ở ngay chính nơi ấy tại thành Rājagaha đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến đại đức Upananda dòng dõi Sakya. Có lời nói như vậy: “Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo (trong việc) tôi đây nói phi Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ Pháp là: ‘*Pháp*,’ phi Luật là: ‘*Phi Luật*,’ Luật là: ‘*Luật*.’” Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này: - “Thưa ngài, chỉ có một mình ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka là Sa-môn Thích tử, chính tất cả các vị kia đều không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật

dụng là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đối với ngài đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.” Sau đó, khi đã khiến cho các cư sĩ ở Vesālī nhận thức được, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka với vị tỳ khưu sứ giả cùng đi đã trở về tu viện.

8. Sau đó, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã hỏi vị tỳ khưu sứ giả cùng đi rằng: - “Này sư đệ, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã yêu cầu các cư sĩ ở Vesālī thứ lỗi chưa vậy?” - “Chúng ta gặp điều xúi quẩy với các cư sĩ rồi. Chỉ một mình Yasa con trai của Kākaṇḍaka được xem là Sa-môn Thích tử. Còn chính tất cả chúng ta đã bị xem không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử.”

Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī (đã bàn bạc rằng): “Này các đại đức, Yasa con trai của Kākaṇḍaka này chưa được chúng ta chỉ định đã giảng giải cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy.” Họ đã tụ họp lại với ý định thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambi. Sau đó, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khưu ở Pāvā, Avanti, và khu vực phía nam (nói rằng): “Xin các đại đức hãy đến, chúng ta cần nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.” Vào lúc bấy giờ, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đang ngụ tại núi Ahogaṅga. Khi ấy, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến núi Ahogaṅga gặp đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sambhūta Sāṇavāsī rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức

Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này:

- “Thưa ngài, các tỳ khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: ‘Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.’ Thưa ngài, vậy chúng ta sẽ nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.” - “Này đại đức, đúng vậy.” Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka.

9. Sau đó, các tỳ khưu ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khất thực, tất cả là những vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, tất cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṇḍa. Các tỳ khưu ở Avanti và khu vực phía nam có số lượng tám mươi tám vị, một số vị sống trong rừng, một số vị hành hạnh khất thực, một số vị mặc y (may bằng) vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vị đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogaṇḍa.

Khi ấy, trong lúc các tỳ khưu trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Làm thế nào chúng ta có thể đạt được nhóm, nhờ thế

trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?” Vào lúc bấy giờ, đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Khi ấy, các tỳ khưu trưởng lão đã khởi ý rằng: “Chính vị đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có được đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn.”

Trong khi các tỳ khưu trưởng lão đang hội ý, đại đức Revata nhờ vào Thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được, sau khi nghe được đã khởi ý điều này: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không thích đáng cho ta là việc ta lại tránh né các sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị tỳ khưu ấy sẽ đi đến, bị lấn cấn bởi các vị ấy, ta đây sẽ đi không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?” Khi ấy, đại đức Revata từ Soreyya đã đi đến Saṅkassa.

10. Sau đó, các vị tỳ khưu trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng: - “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: - “Vị đại đức Revata ấy đã đi Saṅkassa rồi.” Rồi đại đức Revata từ Saṅkassa đã đi Kaṇṇakujja. Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão đã đi đến Saṅkassa hỏi rằng: - “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: - “Vị đại đức Revata ấy đã đi Kaṇṇakujja rồi.” Rồi đại đức Revata từ Kaṇṇakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão đã đi đến Kaṇṇakujja hỏi rằng: - “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: - “Vị đại đức Revata ấy đã đi Udumbara rồi.” Rồi đại đức

Revata từ Udumbara đã đi thành phố Aggaḷa. Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng: - “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: - “Vị đại đức Revata ấy đã đi thành phố Aggaḷa rồi.” Rồi đại đức Revata từ thành phố Aggaḷa đã đi Sahajāti. Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão đã đi đến thành phố Aggaḷa hỏi rằng: - “Đại đức Revata ở đâu?” Các người ấy đã nói như vậy: - “Vị đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.” Rồi các tỳ khưu trưởng lão đã gặp được đại đức Revata ở Sahajāti.

11. Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka điều này: - “Này sư đệ, đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi đại đức Revata câu hỏi, đại đức Revata có khả năng trình bày trọn đêm chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, đại đức Revata sẽ gọi vị tỳ khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Khi chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị tỳ khưu ấy, chính sư đệ nên đi đến gặp đại đức Revata và hỏi về mười sự việc ấy.”

- “Thưa ngài, xin vâng.” Đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã trả lời đại đức Sambhūta Sāṇavāsī. Khi ấy, đại đức Revata đã gọi vị tỳ khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Vào lúc chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị tỳ khưu ấy, khi ấy đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka đã nói với đại đức Revata điều này:

12. i. - “Thưa ngài, quý định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?” - “Này sư đệ, quý định cất giữ muối

trong ống sừng ấy là gì?” - “Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp (thức ăn) thiếu muối,’ có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

ii. - “Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?” - “Này sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?” - “Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sai giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã quá hai ngón tay, có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

iii. - “Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?” - “Này sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?” - “Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực (nghĩ rằng): ‘Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng’ rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

iv. - “Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?” - “Này sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?” - “Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Uposatha* riêng biệt, có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

v. - “Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?” - “Này sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?” - “Thưa ngài là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): ‘Chúng ta sẽ thuyết phục các tỳ khưu đi đến,’ có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

vi. - “Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?” - “Này sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?” - “Thưa ngài là (vị nghĩ rằng): ‘Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta’ rồi thực hành theo, có được phép

không?” - “Này sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.”

vii. - “Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?” - “Này sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?” - “Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

viii. - “Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?” - “Này sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?” - “Thưa ngài, là loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.”

ix. - “Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?” - “Này sư đệ, không được phép.”

x. - “Thưa ngài, vàng bạc là được phép?” - “Này sư đệ, không được phép.”

- “Thưa ngài, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi.” - “Này sư đệ, đúng vậy.” Đại đức Revata đã trả lời đại đức Yasa con trai của Kākāṇḍaka.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

TỤNG PHẨM THỨ NHÌ

13. Các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nghe rằng: “Nghe nói Yasa con trai của Kākaṇḍaka có ý định nắm lấy sự tranh tụng này nên tìm cầu phe nhóm, và nghe nói đã đạt được phe nhóm.” Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: “Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Người nào mà chúng ta có thể đạt được chung nhóm, nhờ thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn?” Rồi các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: “Chính vị đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được đại đức Revata chung nhóm, như thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn.”

Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước, và đồ lọc nước thông thường. Sau đó, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã mang theo vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đáp thuyền ngược giòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ thực hiện việc chia phần thức ăn ở gốc cây nọ.

14. Khi ấy, đại đức Sālha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng đã có tư tưởng suy tâm khởi lên như vậy: “Những ai là người nói đúng Pháp, các tỳ khưu ở về hướng Đông hay là các tỳ khưu ở Pāvā?” Sau đó, đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: “Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp.” Khi ấy, có vị Trời nọ ở cõi Tịnh Cư dùng tâm biết được tư

tưởng suy tâm của đại đức Sālha, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự y như thế, vị ấy đã biến mất giữa chư Thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt đại đức Sālha. Khi ấy, vị Trời ấy đã nói với đại đức Sālha điều này: - “Thưa ngài Sālha, đúng vậy. Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài Sālha, chính vì điều ấy ngài hãy duy trì theo đúng Pháp.” - “Này vị Trời, ngay cả trước đây và bây giờ ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ (hội chúng) sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.”

15. Sau đó, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này: - “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước, và đồ lọc nước thông thường.” - “Này các đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y.” Và đã không muốn thọ nhận.

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu được hai mươi năm tên Uttara là thị giả của đại đức Revata. Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với đại đức Uttara điều này: - “Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước, và đồ lọc nước thông thường.” - “Này các đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y.” Và đã không muốn thọ nhận.

- “Này đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết cho Sa-môn đến đức Thế Tôn. Nếu đức Thế Tôn thọ nhận, chính vì điều ấy họ trở nên hoan hỷ.

Nếu đức Thế tôn không thọ nhận, họ dâng đến đại đức Ānanda: ‘Thưa ngài, xin trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lọc nước, và bình đựng nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh.’ Xin đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài trưởng lão thọ lãnh.”

16. Khi ấy, đại đức Uttara bị ép buộc bởi các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lấy một y (nói rằng): - “Này các đại đức, hãy nói lý do về việc này.” - “Xin đại đức Uttara hãy nói với ngài trưởng lão chỉ có một điều này: ‘Thưa ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng đông. Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói phi Pháp.’” - “Này các đại đức, được rồi.” Rồi đại đức Uttara nghe theo các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã đi đến gặp đại đức Revata, sau khi đến đã nói với đại đức Revata điều này: - “Thưa ngài, xin ngài trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: ‘Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng đông. Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói phi Pháp.’”

- “Này tỳ khưu, người đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.” Vị trưởng lão đã đuổi đại đức Uttara đi. Khi ấy, các tỳ khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với đại đức Uttara điều này: - “Này đại đức Uttara, ngài trưởng lão đã nói gì?” - “Này các đại đức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài trưởng lão đã đuổi tôi đi (nói rằng): ‘Này tỳ khưu, người đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.’”

- “Này đại đức Uttara, không phải đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao?” - “Này các đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ sự nương nhờ với vị thầy.”

17. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu chúng ta giải quyết sự tranh tụng này ở nơi đây, các tỳ khưu là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi.” Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī.

18. Vào lúc bấy giờ, vị trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm, là đệ tử của đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, đại đức Revata đã nói với đại đức Sambhūta Sāṇavāsī điều này: - “Này sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; sư đệ đây nên đi đến gặp đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc để hỏi về mười sự việc ấy.” - “Thưa ngài, xin vâng.” Đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đáp lại đại đức Revata. Sau đó, đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ.

Chỗ nằm ngồi của đại đức Sabbakāmī là được sắp đặt ở phòng trong, còn của đại đức Revata ở mặt tiền của phòng trong. Khi ấy, đại đức Revata (nghĩ rằng): ‘Vị trưởng lão cao niên này không nằm’ nên không nằm xuống. Đại đức Sabbakāmī (nghĩ rằng): ‘Vị tỳ khưu vắng lai này đang mệt vẫn không nằm’ rồi đã không nằm xuống.

Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, đại đức Sabbakāmi sau khi đứng dậy đã nói với đại đức Revata điều này: - “Này sư đệ mến, hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú nào?” - “Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ.” - “Này sư đệ mến, nghe nói hiện nay người thường xuyên an trú với sự an trú còn nông cạn. Này sư đệ mến, sự an trú còn nông cạn ấy tức là tâm từ.”

- “Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an trú tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú nào?” - “Này sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không?”

- “Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc đại nhân ấy tức là trạng thái không.” - “Này sư đệ mến, trước đây khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay.” Lúc bấy giờ, cuộc nói chuyện trao đổi này của hai vị tỳ khưu trưởng lão là chưa chấm dứt.

19. Rồi đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã ngự đến nơi ấy. Khi ấy, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã đi đến gặp đại đức Sabbakāmi, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sabbakāmi rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī đã nói với đại đức Sabbakāmi điều này: - “Thưa ngài, các tỳ khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: ‘Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được

phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.’ Thừa ngài, ngài trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở chân của thầy tế độ; thừa ngài, khi ngài trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các tỳ khưu ở về hướng Đông hay là các tỳ khưu ở Pāvā?”

- “Này sư đệ, người cũng đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở nguồn gốc của thầy tế độ; này sư đệ, khi người quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, là các tỳ khưu ở về hướng Đông hay là các tỳ khưu ở Pāvā?” - “Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vậy: ‘Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;’ tuy nhiên tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ (hội chúng) sẽ chỉ định tôi trong sự tranh tụng này.”

- “Này đệ, ngay cả ta khi quán xét về Pháp và Luật cũng khởi ý như vậy: ‘Các tỳ khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các tỳ khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp;’ tuy nhiên ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ (hội chúng) sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này.”

20. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được phân xử, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Khi ấy, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét,

các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị tỳ khưu ở hướng Đông, bốn vị tỳ khưu ở Pāvā: Đại đức Sabbakāmi, đại đức Sālha, đại đức Ujjasobhita, đại đức Vāsabhagāmika là (đại biểu) của các tỳ khưu ở hướng Đông, đại đức Revata, đại đức Sambhūta Sāṇavāsī, đại đức Yasa con trai của Kākaṇḍaka, và đại đức Sumana là (đại biểu) của các tỳ khưu ở Pāvā.”

Sau đó, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định bốn vị tỳ khưu ở hướng Đông, bốn vị tỳ khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định bốn vị tỳ khưu ở hướng Đông, bốn vị tỳ khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vị tỳ khưu ở hướng Đông, bốn vị tỳ khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Bốn vị tỳ khưu ở hướng Đông, bốn vị tỳ khưu ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

21. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu tên Ajita, được mười năm, là vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định đại đức Ajita là vị sắp xếp chỗ ngồi cho các tỳ khưu trưởng lão. Khi ấy, các tỳ khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: “Chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở đâu?” Khi ấy, các tỳ khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: “Tu viện Vālīka này xinh xắn ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālīka?” Sau đó, các tỳ khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vālīka. Sau đó, đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi đại đức Sabbakāmi về Luật.” Đại đức Sabbakāmi đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được vị Revata hỏi về Luật, tôi sẽ trả lời.” Sau đó, đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi điều này:

i. - “Thưa ngài, quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép?” - “Này sư đệ, quy định cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì?” - “Thưa ngài, là mang theo muối bằng ống sừng (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp (thức ăn) thiếu muối,’ có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga* (Phân Tích Giới Bốn).” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về vật thực đã được tích trữ.”¹ - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhất này.”

¹ Điều học *pācittiya* 38.

² Điều học *pācittiya* 37.

ii. - “Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép?” - “Này sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?” - “Thưa ngài, là ăn vật thực sai giờ khi bóng nắng mặt trời (chiếu ở trên đất) đã quá hai ngón tay, có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở thành Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về vật thực sai giờ.”² - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhì này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thệ thứ nhì này.”

iii. - “Thưa ngài, quy định trong làng là được phép?” - “Này sư đệ, quy định trong làng ấy là gì?” - “Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực (nghĩ rằng): ‘Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng’ rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Sāvatthi, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.”¹ - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ ba này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thệ thứ ba này.”

iv. - “Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép?” - “Này sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì?” - “Thưa ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ *Upasatha* riêng biệt, có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Rājagaha, trong phần liên quan đến lễ

¹ Điều học *pācittiya* 35.

Uposatha.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *dukkata* về việc vượt quá Luật.” - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tư này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này.”

v. - “Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép?” - “Này sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì?” - “Thưa ngài là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng (nghĩ rằng): ‘Chúng ta sẽ thuyết phục các tỳ khưu đi đến,’ có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *dukkata* về việc vượt quá Luật.” - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ năm này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này.”

vi. - “Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép?” - “Này sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì?” - “Thưa ngài là (vị nghĩ rằng): ‘Điều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta’ rồi thực hành theo, có được phép không?” - “Này sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép.” - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ sáu này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ sáu này.”

vii. - “Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép?” - “Này sư đệ, quy định chưa được khuấy ấy là gì?” - “Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa

nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngần vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại (từ bữa ăn), có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về vật thực không phải là còn thừa.”¹ - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ bảy này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thê thứ bảy này.”

viii. - “Thưa ngài, quy định uống nước trái cây lên men là được phép?” - “Này sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì?” - “Thưa ngài, là uống loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Kosambi, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về việc uống rượu và chất say.”² - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tám này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thê thứ tám này.”

ix. - “Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Sāvatti, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về vật cần được cất bỏ.”³ - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ chín này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không

¹ Điều học *pācittiya* 35.

² Điều học *pācittiya* 51.

³ Điều học *pācittiya* 89.

⁴ Điều học *nissaggiya pācittiya* 18.

đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ chín này.”

x. - “Thưa ngài, vàng bạc là được phép?” - “Này sư đệ, không được phép.” - “(Việc ấy) được phủ quyết ở đâu?” - “Ở Rājagaha, trong *Suttavibhaṅga*.” - “(Làm việc ấy) phạm tội gì?” - “Phạm tội *pācittiya* về việc thọ nhận vàng bạc.”⁴ - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ mười này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư. Tôi để riêng thẻ thứ mười này.”

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sai lời dạy của bậc Đạo Sư.” - “Này sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Này sư đệ, tuy nhiên sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các tỳ khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.”

22. Sau đó, đại đức Revata đã hỏi đại đức Sabbakāmi về mười sự việc ấy ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, đại đức Sabbakāmi đã trả lời. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị tỳ khưu không thiếu không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là ‘Liên quan bảy trăm vị.’”

Chương Liên Quan Bảy Trăm Vị.

Trong chương này có hai mươi lăm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Mười sự việc, sau khi đồ đầy, hành sự, cùng với sứ giả, vị đã đi vào, bốn (vật làm ô nhiễm), còn nữa, và vàng, Kosambi, và vị ở Pāvā.

2. Đường đi, Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja, Udumbara, Aggaḷa, và Sahajāti, vị đã nghe, người nào mà chúng ta?

3. Bình bát, bằng thuyền, đã đi ngược dòng, vị ở nơi thanh vắng, dâng đến, vị thầy, và hội chúng, thành Vesālī, tâm từ, hội chúng, các đại biểu.”

4. Hành sự, và hình phạt parivāsa, tích lũy (tội), và luôn cả dàn xếp, các tiểu sự, và sàng tọa, chia rẽ (hội chúng), phạt sự, (đỉnh chỉ) lễ Uposatha, tỳ khưu ni, năm trăm, bảy trăm, là các chương ở Tiểu Phẩm.

[Mười hai chương đã được đề cập đến]

TIỂU PHẨM ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--ooOoo--

